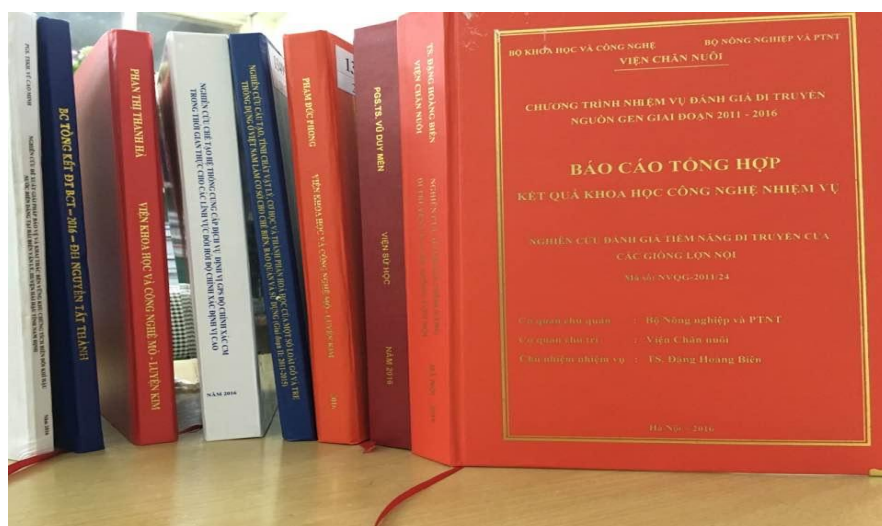


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 03
2022



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	146

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

74479.1-2020. Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

③ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	10
10102. Toán học ứng dụng.....	11
10103. Thống kê.....	11
10199. Toán học và thống kê khác.....	13
10201. Khoa học máy tính	13
10202. Khoa học thông tin	15
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	15
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	15
10304. Vật lý hạt nhân	16
10306. Quang học	16
10403. Hoá lý	18
10509. Các khoa học môi trường	18
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển.....	19
10511. Khí hậu học	19
10512. Hải dương học	20
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	21
10606. Sinh học phân tử.....	23
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	24
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	25
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị	25
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	26
20105. Kỹ thuật thủy lợi	27
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	29

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),...	29
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	31
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung.....	31
20302. Chế tạo máy nói chung.....	32
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	32
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	33
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy.....	33
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng	33
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân	34
20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác	34
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	35
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ	35
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ	36
20499. Kỹ thuật hóa học khác	36
20507. Vật liệu xây dựng	37
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	37
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp	38
20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác	38
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	39
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	40
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	43
20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển	43
20708. Kỹ thuật bờ biển.....	44
20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung.....	44

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men	45
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	46
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	46
21099. Công nghệ nano khác	47
21101. Kỹ thuật thực phẩm	47
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	47
29999. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	49
3. Khoa học y, dược	49
30101. Giải phẫu học và hình thái học.....	50
30108. Vi sinh vật học y học.....	51
30109. Bệnh học.....	51
30199. Y học cơ sở khác	53
30202. Sản khoa và phụ khoa	54
30204. Hệ tim mạch	54
30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan.....	56
30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật).....	56
30213. Ghép mô, tạng	56
30215. Da liễu, Hoa liễu	57
30219. Tiêu hoá và gan mật học	57
30220. Niệu học và thận học.....	58
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	58
30223. Tai mũi họng	58

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)	59
30305. Y tế môi trường và công cộng.....	60
30312. Sức khỏe sinh sản.....	61
30401. Dược lý học	61
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	62
39999. Y học, y tế và dược chưa xếp vào mục nào khác.....	64
4. Khoa học nông nghiệp	64
40102. Thổ nhưỡng học	64
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	65
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả	68
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	73
40106. Bảo vệ thực vật.....	77
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	77
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	81
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	83
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	83
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	84
40205. Bảo vệ động vật nuôi.....	84
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi	84
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	85
40399. Khoa học công nghệ thú y khác	87
40404. Sinh thái và môi trường rừng	88
40405. Giống cây rừng.....	88
40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản.....	89
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	90

40504. Nuôi trồng thủy sản.....	90
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản	93
40506. Quản lý và khai thác thủy sản	95
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản.....	97
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	97
49999. Khoa học nông nghiệp khác.....	99
5. Khoa học xã hội	101
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	101
50202. Kinh doanh và quản lý	104
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....	106
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	107
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác	112
50401. Xã hội học nói chung	113
50402. Nhân khẩu học.....	114
50404. Dân tộc học.....	114
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	115
50499. Xã hội học khác.....	119
50501. Luật học.....	120
50599. Các vấn đề pháp luật khác.....	125
50601. Khoa học chính trị.....	126
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	126
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	132
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	136
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải	139

50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác.....	139
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội	141
59999. Khoa học xã hội khác.....	141
60103. Khảo cổ học và tiền sử.....	143
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	143
60299. Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác.....	144
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	144
69999. Khoa học nhân văn khác	145

**THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP****1. Khoa học tự nhiên**

81533.03-2022 **Quan trắc phóng xạ môi trường tỉnh Quảng Bình năm 2020**/ ThS. Võ Thị Hồng Anh, Võ Thị Hồng Anh; Hoàng Trung Hiếu; Nguyễn Thị Ái Trinh; Phan Thanh Hà; TS. Văn Nguyễn; Đặng Ngọc Lâm; Lê Văn Đông - Trung tâm Kỹ thuật đo lường và Thử nghiệm Quảng Bình, 2021 - 04/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quan trắc phóng xạ môi trường thông qua việc đo suất liều phóng xạ tại các điểm dọc tuyến ven biển; các vị trí xẻ núi và mỏ khai thác VLXD dọc tuyến đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 12A; các vị trí có khả năng phát sinh phóng xạ (cửa khẩu, khu công nghiệp, bãi tập kết rác thải, thu mua phế liệu, bệnh viện lớn, khu nước suối Bang...). Lấy mẫu, phân tích hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong môi trường (đất, nước) tại một số vùng khai thác titan Sen Thủy (Lệ Thủy); khu vực khai thác đá tại Quảng Đông (Quảng Trạch), khu nước suối Bang (Lệ Thủy). Cập nhật bản đồ dạng GIS về phóng xạ môi trường tỉnh Quảng Bình năm 2020. Đưa ra các cảnh báo và đề xuất các giải pháp về phóng xạ môi trường, phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 13/2021

81742.03-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông lâm nghiệp tỉnh**

Hà Giang/ TS. Nguyễn Văn Hiếu, TS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Đoàn Thanh Hải; ThS. Lê Duy Mạnh; ThS. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS. Đinh Thị Thanh Uyên; ThS. Nguyễn Khánh Phương; KS. Nguyễn Hà Phú; KS. Mai Thị Huệ; KS. Trần Ngọc Anh; KS. Vũ Hồng Quân; KS. Nguyễn Trần Quang; KS. Nguyễn Đức Hoàng; KS. Mùi Minh Tùng; KS. Dương Văn Huy; ThS. Khuất Thị Thanh Huyền; KS. Lương Hữu Mạnh; ThS. Đỗ Hồng Anh; KS. Đào Quang Trung; ThS. Lưu Việt Huỳnh; KS. Nguyễn Thị Hải Yến. - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên, 2020 - 10/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, trang thông tin nông lâm nghiệp phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp thông tin cho các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông lâm nghiệp của tỉnh Hà Giang với 17 lớp dữ liệu, bao gồm dữ liệu bản đồ và dữ liệu thuộc tính. Xây dựng được trang thông tin và các mô đun phần mềm, đáp ứng tối đa các tác vụ trong việc quản lý, khai thác và cung cấp thông tin ngành nông lâm nghiệp. Tổ chức được các khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ ngành nông lâm nghiệp ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ

năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-2021

10102. Toán học ứng dụng

80515.03-2022 **Phương pháp số giải bài toán điều khiển đối với phương trình đạo hàm riêng và ứng dụng/** TS. Phan Xuân Thành, TS. Nguyễn Thanh Sơn; TS. Nguyễn Thanh Hồng; TS. Vũ Quốc Đông; ThS. Nguyễn Văn Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ điều kiện tối ưu, xét tính tồn tại và duy nhất nghiệm. Xây dựng các lược đồ giải số (FEM/BEM, Space-time FEM) giải bài toán thuận (direct problems), bài toán liên hợp (adjoint problems). Đánh giá sai số, xét tính ổn định và tốc độ hội tụ. Đề xuất các phương pháp lặp giải hệ điều kiện tối ưu, áp dụng các phương pháp gradient liên hợp (CGM), nonlinear CGM. Xây dựng các mô hình rút gọn, giảm thiểu thời gian tính toán. Nghiên cứu bài toán Cauchy, bài toán tìm nguồn, bài toán tìm điều kiện ban đầu, bài toán tìm biên... Xây dựng các chương trình trên máy tính tìm nghiệm số của bài toán điều khiển.

Số hồ sơ lưu: 19046

10103. Thống kê

81119.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá bình quân sản phẩm ở Việt Nam/** Lê Trung Hiếu, CN. Đỗ

Thị Thu Hà; CN. Vũ Thị Hồng Hoa; CN. Nguyễn Thị Thùy Dung; CN. Đoàn Thị Hồng Hạnh; CN. Phạm Thị Thùy; ThS. Nguyễn Thị Trang; CN. Nguyễn Quỳnh Hương; CN. Nguyễn Thị Hậu; CN. Nguyễn Thị Ngọc Lan; CN. Nguyễn Văn Chí; ThS. Nguyễn Đình Linh; CN. Đinh Sỹ Nguyên; ThS. Cao Quang Thành; ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng; CN. Nguyễn Thị Nga; CN. Nguyễn Thị Ngân; CN. Trần Thị Lan - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận xây dựng phương pháp tính GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản; Kinh nghiệm quốc tế về phương pháp tính toán giá trị sản xuất và phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của một số nước; Thực trạng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ở Việt Nam; Xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo phương pháp sử dụng giá bán bình quân của sản phẩm ở Việt Nam; Tính toán thử nghiệm GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 của tỉnh Thanh Hóa bằng phương pháp tính theo giá bán bình quân của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI 045/2019

81129.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam/** ThS. Đỗ Thị Ngọc Mai, TS. Nguyễn Huy Lương; TS. Nguyễn Bích Lâm; TS. Vũ Thị Thu Thủy; TS. Đinh Thị Thúy Phương; ThS. Nguyễn Hiền Minh; ThS. Hoàng Minh Lê; ThS. Đỗ Anh Kiếm; ThS. Hà Mạnh Hùng;

ThS. Nguyễn Huy Linh; CN. Đỗ Anh Chiến - Phú Thọ - Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, 2021 - 05/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Đề xuất phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. Thử nghiệm tính toán chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19319

81138.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác dữ liệu hành chính phục vụ biên soạn một số chỉ tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam/** Nguyễn Thanh Ngọc, ThS. Nguyễn Ngọc Bình; CN. Nguyễn Đức Hạnh; CN. Vũ Thị Bích Thảo; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Trần Văn Trung; ThS. Tô Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Khánh Huyền; ThS. Phạm Đức Dương; CN. Nguyễn Thị Bích Phượng - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Về cơ sở lý luận chung: Khái quát hóa lại những khái niệm, định nghĩa, đặc điểm về CSDL thống kê, dữ liệu hành chính; Khái quát hóa lý luận về mô hình và mô hình khai thác dữ liệu. Đề xuất các chỉ tiêu VSDGs có thể được biên soạn dựa vào khai thác dữ liệu hành chính. Đề xuất mô hình khai thác dữ liệu hành chính để phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê nhà nước và từ đó ứng dụng mô hình để biên soạn các chỉ tiêu VSDGs được đề xuất.

Số hồ sơ lưu: HNI 046/2019

81144.03-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp luận tính năng suất trong nông nghiệp ở Việt Nam/** Vũ Thị Vân Anh, ThS. Lê Hoàng Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Đăng Khoa; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; PGS.TS. Trần Thị Bích; PGS.TS. Tăng Văn Khiên; ThS. Nguyễn Công Thắng - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 07/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về phương pháp luận tính năng suất trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; Tổng quan về phương pháp luận tính năng suất trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trong nước và quốc tế; Đề xuất phương pháp tính năng suất trong hoạt động sản xuất nông nghiệp

Số hồ sơ lưu: HNI 048/2019

81148.03-2022 **Nghiên cứu, hoàn thiện nguồn dữ liệu để biên soạn một số chỉ tiêu phát triển bền vững lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản/** Đoàn Thị Hồng Hạnh, ThS. Nguyễn Thị Hậu; CN. Nguyễn Thị Thùy Dung; ThS. Nguyễn Công Thắng; ThS. Lê Thị Tuyết Nhung; ThS. Nguyễn Thị Trang; CN. Nguyễn Thị Thu; CN. Trần Thị Minh; CN. Nguyễn Ngọc Khoa; CN. Nguyễn Quỳnh Hương - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; Nghiên cứu thực trạng nguồn dữ liệu phục vụ biên

soạn các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam và quốc tế liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; xác định khoảng trống dữ liệu của chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; Tính toán thử nghiệm một số chỉ tiêu phát triển bền vững lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dựa trên nguồn dữ liệu hiện có từ các cuộc điều tra và tổng điều tra trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; Đề xuất hoàn thiện nội dung một số chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Số hồ sơ lưu: HNI 049/2019

81150.03-2022 **Đề xuất quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo điều hành tại Phòng Tổng hợp – Thư ký/** Đặng Văn Phẩm, ThS. Phạm Đức Dương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Lê Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Nga; CN. Phạm Thị Hiên; CN. Nguyễn Thúy Hạnh - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 06/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Một số vấn đề lý luận chung về quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho công tác chỉ đạo, điều hành. Đánh giá thực trạng quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Tổng cục tại phòng Thư ký - Tổng hợp. Nghiên cứu yêu cầu thông tin cho công tác chỉ đạo điều hành tại phòng Thư ký - Tổng hợp của Lãnh đạo Tổng cục. Xác định nguồn thông tin, loại thông tin phục

vụ công tác chỉ đạo điều hành. Phương pháp xử lý, tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại phòng Thư ký- Tổng hợp của Lãnh đạo Tổng cục Thống kê. Đề xuất quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại phòng Thư ký- Tổng hợp.

Số hồ sơ lưu: HNI 050/2019

10199. Toán học và thống kê khác

80887.03-2022 **Một số chủ đề trong Giải tích phức nhiều biến/** TS. Ninh Văn Thu, TS. Mai Anh Đức; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả nhóm tự đẳng cấu của mô hình M_P trong C^n xác định bởi đa thức thuần nhất theo trọng, trường hợp $P(Z) > 0$ với mọi z khác không và M_P là miền WB. Đưa ra ước lượng dưới cho metric Bergman của miền giả lồi trong C^n tại lân cận của các điểm biên kiểu vô hạn. Chứng minh định lý đặc trưng cho siêu mặt kiểu giả lồi kiểu vô hạn,

Số hồ sơ lưu: 19194

10201. Khoa học máy tính

73932.03-2022 **Nghiên cứu, và triển khai hệ thống hỗ trợ đào tạo kỹ năng thực hành qua mạng hỗ trợ đào tạo trong lĩnh vực viễn thông./** ThS. Phạm Hùng, Phan Văn Tiến; ThS. Trần Thanh Toàn; TS. Trần Hùng; ThS. Nguyễn Văn Huy; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Hà Đặng Cao Tùng; ThS. Nguyễn Huy Chiến; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; ThS. Chu Khắc Huy; ThS. Đỗ Thị

Mai Hương. - Hà Nội - Công ty TNHH Công nghệ Phần mềm Sao Việt, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm ảo hỗ trợ đào tạo kỹ năng thực hành trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin (ELab) cho sinh viên các trường cao đẳng và dạy nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Thử nghiệm và đánh giá việc đào tạo thực hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông cho sinh viên tại ba trường cao đẳng và dạy nghề thuộc địa bàn Hà Nội; Đề xuất kế hoạch nhân rộng mô hình cho các trường cao đẳng và dạy nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-23/ĐK-TTTT&TK

81125.03-2022 **Nghiên cứu vấn đề Interworking giữa mạng 4G với mạng 5G/** ThS. Nguyễn Việt Dũng, ThS. Trần Văn Đôn; ThS. Vũ Văn Trường; ThS. Đỗ Diệu Hương; KS. Trần Quốc Hưng; Đào Thu Hiền - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Kiến trúc chung mạng thông tin di động 5G (IMT-2020). Hiện trạng triển khai mạng thông tin di động tại Việt Nam. Nghiên cứu các vấn đề interworking giữa mạng 5G với mạng 4G. Đề xuất các yêu cầu, giải pháp của việc đảm bảo QoS khi interworking giữa mạng 4G và 5G trong triển khai mạng 5G tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19322

81325.03-2022 **“Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý khai thác các tác phẩm đạt giải thưởng Văn học- Nghệ thuật tỉnh Phú Thọ”/** CN. Đỗ Quốc Long, Nguyễn T. Hồng Chính; Đỗ Thu Quân; Lê Thị Xuân Hương; Phạm Thị Thanh Dung; Đỗ Đức Huy; Nguyễn Quang Trung; Nguyễn Hữu Chính; Lê Thị Lành; Đỗ Thanh Huân - Phú Thọ - Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Phú Thọ, 2018 - 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng các tác phẩm đạt giải thưởng văn học nghệ thuật tỉnh Phú Thọ. Tiến hành sưu tầm các tác phẩm văn học nghệ thuật của tỉnh Phú Thọ đã đạt giải thưởng và nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý khai thác các tác phẩm đạt giải thưởng Văn học – Nghệ thuật tỉnh Phú Thọ. Từ đó, đưa ra các biện pháp quản lý, khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý khai thác các tác phẩm đạt giải thưởng Văn học – Nghệ thuật tỉnh Phú Thọ.

Số hồ sơ lưu: PTO-001-2021

81337.03-2022 **Ứng dụng, hoàn thiện phần mềm quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./** KS. Phạm Xuân Hải, CN. Nguyễn Doãn Dũng; KS. Nguyễn Thị Ngân; CN. Khổng Văn Tiến; KS. Đường Thị Yến; KS. Ngô Quang Tuân; ThS. Nguyễn Tiến Minh; KS. Lưu Đình Nghĩa; KS. Nguyễn Xuân Vũ - Phú Thọ - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2018 - 07/2017 -

12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, xác định nhu cầu ứng dụng phần mềm quản lý hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tiếp nhận chuyển giao thành công phần mềm quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Tiến hành số hoá và cập nhật thông tin vào bộ cơ sở dữ liệu của phần mềm quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng của tỉnh Phú Thọ. Quản lý, khai thác, vận hành sử dụng phần mềm quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Số hồ sơ lưu: PTO-003-2021

10202. Khoa học thông tin

81521.03-2022 **Nghiên cứu tích hợp các nguồn dữ liệu quan trắc phóng xạ trực tuyến (Online) và quy trình xử lý số liệu/** TS. Vương Thu Bắc, KS. Trương Hoàng Tuấn; ThS. Dương Đức Thắng; ThS. Bùi Đắc Dũng; CN. Cao Đức Việt; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Văn Khánh; CN. Đoàn Thúy Hậu; CN. Nguyễn Hải Ninh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chuyển đổi và tích hợp các nguồn dữ liệu quan trắc phóng xạ trực tuyến từ các thiết bị khác nhau thành một cơ sở dữ liệu chung với cùng một định dạng thống nhất. Áp dụng để chuyển đổi dữ liệu quan trắc trực tuyến từ các trạm đang vận hành từ 2016-2020. Xây dựng quy trình xử lý cơ sở dữ liệu chung hiển thị kết quả trên giao diện Web. Áp dụng để xử lý cơ sở dữ liệu

từ 2016 đến 2020 phục vụ công tác quản lý.

Số hồ sơ lưu: 19327

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

80956.03-2022 **Tính chất từ và cấu trúc đô men từ của một số màng mỏng chứa kim loại 3d/** TS. Quách Duy Trường, TS. Lê Việt Cường; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; ThS. Nguyễn Xuân Tuyên; CN. Chu Tiến Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2021 - 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo một số màng mỏng từ tính đa lớp của các kim loại sắt từ 3d (hoặc hợp kim) và Pd, Pt. Nghiên cứu một số tính chất đặc trưng, như cấu trúc tinh thể và vi cấu trúc, tính chất từ và điện của các màng mỏng đó. Nghiên cứu ảnh hưởng của từ trường, điện trường và nhiệt độ lên quá trình động học liên quan đến quá trình từ hóa đảo từ và cấu trúc đô men từ của các màng mỏng đó.

Số hồ sơ lưu: 19203

10302. Vật lý các chất cô đặc

80843.03-2022 **Nghiên cứu dao động và ổn định của kết cấu tấm và vỏ composite/** GS.TS. Trần Ích Thịnh, GS.TSKH. Đào Huy Bích; GS.TS. Trần Minh Tú; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Ngọc Thành; ThS. Lê Thanh Hải; TS. Lê Thị Bích Nam - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô hình hóa và phân tích phi tuyến ổn định và sau ổn định của kết cấu vỏ hình trống composite FGM có độ dày thay đổi. Tính toán dao động của kết cấu tấm FGM ngâm trong môi trường chất lỏng. Đồng thời mô hình hóa và tính toán số dao động của tấm composite cốt sợi trục hướng và tấm composite sandwich chịu áp suất âm thanh. Tiến hành thí nghiệm đo dao động và mức áp suất âm thanh nhằm đánh giá khả năng cách âm của kết cấu tấm composite cốt sợi/ nền polyme trục hướng và tấm composite sandwich.

Số hồ sơ lưu: 19173

10304. Vật lý hạt nhân

80888.03-2022 **Nghiên cứu các hiệu ứng alpha cluster trong phản ứng hạt nhân trực tiếp**/ TS. Đỗ Công Cương, GS.TS. Đào Tiến Khoa; ThS. Nguyễn Hoàng Phúc; CN. Doãn Thị Loan; CN. Ngô Hải Tân; ThS. Lê Hoàng Chiến; CN. Nguyễn Trí Toàn Phúc - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hoàn chỉnh phương pháp phân tích liên kênh phản ứng để mô tả vi mô các phản ứng trực tiếp như tán xạ, trao đổi nucleon và alpha cluster giữa các hạt nhân 4He , ^{12}C và ^{16}O . Trên cơ sở phân tích số liệu tiết diện tán xạ đàn hồi ở góc lớn với phương pháp liên kênh phản ứng có tính đến đóng góp của quá trình trao đổi alpha-cluster, từ đó rút ra những kết luận quan trọng về hiệu ứng alpha cluster trong các phản ứng trên.

Số hồ sơ lưu: 19199

10306. Quang học

76920.03-2022 **Nghiên cứu, chế tạo và nâng cao khả năng quang xúc tác dưới tác dụng của ánh sáng nhìn thấy của vật liệu Bi_2WO_6 biến tính**/ PGS. TS. Lục Huy Hoàng, ThS. Nguyễn Đăng Phú; TS. Trần Quang Huy; TS. Đinh Hùng Mạnh; ThS. Phạm Khắc Vũ - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu Bi_2WO_6 có dị thể về hình thái học và cấu trúc bằng việc kết hợp hai phương pháp chế tạo hóa có hỗ trợ của vi sóng và thủy nhiệt; Chế tạo vật liệu Bi_2WO_6 biến tính bằng bề mặt C, Ag... biến tính bằng pha tạp (Gd, Mo...), biến tính bằng tạo tổ hợp với các vật liệu khác (BiVO_4 , graphene...); Ảnh hưởng của các điều kiện biến tính, pha tạp và thành phần tổ hợp lên hình thái học, các tính chất cấu trúc, quang, hiệu ứng quang xúc tác của vật liệu Bi_2WO_6 nhằm tạo ra vật liệu có hiệu suất quang xúc tác, khả năng khử khuẩn cao, có độ ổn định tốt.

Số hồ sơ lưu: 17368

80889.03-2022 **Nghiên cứu lý thuyết về dòng quang điện cực nhanh trong các cấu trúc bán dẫn thấp chiều**/ TS. Huỳnh Thanh Đức, TS. Cao Huy Thiện; ThS. Ngô Thành Công - Hồ Chí Minh - Viện Vật lý thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích lý thuyết sự hình thành và tiến triển theo thời gian của dòng điện sinh bởi các tương tác ánh sáng

vật chất trong hệ bán dẫn không có tâm đối xứng nghịch đảo như GaAs và các cấu trúc thấp chiều của chúng (bao gồm giếng và dây lượng tử). Đặc biệt chú trọng đến trường hợp kích thích cộng hưởng exciton vì cho đến nay cơ chế ảnh hưởng của hiệu ứng exciton lên dòng quang điện cực nhanh vẫn chưa được hiểu biết tường tận. Nghiên cứu của chúng tôi sẽ làm sáng tỏ vai trò của hiệu ứng exciton do tương tác Coulomb giữa điện tử và lỗ trống lên các tính chất của dòng quang điện. Ngoài ra, vai trò của các yếu tố khác như tương tác nhiều hạt điện tử-phonon, các hiệu ứng do giam nhốt lượng tử, sự bất đẳng hướng trong tinh thể... cũng được nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19201

80890.03-2022 Tìm quang học phi tuyến trên cơ sở chất màu hữu cơ và ứng dụng./ TS. Nguyễn Mạnh Thắng, PGS.TS. Hồ Quang Quý; TS. Đỗ Thành Việt; ThS. Thái Doãn Thanh; ThS. Đoàn Quốc Tuấn; CN. Lý Nguyên Lê - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ quân sự, 2019 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm quang học là một thiết bị hữu dụng trong nghiên cứu các đối tượng vi mô, đặc biệt các đối tượng trong y học và sinh học. Công dụng của tìm quang học là gia tốc, giam giữ và điều khiển vi hạt trong không gian, đặc biệt kéo duỗi phân tử ADN hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu hóa sinh của chúng. Nguyên lý hoạt động của tìm chủ yếu là hội tụ chùm tia laser vào đối tượng để giam giữ và điều khiển nó dựa trên việc điều khiển vết chùm tia laser trong không

gian. Tuy nhiên, hạn chế của các linh kiện nằm ở chỗ, tính phi tuyến của các vật liệu thấp nên phải sử dụng công suất laser cao. Nghiên cứu đề xuất các mô hình lý thuyết cho một vài linh kiện quang phi tuyến sử dụng các dung dịch hữu cơ có đặc trưng phi tuyến bậc ba cao được nghiên cứu chế tạo trong những năm gần đây. Trên cơ sở các thông số thực nghiệm, tiến hành khảo sát các đặc trưng của chúng và đưa ra các kết luận hữu ích cho việc nghiên cứu thực nghiệm chế tạo và ứng dụng.

Số hồ sơ lưu: 19204

80892.03-2022 Các thông số đầu vào vi mô cho các phản ứng hạt nhân ở năng lượng thấp/ TS. Trần Viết Nhân Hào, TS. Nguyễn Ngọc Duy; TS. Kazuhito Mizuyama; ThS. Trần Diệu Thùy - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, 2021 - 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đồng thời rà soát phân hạch và thế quang học một cách vi mô dựa trên mô hình trường trung bình tự hợp sử dụng tương tác hiệu dụng Skyrme. Tiến bộ trong lĩnh vực này sẽ giúp các nhà nghiên cứu phản ứng hạt nhân tăng khả năng tiên đoán của mô hình của họ. nghiên cứu cấu trúc của các đồng vị của hạt nhân nặng đất hiếm và thế quang học vi mô cho các hạt nhân bền. Để thực hiện các nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các gần đúng dựa trên mô hình trường trung bình tự hợp sử dụng tương tác nucleon-nucleon hiệu dụng Skyrme.

Số hồ sơ lưu: 19195

80893.03-2022 **Nghiên cứu các tính chất phi cổ điển của một số trạng thái thêm và bớt photon lên các trạng thái kết hợp và ứng dụng của chúng/ PGS.TS. Trương Minh Đức, ThS. Hồ Sỹ Chương; ThS. Lê Thị Hồng Thanh; ThS. Trần Quang Đạt - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đề xuất các trạng thái phi cổ điển mới bằng việc thêm (hoặc/và) bớt photon lên một số chùng chắt của các trạng thái kết hợp và nghiên cứu các tính chất phi cổ điển của chúng; đề xuất một số mô hình để tạo ra các trạng thái thêm (hoặc/và) bớt photon bằng thực nghiệm bằng việc sử dụng các dụng cụ quang học và bộ chuyển đổi tham số; nghiên cứu tính chất đan rối và định lượng độ rối của các trạng thái phi cổ điển thêm (hoặc/và) bớt photon và sử dụng chúng như là một nguồn đan rối để thực hiện các nhiệm vụ lượng tử như viễn tải lượng tử và điều khiển lượng tử.

Số hồ sơ lưu: 19200

10403. Hoá lý

80854.03-2022 **Phân tích phi tuyến tính và động lực học của kết cấu tấm và vỏ nanocomposite có cơ lý tính biến đổi được gia cường bởi các ống nanocarbon/ GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức, TS. Vũ Thị Thùy Anh; TS. Trần Quốc Quân; TS. Phạm Hồng Công; TS. Đỗ Quang Chân; ThS. Nguyễn Văn Thành - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng các phương trình chủ đạo và phương pháp giải bằng cách tiếp cận giải tích để tìm lực tới hạn và đường cong độ võng. Đồng thời xây dựng các phương trình chủ đạo và phương pháp giải bằng cách tiếp cận giải tích để tìm các đáp ứng động lực học như tần số dao động tự do tuyến tính, quan hệ biên độ - tần số và đường cong phi tuyến thời gian - độ võng của kết cấu. Tiến hành khảo sát số ảnh hưởng của các tham số như tính chất vật liệu, gân gia cường, nền đàn hồi, các tham số hình học, các loại tải trọng, tính không hoàn hảo, điều kiện biên và tính chất vật liệu phụ thuộc nhiệt độ (T-D) đến sự ổn định phi tuyến tĩnh và động lực học của kết cấu âm và vỏ composite.

Số hồ sơ lưu: 19171

10509. Các khoa học môi trường

81235.03-2022 **Ứng dụng quy trình phòng trừ môi để bảo vệ một số công trình di tích cấp Quốc gia và cấp tỉnh của tỉnh Phú Thọ/ ThS. Nguyễn Minh Đức, ThS. Nguyễn Thị My; ThS. Võ Thị Thu Hiền; ThS. Lê Thị Thoa; ThS. Vũ Xuân Trường; Phạm Minh Tuấn; Lương Xuân Hòa - Phú Thọ - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2019 - 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát, đánh giá tình hình mối gây hại cho một số công trình di tích cấp Quốc gia và cấp tỉnh của tỉnh Phú Thọ, xác định và lập kế hoạch triển khai phòng trừ mối hại cho các công trình di tích cấp Quốc gia và cấp tỉnh. Tiến hành triển khai ứng dụng quy trình phòng trừ mối từ kết

quả nghiên cứu khoa học cấp tỉnh tại 10 công trình di tích cấp Quốc gia và 02 công trình di tích cấp tỉnh đảm bảo xử lý các loài mối gây hại đạt 100% và tập huấn, hướng dẫn quy trình công nghệ xử lý mối hại di tích.

Số hồ sơ lưu: PTO-008-2021

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

80352.03-2022 Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ dự báo, cảnh báo sớm mưa, lũ, dông khu vực đồng bằng sông Cửu Long/ ThS. Lê Ngọc Quyên, ThS. Nguyễn Minh Giám; ThS. Lê Đình Quyết; ThS. Trần Đình Phương; ThS. Kiều Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS. Phùng Kiến Quốc; KS. Trần Thành Công; KS. Phạm Hồ Quốc Tuấn; CN. Đặng Quang Thanh - Hà Nội - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thông kê, phân tích, đánh giá đặc điểm mưa, dông, lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin số liệu thực đo trên lưu vực phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm. Tiến hành ứng dụng các mô hình dự báo thời tiết để xây dựng quy trình công nghệ dự báo mưa hạn ngắn 6h-3 ngày. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng số liệu ảnh mây vệ tinh Himawari trong dự báo, cảnh báo mưa, dông thời hạn từ 0h-6h, phân tích số liệu ra đa thời tiết, số liệu định vị sét phục vụ dự báo, cảnh báo mưa, dông thời hạn từ 0h-3h. Từ đó, xây dựng hệ thống tích hợp các công cụ dự báo, cảnh báo sớm mưa, dông cho khu vực ĐBSCL và sử dụng mô

hình MIKE-NAM và MIKE11 dự báo lũ cho hệ thống sông vùng ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 19018

10511. Khí hậu học

80812.03-2022 Nghiên cứu xác lập bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững vùng ven biển Việt Nam, thử nghiệm ứng dụng cho một vùng điển hình và đề xuất giải pháp nhân rộng/ TS. Nguyễn Đình Thái, TS. Lưu Việt Dũng; PGS.TS. Đinh Xuân Thành; ThS. Trịnh Nguyên Tính; PGS.TS. Chu Văn Ngợi; TS. Diệp Quỳnh Như; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa; TS. Võ Hồng Hải; PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ; ThS. Đào Đình Tân; GS.TS. Mai Trọng Nhuận; TS. Trần Đăng Quy; TS. Nguyễn Tài Tuệ - Hà Nội - Viện nghiên cứu Địa môi trường và Thích ứng Biến đổi khí hậu, 2020 - 09/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn về quy trình đánh giá tính bền vững cho vùng ven biển Việt Nam và xây dựng bộ tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá tính bền vững. Tiến hành thử nghiệm ứng dụng bộ tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá cho vùng điển hình và đánh giá khả năng nhân rộng. Từ đó, đề xuất giải pháp ứng dụng bộ tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá cho các vùng ven biển khác, phục vụ chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19164

80991.03-2022 Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi

khí hậu và xây dựng kế hoạch hành động, nhằm ứng phó, giảm thiểu đối với các công trình hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Bến Tre/ ThS. Vũ Thành Đức, Võ Văn Hội; ThS. Nguyễn Thị Xuân Hồng; Nguyễn Hoàng Anh Hùng; Nguyễn Văn Chí; ThS. Thái Tiến Dũng; ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Huỳnh Anh Kiệt; ThS. Bùi Hồng Hà; CN. Vũ Văn Lương; CN. Trần Tuấn Hoàng - Bến Tre - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre, 2018 - 02/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về tình hình nghiên cứu, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và đặc điểm tự nhiên của tỉnh Bến Tre. Đánh giá xu thế biến đổi nhiệt độ, lượng mưa tỉnh Bến Tre theo các kịch bản biến đổi khí hậu. Kết quả mô phỏng ngập và mô phỏng xâm nhập mặn ở tỉnh Bến Tre. Hiện trạng các công trình và hoạt động quân sự. đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến các công trình và hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Đề xuất các giải pháp nhằm ứng phó, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến các công trình và hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Kế hoạch hành động ứng phó, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến các công trình, hoạt động quân sự trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-002-2021

81757.03-2022 **Xác định nguyên nhân, dự báo tình hình xâm nhập mặn vào đất và nước tại tỉnh Bến**

Tre trong điều kiện biến đổi khí hậu – nước biển dâng. Đề xuất các giải pháp thích ứng hợp lý/ Lê Ngọc Thanh, TS. Lê Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Lưu Hải Tùng; ThS. Nguyễn Phi Hùng - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá tình hình xâm nhập mặn vào đất và nước do biến đổi khí hậu - nước biển dâng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Xác định nguyên nhân, dự báo xâm nhập mặn vào đất và nước trong điều kiện biến đổi khí hậu – nước biển dâng. Nghiên cứu, đánh giá các mô hình sản xuất nông-lâm-ngư phổ biến. Đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý đất nông nghiệp tại tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: HCM-027-2021

10512. Hải dương học

81264.03-2022 **Điều tra, đánh giá hiện tượng dòng rip (Rip current) tại các bãi tắm Quảng Nam, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phòng tránh/** TS. Lê Đình Mậu, ThS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Chí Công; TS. Phạm Xuân Dương; ThS. Phạm Sỹ Hoàn; CN. Nguyễn Đức Thịnh; CN. Nguyễn Trương Thanh Hội; CN. Nguyễn Thị Thùy Dung; ThS. Phạm Bá Trung; ThS. Trần Văn Bình - Khánh Hòa - Viện Hải Dương học, 2020 - 10/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nguyên nhân, cơ chế và dự báo các khu vực xảy ra dòng rip tại các bãi tắm nghiên cứu trọng điểm của Quảng Nam. Đánh giá mức

độ nguy hiểm và phân cấp mức độ nguy hiểm tại các bãi tắm nghiên cứu trọng điểm của Quảng Nam. Đề xuất mô hình cảnh báo và các giải pháp phòng tránh tại các bãi tắm nghiên cứu trọng điểm của Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-014

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

73536.03-2022 Nghiên cứu chế tạo hệ thống đồng bộ xử lý nước ngầm có hàm lượng asen cao, sử dụng cho ăn uống, quy mô phân tán, cấp cho các vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội với chi phí thấp./ TS. Nguyễn Mạnh Khải, PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; TS. Phạm Thị Thúy; ThS. Phạm Tiến Đức; ThS. Hoàng Minh Trang; PGS.TS. Nguyễn Quang Trung; ThS. Đào Mạnh Phú; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Chu Anh Đào; PGS.TS. Trần Văn Quy; ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Trần Thị Huyền Nga; ThS. Phạm Hoàng Giang - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2017 - 07/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm triển khai lắp đặt mô hình. Nghiên cứu tổng quan các công nghệ xử lý asen trong nước ngầm đang áp dụng trên thế giới, tại Việt Nam và kinh nghiệm trong sản xuất vật liệu, thiets bị xử lý asen. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo và đánh giá đặc tính của các vật liệu hấp phụ asen. Nghiên cứu khả năng hấp phụ asen của các vật liệu chế tạo và thiết lập dây chuyền xử lý nước ngầm có hàm lượng asen cao trong phòng thí nghiệm. Nghiên cứu thiết kế, chế

tạo, vận hành thử nghiệm và đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống pilot công suất 5m³/ngày trong thực tiễn. Xây dựng luận chứng kinh tế, kỹ thuật của hệ thống pilot công suất 5m³/ngày.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-11/ĐK-TTTT&TK

74238.03-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ khai thác nguồn nước và hệ thống tưới hợp lý cho vùng bãi sông trên địa bàn Hà Nội/ PGS.TS. Trần Chí Trung, PGSTS. Trần Chí Trung; ThS. Nguyễn Hồng Trường; ThS. Phạm Văn Ban; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; ThS. Đinh Vũ Thùy; ThS. Lê Thị Phương Nhung; ThS. Trần Việt Dũng; ThS. Nguyễn Vĩnh Liên; ThS. Nguyễn Chí Linh; ThS. Lý Văn Nghiệp - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2018 - 08/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng sản xuất nông nghiệp và hiện trạng tưới tiêu ở các vùng bãi sông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề xuất được các giải pháp khai thác nguồn nước, hệ thống cấp nước và công nghệ tưới gắn với mô hình tổ chức sản xuất phù hợp cho vùng bãi sông trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-45/ĐK-TTTT&TK

74255.03-2022 Nghiên cứu giải pháp công trình chống bồi tụ tại các cửa lấy nước dọc sông Hồng trên địa bàn Hà Nội, để đảm bảo lấy nước hiệu quả./ TS. Nguyễn Đình Trinh, TS. Nguyễn Đình Trinh; PGS.TS. Dương Đức Tiến; PGS.TS.

Nguyễn Hữu Huê; PGS.TS. Nguyễn Quang Cường; ThS. Nguyễn Hữu Thành; PGS.TS. Hoàng Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Quang Hùng; PGS.TS. Lê Xuân Khâm; PGS.TS. Nguyễn Trọng Tư; ThS. Đinh Công Sơn. - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Thủy lợi, 2018 - 08/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hệ thống công trình cửa lấy nước trong phạm vi nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế bồi lắng phù hợp với từng cửa lấy nước dọc sông Hồng trong điều kiện hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-36/ĐK-TTTT&TK

80466.03-2022 **Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu tác động, thích ứng với thiên tai hạn hán và xâm nhập mặn vùng Bán đảo Cà Mau/** PGS.TS. Nguyễn Đăng Tính, PGS.TS. Nguyễn Đăng Tính; ThS. Vũ Văn Kiên; PGS.TS. Trịnh Công Ván; PGS.TS. Triệu Ánh Ngọc; PGS.TS. Lê Trung Thành; TS. Trần Đăng An; ThS. Nguyễn Văn Hải; TS. Nguyễn Trịnh Chung; ThS. Đỗ Tiến Khoa; TS. Lê Công Chính - Hồ Chí Minh - Cơ sở 2 - Đại học Thủy Lợi (Nay là Phân hiệu Trường Đại học Thủy Lợi tại tỉnh Bình Dương), 2020 - 11/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và sản xuất, xu thế diễn biến xâm nhập mặn và hạn hán vùng Bán đảo Cà mau. Đồng thời, đánh giá khả năng tạo nguồn nước ngọt phục vụ dân sinh và sản xuất vùng Bán đảo Cà Mau. Từ hiện trạng đó

đưa ra các giải pháp khai thác, sử dụng nước hiệu quả và chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện xâm nhập mặn và hạn hán vùng Bán đảo Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: 19019

80847.03-2022 **Nghiên cứu tác động bất lợi của biến đổi hình thái lòng dẫn và hạ thấp mực nước hệ thống sông Cửu Long, đề xuất giải pháp giảm thiểu/** PGS.TS. Nguyễn Nghĩa Hùng, KS. Lê Quân Quân; TS. Nguyễn Công Thành; PGS.TS. Đinh Công Sản; ThS. Đinh Quốc Phong; PGS.TS. Phạm Việt Hòa; TS. Lê Xuân Thuyên; TS. Lê Ngọc Thanh; PGS.TS. Phạm Văn Toàn; TS. Võ Văn Tuấn - Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng, nguyên nhân và tác động biến đổi hình thái lòng dẫn và hạ thấp mực nước hệ thống sông đến xâm nhập mặn, tiêu thoát lũ, cấp và trữ nước ở đồng bằng sông Cửu Long. Dự báo mức độ biến đổi hình thái lòng dẫn và hạ thấp mực nước lòng dẫn trong tương lai khi có các đập thượng nguồn. Qua đó, đề xuất giải pháp khoa học công nghệ để giảm thiểu thiệt hại, chủ động phòng, khắc phục và thích ứng với hiện tượng biến đổi hình thái lòng dẫn và hạ thấp mực nước hệ thống sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 19172

81075.03-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ và ngập lụt cho các địa phương thuộc khu vực Nam Trung Bộ. Áp**

dụng thí điểm cho lưu vực sông Kôn -Hà Thanh/ ThS. Nguyễn Văn Lý, ThS. Bùi Văn Chanh; ThS. Phạm Trường Giang; TS. Nguyễn Xuân Hiền; PGS.TS. Trần Duy Kiều; KS. Lê Duy Duệ; KS. Nguyễn Quốc Huân; KS. Nguyễn Thị Hoan; KS. Trần Văn Nhường; ThS. Trần Văn Hưng - Khánh Hòa - Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Trung Bộ, 2021 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học và thực tiễn chi tiết cấp độ rủi ro do lũ và ngập lụt, lựa chọn phương pháp phù hợp cho khu vực Nam Trung Bộ. Xây dựng bộ chỉ số, trọng số thành phần và tổng hợp rủi ro do ngập lụt các lưu vực sông chính khu vực Nam Trung Bộ. Xây dựng bản đồ chi tiết cấp độ rủi ro ngập lụt các sông khu vực Nam Trung Bộ theo các tần suất. Chi tiết đến cấp xã và cấp mực nước là 20cm tại trạm thủy văn Thanh Hòa cho vùng hạ lưu sông Kôn - Hà Thanh. Xây dựng công cụ hỗ trợ cảnh báo chi tiết cấp độ rủi ro do ngập lụt các sông chính của khu vực Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19308

10606. Sinh học phân tử

77155.03-2022 **Nghiên cứu chọn lọc dòng gà mía có khả năng sinh trưởng cao bằng công nghệ sinh học phân tử/** PGS.TS. Phạm Kim Đăng, TS. Phạm Kim Đăng; PGS.TS. Bùi Hữu Đoàn; TS. Nguyễn Hoàng Thịnh; ThS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Chí Thành; CN. Trần Bích Phương; ThS. Phùng Huy Vinh; ThS. Phùng Thị Thanh; BSTY. Phan Thị Thu Hiền; BSTY.

Nguyễn Thị Hương Ly; ThS. Hà Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 07/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá, khảo sát hiện trạng chăn nuôi gà Mía. Tiêu chuẩn hóa giống gà Mía, chọn ra 900 cá thể có các đặc điểm đặc trưng của gà Mía thuần. Xác định kiểu gen (INS hoặc GH) ở 900 cá thể gà Mía. Chọn lọc và ghép gia đình, ghép phối giữa các cá thể có mang kiểu gen INS (hoặc theo kiểu gen GH), có tốc độ phát triển nhanh để nhân thuần ra đàn gà Mía thuần có kiểu gen mong muốn (thế hệ xuất phát). Tạo dòng gà mái có khả năng sinh sản tốt: chọn lọc và ghép gia đình, cho giao phối giữa các cá thể gà Mía thuần có khối lượng trung bình nhưng có sản lượng trứng cao (từ trung bình trở lên). Đánh giá khả năng sinh trưởng ở đàn gà con sinh ra từ thế hệ xuất phát được ghép phối và khả năng sinh sản của đàn gà chọn phối. Chọn lọc, ghép phối và đánh giá năng suất sinh trưởng của gà Mía thế hệ 1 có kiểu gen mong muốn (INS hoặc GH), có khả năng sinh trưởng cao. Xây dựng 03 mô hình chuyên giao kết quả nghiên cứu đề tài với 03 điểm trình diễn tại 03 hộ dân chăn nuôi, quy mô mỗi hộ 500 con/hộ. Hoàn thiện quy trình nhân giống, chăm sóc nuôi dưỡng, quy trình thú y phòng bệnh cho đàn gà Mía có khả năng sinh trưởng cao, khả năng sinh sản ổn định để giữ giống gà Mía được lâu dài và ổn định. Đào tạo tập huấn cho các hộ chăn nuôi gà Mía trên địa bàn thị xã Sơn Tây

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-24/ĐK-TTTT&TK

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

81451.03-2022 **Xây dựng mô hình kết nối các hệ thống camera trên địa bàn thành phố/** TS. Nguyễn Quang Thanh, - Đà Nẵng - Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng, 2020 - 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát về hiện trạng các hệ thống camera công cộng hoạt động trên địa bàn thành phố. Phân tích và đánh giá các ưu điểm và hạn chế của các hệ thống camera. Nghiên cứu tổng quan về các giải pháp về hệ thống camera ra giám sát quy mô lớn cho đô thị. Xây dựng mô hình kết nối các hệ thống camera thành phố Đà Nẵng. Khuyến nghị về các tiêu chuẩn cần áp dụng đối với các thiết bị khi tham gia kết nối vào hệ thống camera trong lĩnh vực giám sát an ninh, lĩnh vực giao thông

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP08

81455.03-2022 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu mao quản đồng nhất cố định chọn lọc vi sinh vật nhằm nâng cao hiệu quả các hệ thống xử lý nước thải có tải trọng hữu cơ cao/** TS. Phan Thế Anh, PGS.TS. Nguyễn Đình Loan; PGS. TS Đoàn Thị Thu Loan; ThS. Hoàng Ngọc Ân; TS. Nguyễn Hoàng Trung Hiếu; TS. Nguyễn Thị Đông Phương. - Đà Nẵng - Đại học Bách khoa, 2020 - 12/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo được vật liệu mao quản cố định vi sinh vật thân thiện môi trường. Thay thế được sản phẩm

nhập ngoại tương đương. Nâng cao hiệu quả xử lý nước thải có tải trọng hữu cơ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP11

81473.03-2022 **Xây dựng bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát lỗi vi phạm giao thông./** TS. Huỳnh Hữu Hưng, ThS. Trần Anh Kiệt; PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Lê Minh Tuấn; TS. Ninh Khánh Duy; TS. Trần Thế Vũ; TS. Bùi Thị Thanh Thanh; ThS. Võ Đức Hoàng; TS. Phạm Công Thắng - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa, 2020 - 11/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài xây dựng bộ chỉ dẫn kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát và phát hiện lỗi vi phạm giao thông, đề xuất quy trình nghiệm thu kỹ thuật cho hệ thống camera giám sát và phát hiện lỗi vi phạm giao thông (cho đối tượng ô tô và xe máy).

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP13

81641.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến về hiệu chuẩn, kiểm định đo lường và thử nghiệm chất lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** ThS. Phan Thanh Hà, Phan Thanh Hà; Nguyễn Thị Ái Trinh; Phan Thanh Giàn; Hoàng Công lý; Giang Tấn Thông; Lê Văn Đông; Văn Nguyễn Tiến sỹ - Trung tâm Kỹ thuật đo lường và Thử nghiệm Quảng Bình - Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình, 2021 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng phần mềm tạo công kết nối cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trực tuyến về hiệu chuẩn, kiểm định đo lường và thử nghiệm chất lượng trên địa bàn tỉnh, nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc sử dụng dịch vụ sự nghiệp công; phục vụ các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc tra cứu thông tin theo lĩnh vực quản lý và phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả của tổ chức cung cấp dịch vụ.

Số hồ sơ lưu: 24/2021-QLKHCN

20102. Kỹ thuật xây dựng

81078.03-2022 **Nghiên cứu yếu tố tác động đến quyết định triển khai các công nghệ xây dựng xanh bởi doanh nghiệp xây dựng Việt Nam/** TS. Trần Quang Dũng, PGS.TS. Hồ Ngọc Khoa; ThS. Lưu Văn Thực - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2021 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành phỏng vấn chuyên gia xây dựng Việt Nam nhằm nhận diện các loại công nghệ xây dựng xanh (GBTs) đang ứng dụng và mức độ triển khai. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định và mức độ triển khai công nghệ xây dựng xanh trong các dự án xây dựng. Xây dựng công cụ khảo sát với số lượng mẫu lớn nhằm điều tra yếu tố ảnh hưởng và đánh giá mức độ quan hệ với mức độ triển khai công nghệ xây dựng xanh trong các dự án xây dựng. Đề xuất giải pháp cho cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các bên liên quan khác nhằm nâng cao hiệu quả và phổ biến triển khai công nghệ

xây dựng xanh trong thị trường xây dựng Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19307

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

72720.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao bóc tái chế nguội tại chỗ trong công tác bảo trì, nâng cấp mặt đường phù hợp với điều kiện Hà Nội/** PGS.TS. Doãn Minh Tâm, PGS.TS. Doãn Minh Tâm; ThS. Phạm Văn Tuyên; KS. Nguyễn Minh Hiền; TS. Trần Danh Lợi; ThS. Đinh Thị Thanh Hòa; KS. Vũ Hoàng Tạo; ThS. Trần Trung Dũng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hà; ThS. Lê Thị Phòng; ThS. Phạm Văn Tuyên; TS. Đào Phúc Lâm. - Hà Nội - Hội Cầu đường Hà Nội, 2018 - 06/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá được khả năng và phạm vi ứng dụng công nghệ cao bóc tái chế nguội tại chỗ trong xây dựng kết cấu áo đường mềm tại các dự án bảo trì, sửa chữa, cải tạo và nâng cấp mặt đường đô thị Hà Nội, góp phần nâng cao chất lượng khai thác, an toàn giao thông, cảnh quan đô thị và giảm thiểu tác động môi trường. Đồng thời đề mở ra hướng mới áp dụng công nghệ cao bóc tái chế nguội tại chỗ tiên tiến và hiện đại thay thế cho công nghệ truyền thống cũ trong sửa chữa mặt đường tại khu vực Hà Nội. Thi công thí điểm 100 m, tương đương 700 m² mặt đường tái chế và đề xuất chỉ dẫn thiết kế, thi công và nghiệm thu các lớp móng, mặt đường sử dụng công nghệ tái chế nguội tại chỗ phù hợp với điều kiện Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-08/ĐK-TTTT&TK

80483.03-2022 **Đánh giá ảnh hưởng của hư hỏng gối cầu đối với các cầu có cấu tạo bản liên tục nhiệt/** TS. Lê Bá Anh, TS. Ngô Văn Minh; TS. Nguyễn Hữu Thuấn; TS. Dương Thế Anh; Nguyễn Mạnh Hải; Nguyễn Xuân Lam; Nguyễn Tuấn Bình; ThS. Phạm Quốc Đạt; KS. Trần Mạnh Cường - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 02/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thống kê các dạng hư hỏng thường gặp của gối cầu đặc biệt là các cầu có sử dụng bản liên tục nhiệt. Phân tích nguyên nhân gây ra các hư hỏng của gối cầu. Đánh giá ảnh hưởng của hư hỏng gối cầu đến khả năng làm việc của các công trình cầu. Đề xuất phương án kỹ thuật sửa chữa, thay thế và phương án thiết kế mới để phòng tránh các hư hỏng đó.

Số hồ sơ lưu: 19039

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

72721.03-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quy hoạch, thiết kế và khai thác hệ thống nút giao thông khác mức khu vực nội thành Hà Nội nhằm tăng hiệu quả khai thác, giảm ùn tắc và tai nạn giao thông/** PGS.TS. Nguyễn Quang Đạo, PGS.TS. Nguyễn Quang Đạo; TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Trần Danh Lợi; TS. Vũ Minh Tâm; KS. Nguyễn Duy Hiền; PGS.TS. Vũ Hoài Nam; KS. Trần Văn Công; KS. Vũ Xuân Tùng; ThS. Lê Hoàng Sơn; TS. Phạm Đức Thanh; ThS. Thái Hồng Nam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển đô thị, 2018 - 07/2016

- 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống nút giao thông khác mức nội thành Hà Nội. Trình tự quy hoạch, thiết kế và lựa chọn loại hình nút giao khác mức. Giải pháp quy hoạch và thiết kế nút giao thông khác mức. Tiêu chí đánh giá nút giao thông khác mức. Vận dụng giải pháp thiết kế cho 2 nút giao khác mức cụ thể.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-06/ĐK-TTTT&TK

80482.03-2022 **Nghiên cứu khả năng áp dụng dầm liên hợp bán lắp ghép (VFT) để đẩy nhanh tiến độ thi công và tăng tính thẩm mỹ trong xây dựng các công trình cầu vượt đường bộ ở Việt Nam/** TS. Ngô Văn Minh, TS. Nguyễn Hữu Thuấn; ThS. Nguyễn Tuấn Bình; KS. Nguyễn Mạnh Hải; ThS. Nguyễn Văn Thành; KS. Trần Mạnh Cường; ThS. Phạm Quốc Đạt; ThS. Trần Văn Thanh; KS. Trần Thị Xuyên; TS. Nguyễn Việt Phương - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định chiều dài vượt nhịp kinh tế của dầm VFT khi so sánh với các dạng dầm điển hình ở Việt Nam. Nghiên cứu cải tiến các chỉ tiêu cơ lý đầu vào của dầm VFT bao gồm: kích thước, vật liệu dầm thép, bố trí cốt thép thường, cấu tạo neo liên hợp để phù hợp với điều kiện thiết kế, thi công thực tế ở Việt Nam. Xây dựng bộ thiết kế điển hình dầm VFT áp dụng cho các nhịp thông thường tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19041

80788.03-2022 **Xây dựng giải pháp tổ chức, quản lý, khai thác vận tải biển theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải phù hợp với quy định của Phụ lục VI, Công ước MARPOL/ PGS.TS. Nguyễn Minh Đức, PGS.TS. Trần Văn Lượng; TS. Phạm Văn Tân; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Trần Văn Sáng; ThS. Đặng Quang Việt; TS. Nguyễn Cảnh Lam; ThS. Trần Thị Thu Hà - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan đội tàu và vấn đề sử dụng năng lượng trên tàu biển Việt Nam. Hệ thống các giải pháp khai thác, giám sát tiêu thụ nhiên liệu giảm phát thải khí thải từ tàu biển. Tiến hành xây dựng quy trình, hướng dẫn và bộ công cụ hỗ trợ lập kế hoạch tổ chức, quản lý, khai thác tối ưu đội tàu. Đồng thời, xây dựng mô hình, thử nghiệm trung tâm dịch vụ tư vấn sử dụng năng lượng hiệu quả và bảo đảm toàn hàng hải. Tổ chức đào tạo cho thuyền viên nhằm hỗ trợ các công ty vận tải biển nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tàu, giảm tiêu hao năng lượng và tăng trưởng xanh.

Số hồ sơ lưu: 19158

80792.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất lựa chọn phương pháp xác định hệ số khấu trừ năng lực thông qua phù hợp với năng lực khai thác của các tuyến đường sắt ở Việt Nam/ TS. Lê Thu Sao, ThS. Nguyễn Thị Trang; TS. Hà Nguyễn Khánh; ThS. Dương Thị Thu Hương; PGS.TS. Lê Quân; TS. Hoàng Văn Thông; TS. Vương Thị Hương Thu; TS. Đỗ Thị Hồng Vân;**

ThS. Hoàng Xuân Trung; ThS. Phạm Thị Lợi - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng công tác tổ chức chạy tàu, xác định năng lực thông qua của các tuyến đường sắt thuộc mạng lưới đường sắt Việt Nam và kinh nghiệm xác định năng lực thông qua tuyến đường sắt của một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, đề xuất phương pháp xác định hệ số khấu trừ năng lực thông qua phù hợp với điều kiện khai thác của các tuyến đường sắt ở Việt Nam và xác định hệ số khấu trừ năng lực thông qua cho một số khu đoạn trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: 19151

20105. Kỹ thuật thủy lợi

74255.03-2022 **Nghiên cứu giải pháp công trình chống bồi tụ tại các cửa lấy nước dọc sông Hồng trên địa bàn Hà Nội, để đảm bảo lấy nước hiệu quả./ TS. Nguyễn Đình Trinh, TS. Nguyễn Đình Trinh; PGS.TS. Dương Đức Tiến; PGS.TS. Nguyễn Hữu Huê; PGS.TS. Nguyễn Quang Cường; ThS. Nguyễn Hữu Thành; PGS.TS. Hoàng Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Quang Hùng; PGS.TS. Lê Xuân Khâm; PGS.TS. Nguyễn Trọng Tư; ThS. Đinh Công Sơn. - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Thủy lợi, 2018 - 08/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá thực trạng hệ thống công trình cửa lấy nước trong phạm vi nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế bồi lắng phù hợp với

tùng cửa lấy nước dọc sông Hồng trong điều kiện hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-36/ĐK-TTTT&TK

76416.03-2022 **Nghiên cứu tác động của các công trình trên sông đến sự ổn định lòng dẫn sông Hồng - Thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Hué, PGS.TS. Nguyễn Hữu Hué; ThS. Nguyễn Hữu Thành; PGS.TS. Trần thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Quang Cường; TS. Nguyễn Tiến Thái; TS. Thân Văn Văn; ThS. Nguyễn Văn Sơn; PGS.TS. Dương Đức Tiến; PGS.TS. Lê Xuân Khâm. TS. Trần Văn Toàn - Hà Nội - Viện Kỹ Thuật Công Trình, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về các dạng công trình nắn chảy dòng chảy, phục vụ giao thông thủy trên thế giới và Việt Nam. Tổng quan về các dạng công trình chính trị bảo vệ bờ trên thế giới và tại Việt Nam. Tổng quan về các tác động không mong muốn do các công trình nắn chỉnh dòng chảy, phục vụ giao thông thủy gây ra. Tổng quan về tác động không mong muốn do các công trình giao thông đường bộ vượt sông gây ra. Tổng quan về quy hoạch giao thông thủy trên hệ thống sông Hồng. Tổng quan về quy hoạch giao thông đường bộ vượt sông trên hệ thống sông Hồng. Tổng quan về quy hoạch thoát lũ trên sông Hồng. Thu thập, phân tích số liệu, tài liệu về các công trình nghiên cứu. Xây dựng bản đồ hiện trạng công trình trên sông Hồng khu vực Hà Nội tỷ lệ 1:10.000 trên nền Mapinfo. Đánh giá

hiện trạng công trình trên sông và diễn biến lòng sông Hồng khu vực Hà Nội. Phân tích nguyên nhân gây mất ổn định lòng dẫn sông Hồng. Đánh giá tác động của từng đối tượng đến sự ổn định lòng dẫn sông Hồng. Dự báo xu thế biến đổi lòng dẫn sông Hồng trong tương lai (đoạn từ Sơn Tây đến cầu Thăng Long). Đề xuất các giải pháp hạn chế những diễn biến bất lợi của các công trình trên sông đến sự ổn định lòng dẫn sông Hồng. Xây dựng thư mục quản lý cơ sở dữ liệu công trình trên sông Hồng Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-30/ĐK-TTTT&TK

81319.03-2022 **Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./** TS. NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG, GS.TS. Lê Sâm; ThS. Trần Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Lê Huân; ThS. Nguyễn Văn Lâm; KS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Trần Hoài Giang; TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; ThS. Võ Văn Thanh; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên. - TP.HCM - Trung tâm Nghiên cứu Thủy nông và Cấp nước, 2019 - 09/2014 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng và đề xuất được các giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - ngư - diêm nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa tỉnh

Bạc Liêu (tập trung chủ yếu tại 3 huyện Phước Long, Hòa Bình và Vĩnh Lợi). Tổng quan về quá trình hiện đại hóa công tác thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tình hình phát triển nông thôn mới ở trong và ngoài nước; Đã đánh giá thực trạng hệ thống công trình thủy lợi (đi sâu vào hệ thống thủy lợi cấp xã – thủy lợi nội đồng) trên các vùng sản xuất nông - ngư - diêm nghiệp tỉnh Bạc Liêu; Một số giải pháp có thể thực hiện trước mắt, tuy nhiên các giải pháp mang tính chiến lược lâu dài cũng đã được đề nghị nhằm từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi giai đoạn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

20202. Người máy và điều khiển tự động

80481.03-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng thiết bị bay và mạng cảm biến không dây phục vụ giám sát tự động vùng cây nguyên liệu/ ThS. Quách Công Hoàng, ThS. Trần Vũ Tuấn Phan; ThS. Nguyễn Quốc Đạt; ThS. Lê Quang Thái; ThS. Nguyễn Tiến Đạt; CN. Trần Thị Kim Phượng - Hưng Yên - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2020 - 01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mô hình và kiến trúc hệ thống nông nghiệp chính xác sử dụng mạng cảm biến và thiết bị bay tự động trên thế giới. Nghiên cứu phát triển quy trình áp dụng và các yêu cầu vận hành hệ thống giám sát

nông nghiệp thông minh sử dụng mạng cảm biến không dây và thiết bị bay tự động tại Việt Nam. Nghiên cứu thiết kế hệ thống giám sát vùng cây nguyên liệu (Mía, cỏ voi...) sử dụng các thiết bị bay và hệ thống cảm biến không dây cho điều kiện Việt Nam. Nghiên cứu phát triển hệ thống chỉ tiêu đánh sơ bộ chất lượng canh tác và phát triển vùng cây nguyên liệu dựa trên dữ liệu thu thập từ mạng cảm biến không dây và thiết bị bay tự động. Nghiên cứu các điều kiện vận hành an toàn và các yêu cầu kỹ thuật cho hệ thống cảnh báo sớm trong nông nghiệp sử dụng thiết bị bay tự động và hệ thống cảm biến không dây. Nghiên cứu hệ thống điều khiển và mô hình tương tác người dùng hiệu quả của hệ thống giám sát nông nghiệp tự động sử dụng thiết bị bay và hệ cảm biến không dây.

Số hồ sơ lưu: 19042

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

72731.03-2022 Nghiên cứu thiết kế tích hợp hệ thống giám sát, điều khiển và hỗ trợ điều hành tác nghiệp ứng dụng cho trang trại chăn nuôi lợn/ TS. Đỗ Xuân Thiệu, TS. Đỗ Xuân Thiệu; TS. Phạm Thanh Hà; TS. Hoàng Kim Giao; ThS. Quách Tô Nga; ThS. Ngô Thanh Bình; ThS. Nguyễn Kim Sao; KS. Nguyễn Thành Ý; KS. Bùi Đức Ngọc; KS. Nguyễn Huy Hoàng. - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2017 - 01/2013 - 12/2014. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng một hệ thống thông tin phục vụ điều hành chăn nuôi trang trại quy mô công nghiệp với đối tượng sử dụng là nhân viên điều hành và nhà quản lý trang trại. Tích hợp các công nghệ, thuật toán tiên tiến đảm bảo điều khiển có hiệu quả cho trang trại chăn nuôi lợn.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-13/ĐK-TTTT&TK

81037.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình giám sát điều khiển quá trình canh tác chè bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu tại Phú Thọ.**/ ThS. Phạm Thanh Bình, ThS. Đỗ Thị Kim Ngọc; TS. Nguyễn Hữu La; TS. Đào Huy Du; TS. Nguyễn Đăng Hòa; KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Cao Hoàng; KS. Lê Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Lê Đạo - Phú Thọ - Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2019 - 04/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về hệ thống giám sát điều khiển SCADA để ứng dụng trong giám sát điều khiển quá trình canh tác chè chất lượng cao. Thiết lập bài toán điều khiển, lựa chọn giải pháp công nghệ, thiết kế lựa chọn phần cứng, xây dựng phần mềm cho hệ thống giám sát điều khiển SCADA vận hành tự động hệ thống tưới trong canh tác chè. Xây dựng mô hình giám sát điều khiển SCADA giám sát, vận hành tự động quá trình tưới cho 1ha chè Kim Tuyên và xây dựng quy trình vận hành quá trình cung cấp dinh dưỡng, quy trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dạng chế phẩm sinh học đối với bệnh hại rễ cho cây chè thông qua hệ thống tưới. Tiến hành

sản xuất 100 kg sản phẩm chè xanh từ mô hình và đánh giá chất lượng của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: PTO-012-2021

81153.03-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo cảm biến MEMS đếm các tế bào miễn dịch.** ThS. Vũ Xuân Mạnh, CN. Trần Văn Hiệp; ThS. Nguyễn Tuấn Hùng; ThS. Nguyễn Chí Long; ThS. Nguyễn Văn Đưa; ThS. Trịnh Thị Thương; KS. Đặng Anh Đức; CN. Nguyễn Huy Hưng; KS. Nguyễn Huy Khả; KS. Nguyễn Huy Nguyên - Hà Nội - Viện Ứng dụng công nghệ, 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định yêu cầu kỹ thuật của cảm biến MEMS cần thiết kế. Thiết kế, chế tạo cảm biến điện tử đếm tế bào miễn dịch và thiết kế, chế tạo kênh vi lỏng cho tế bào sống. Thiết kế, chế tạo hệ thống điện tử thu thập, xử lý và hiển thị tín hiệu từ cảm biến MEMS. Thiết kế và phát triển phần mềm nhúng điều khiển thiết bị và xử lý tín hiệu. Thiết kế và phát triển phần mềm thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu. Tích hợp hệ thống và thử nghiệm đếm tế bào miễn dịch trong phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 19329

81234.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng cổng thông tin đối thoại trực tuyến đáp ứng nhu cầu hỏi - đáp của tổ chức, công dân đối với các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Phú Thọ.** CN. Nguyễn Xuân Trung, Phùng Chí Quốc; Bùi Thị Tường; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Nguyễn Tiên Trung; Cao Thị Hương Giang; Cao Thị Phương Thảo; Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Thị Bích Ngọc;

Nguyễn Hoàng Phương - Phú Thọ - Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng nhu cầu hỏi đáp của tổ chức, doanh nghiệp, công dân đối với các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu xây dựng cổng thông tin đối thoại trực tuyến của tỉnh. Tiến hành nhập dữ liệu, kiểm thử, hiệu chỉnh cổng Thông tin đối thoại trực tuyến và xây dựng các tài liệu. Đồng thời, triển khai thực hiện và đánh giá, chỉnh sửa, hoàn thiện cổng thông tin đối thoại trực tuyến tỉnh Phú Thọ.

Số hồ sơ lưu: PTO-007-2021

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

80848.03-2022 **Truyền thông di động song công**/ PGS.TS. Nguyễn Lê Hùng, TS. Nguyễn Duy Nhật Viễn; TS. Bùi Thị Minh Tú - Đà Nẵng - Đại học Đà Nẵng, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích các ảnh hưởng của điều kiện kênh truyền không lý tưởng (không có tin đáp ứng kênh truyền hoàn hảo) lên hiệu năng của hệ thống truyền thông song công trong mạng thông tin vô tuyến. Tiến hành xây dựng kỹ thuật ước lượng kênh truyền trong hệ thống song công và xây dựng kỹ thuật truyền dẫn đa thuê bao trong hệ thống truyền thông vô tuyến song công.

Số hồ sơ lưu: 19170

20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung

80862.03-2022 **Giải pháp mới kết hợp tương quan ảnh số (DIC) và phần tử hữu hạn (FEM) để dự đoán lan truyền vết nứt trong chi tiết mối hàn**/ TS. Tào Quang Bảng, TS. Nguyễn Văn Thiên Ân; TS. Nguyễn Văn Triều; PGS.TS. Nguyễn Xuân Hùng; ThS. Hồ Ngọc Thế Quang; KS. Tạ Minh Bảo - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mục tiêu của nội dung này là phát triển một hệ thống quang học để thực hiện các phép đo trong phạm vi biến dạng nhỏ của vật liệu hàn. Ngoài ra, các vật liệu hàn không chỉ được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm không chỉ các vật liệu hàn truyền thống mà còn là một vật liệu hàn mới InnoLot đã và đang được sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô. Các vật liệu hàn được sử dụng để chế tạo thành chi tiết thí nghiệm với dạng khối, liên kết hàn và các dạng mẫu đặc biệt (mẫu có vết nứt sẵn và CT), và sau đó chúng được thử nghiệm với hệ thống DIC ở các điều kiện kiểm tra khác nhau (nhiệt độ, tốc độ kéo). Kết quả trường biến dạng đo được từ kỹ thuật DIC cho phép xác định các thông số vật liệu của vật liệu hàn với độ chính xác cao. Ngoài ra dự án này còn nghiên cứu ứng xử của vết nứt gãy của vật liệu hàn. Ứng dụng phương pháp số (phần tử hữu hạn) để nghiên cứu sự lan truyền vết nứt do mỏi của mối hàn giữa các hạt, và phá hủy của mối hàn trong khối công suất. Một phương pháp số sẽ được đề xuất để tái tạo vết nứt do mỏi giữa các hạt ở

vùng trọng yếu của môi hàn. Một mô hình phần tử hữu hạn FEM thông qua mô hình cấu trúc tế vi 3D sẽ được xây dựng cho một khối công suất thực tế để mô phỏng sự biến dạng của cấu kiện. Các đặc tính của mô hình vùng kết dính sau đó được sử dụng để mô tả quá trình nứt gãy của môi hàn dưới tải trọng môi.

Số hồ sơ lưu: 19183

20302. Chế tạo máy nói chung

81750.03-2022 **Thiết kế và chế tạo máy cắt plasma, oxy cnc dạng trung bình/** ThS. Nguyễn Tấn Tại, - Quảng Ngãi - Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất, 2018 - 06/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm một máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình (1,5m x 3m) với các thông số kỹ thuật: tốc độ cắt tối đa 1000mm/p, chiều dày cắt tối đa 20mm, độ chính xác gia công $\pm 0,5\text{mm}$ và đạt Tiêu chuẩn Việt Nam yêu cầu chung về an toàn đối với kết cấu máy (TCVN 4725:2008). Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất. Sản phẩm của đề tài phục vụ công tác giảng dạy và thực tập của giảng viên và sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất.

Số hồ sơ lưu: QNI-012-2020

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

81108.03-2022 **Nghiên cứu công nghệ, thiết bị sản xuất rau quả công nghệ cao theo hướng tự động hóa và tương thích điều kiện trồng**

tại Tây Nam Bộ/ PGS.TS. Cao Hùng Phi, TS. Nguyễn Thái Vân; TS. Lê Hồng Kỳ; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Lương Văn Vạn; ThS. Đặng Thành Tựu; ThS. Lê Trung Hậu; TS. Trần Hữu Danh; ThS. Trương Văn Xạ - Vĩnh Long - Trường Đại Học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, 2021 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ tự động hóa trong sản xuất, thu hoạch, vận chuyển rau quả nói chung và hành tím nói riêng tại Đồng bằng sông Cửu Long. Xác định điều kiện sinh trưởng và phát triển tối ưu của hành tím tương ứng với các quá trình sinh trưởng và phát triển khác nhau của cây, trong đó chủ yếu tập trung vào ba yếu tố độ ẩm, nhiệt độ và ánh sáng. Thiết kế hệ thống thiết bị đồng bộ theo hướng cơ giới hóa và tự động hóa, hệ thống vườn sản xuất hành tím công nghệ cao theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa phục vụ các khâu sản xuất hành tím phù hợp với điều kiện trồng tại Tây Nam Bộ. Chế tạo hệ thống thiết bị đồng bộ, hệ thống vườn sản xuất hành tím công nghệ cao nhằm đáp ứng được yêu cầu đặt ra phù hợp với điều kiện trồng và quy mô nông hộ và hợp tác xã tại Tây Nam Bộ. Thử nghiệm, đánh giá hiệu quả dây chuyền, thiết bị đã được thiết kế và chuyển giao công nghệ, thiết bị cho các hộ gia đình, hợp tác xã tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 19309

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông

80521.03-2022 Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và đổi mới công nghệ chế tạo đồ gá hàn khung đầu và sườn xe ô tô con/ ThS. Nguyễn Văn Minh, ThS. Trần Văn Trung; KS. Hồ Văn Nhuận; KS. Lê Xuân Trạch; KS. Võ Tá Trung; KS. Phạm Tuấn Vũ; KS. Hồ Việt Hoàng; KS. Đinh Văn Duy; KS. Phạm Bảo Trung; KS. Vũ Công Hoan; KS. Dương Thị Phương; KS. Dương Thị Minh Phượng; KS. Vũ Thành Luân; KS. Tống Thanh Tú; KS. Nguyễn Hữu Khả; KS. Nguyễn Văn Thủy; KS. Nguyễn Xuân Học; KS. Nguyễn Văn Thái; KS. Trần Văn Nam; KS. Nguyễn Minh Tiến - Hà Nội - Công ty Cổ phần Công nghệ Đức Trung, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng bộ dữ liệu thiết, chế tạo, đo kiểm đồ gá hàn khung vỏ ô tô cho Work dạng FSF và bộ đồ gá hàn tự động cho Work dạng BHD. - Hai bộ đồ gá hàn Work dạng FSF và BHD được chế tạo thành công. - Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có chất lượng cao cho chuyên ngành công nghiệp ô tô. Từng bước tiến tới làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo đồ gá hàn khung vỏ xe ô tô con. Cung cấp sản phẩm mới có chất lượng tương đương với hàng nhập khẩu để có thể xuất khẩu và thay thế hàng nhập ngoại cho các hãng xe trong nước, góp phần chủ động đáp ứng các yêu cầu về cung cấp thiết bị mới cũng như phụ tùng thay thế cho các dây chuyền sản xuất ô tô trong nước,

tham gia vào chuỗi cung ứng thiết bị toàn cầu cho các hãng xe.

Số hồ sơ lưu: 19043

20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy

80480.03-2022 Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo sản phẩm cao su kỹ thuật chống rung, chịu nén dùng trong đầu máy - toa xe và túi nâng trục vớt, cứu hộ đường thủy/ PGS.TS. Đặng Việt Hưng, TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; GS.TS. Bùi Chương; PGS.TS. Nguyễn Huy Tùng; PGS.TS. Ngô Kế Thế; CN. Hoàng Đức Trung; PGS.TS. Lê Anh Kiên; KS. Trần Phương Chiến; KS. Nguyễn Đình Chinh; KS. Phạm Quốc Nghiệp - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 03/2020 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo vật liệu cao su chống rung. Nghiên cứu các tính chất mỏi, lão hóa và đặc trưng chống rung của vật liệu chế tạo được. Chế tạo sản phẩm đệm chống rung, thử nghiệm và đánh giá sản phẩm đệm chống rung cho đầu máy - toa xe ở Việt Nam. Nghiên cứu chế tạo túi mềm trục vớt cứu hộ (chế tạo vật liệu, thiết kế chế tạo túi khí). Thử nghiệm túi mềm trục vớt cứu hộ thực tế ngoài biển ở Việt Nam, đánh giá các sản phẩm đã chế tạo được.

Số hồ sơ lưu: 19033

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

81128.03-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy pha trộn than năng suất 300t/h/ ThS. Nguyễn Quốc Tính, ThS. Đào Trung Hiếu; TS. Đàm Hải Nam; ThS. Phan Văn

Biển; ThS. Dương Anh Tuấn; KS. Nguyễn Huy Tân; KS. Nguyễn Ngọc Sơn; ThS. Lê Khánh Quốc Bảo; ThS. Ngô Thị Hà Phương - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về thiết bị máy trộn than trên thế giới và trong nước, phân tích nhu cầu thị trường. Cơ sở lý thuyết tính toán thiết bị máy trộn than. Tính toán, xác định các thông số công nghệ và kết cấu máy như năng suất, tốc độ quay, công suất, kích thước buồng trộn, cánh trộn, bước cánh. Lập bản vẽ thiết kế, tổ chức gia công chế tạo thiết bị và áp dụng thử nghiệm vào thực tế sản xuất. Đánh giá và hoàn thiện sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19318

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

80467.03-2022 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo đầu đo phóng xạ plastic kích thước lớn và nguồn cao áp sử dụng trong các hệ thống phát hiện, tìm kiếm nguồn phóng xạ/ TS. Nguyễn Trường Sơn, ThS. Phan Việt Tịnh; ThS. Trịnh Ngọc Lâm; PGS.TS. Phạm Tuấn Thành; ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Trương Anh Dũng; TS. Lưu Tam Bát; ThS. Lê Văn Học; KS. Lê Đăng Giáp; KS. Quách Đức Hương - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 03/2015 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về nguồn phóng xạ, bức xạ và đo lường phóng xạ. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo đầu đo phóng xạ với vật liệu nhấp nháy

plastic, khối cao áp cho ống đếm. Đồng thời nghiên cứu chế tạo các khối điện tử ghép nối đầu đo và phần mềm nhúng. Từ đó, thiết kế, lập trình chương trình trên máy tính hiển thị, lưu trữ, cảnh báo phóng xạ và tiến hành thử nghiệm, đánh giá tích hợp hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19022

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

80811.03-2022 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy thử độ bền kéo đứt của giấy theo phương nằm ngang phục vụ sản xuất/ ThS. Nguyễn Văn Chất, KS. Nguyễn Thanh Tuyên; ThS. Lê Thị Xinh; ThS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Lê Hồng Tâm; Trương Hóa - Hồ Chí Minh - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần - Viện Nghiên Cứu Dệt May Tại TP. Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu các máy thử độ bền kéo đứt của giấy hiện có trên thế giới và tiêu chuẩn và phương pháp thử độ bền kéo đứt của giấy tissue cũng như sản phẩm từ giấy tissue. Tìm hiểu nguyên lý hoạt động của máy thử độ bền kéo đứt của giấy theo phương nằm ngang và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả độ bền kéo đứt của giấy tissue và sản phẩm từ giấy tissue. Tiến hành thiết kế chế tạo máy thử độ bền kéo đứt của giấy theo phương nằm ngang, đồng thời nghiên cứu các phương pháp kiểm tra hiệu chuẩn các thông số và đánh giá chất lượng máy. Sau cùng tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành, đánh giá hiệu

quả kinh tế và xây dựng phương án phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19167

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

80992.03-2022 **Tương tác của các peptide amyloid beta với màng lipid và ion đồng: Mô phỏng máy tính/ GS. TSKH Mai Xuân Lý, Nguyễn Hoàng Linh; Phạm Đăng Lân; Nguyễn Quốc Thái; Trần Thị Minh Thu; Phan Minh Trường; Hồ Anh Kiệt; Phạm Hồng Ân; Trương Đức Toàn - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Mở rộng trường lực (FF) cổ điển mới cho tương tác của Cu(II) với monomer và dimer A β cho trường hợp oligomer lớn hơn. Thực nghiệm chỉ ra rằng ion Cu(II) tự do có thể phá hủy màng lipid kép mạnh hơn so với khi bám vào A β và màng kích thích tích tụ phức hợp A β -Cu(II). Nghiên cứu ảnh hưởng của các ion Cu(II) và oligomer A β -Cu(II) lên tính chất hình học của lớp lipid kép và sự rò rỉ khả dĩ bằng mô phỏng động lực học phân tử (MD) với mô hình tất cả nguyên tử. Ảnh hưởng của A β và A β -Cu(II) lên sự thâm thấu của các ion calcium qua màng lipid cũng quan trọng nhằm hiểu rõ độc tính gây bởi A β . Các thí nghiệm cho thấy khi bị giới hạn trên bề mặt màng lipid kép, quá trình hình thành sợi A β trở nên nhanh hơn so với khi không có màng. Vì quá trình hình thành sợi xảy ra rất chậm, người ta không thể ước lượng tốc độ của quá trình này bằng mô hình toàn bộ

nguyên tử và thậm chí là các mô hình hạt thô lệch mạng hiện có. Do đó, một mô hình mạng được phát triển để thăm dò động học tích tụ của các chuỗi polypeptide trên bề mặt màng.

Số hồ sơ lưu: HCM-001-2021

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

81127.03-2022 **Nghiên cứu sử dụng một số khoáng vật tự nhiên ở Việt Nam để chế tạo vật liệu quang xúc tác ứng dụng trong xử lý môi trường/ PGS.TS. Phạm Xuân Núi, TS. Ngô Hà Sơn; TS. Tô Xuân Bản; TS. Đoàn Văn Huân; KS. Trần Ngọc Tuân - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định thành phần, đặc tính cấu trúc và tính chất hóa-lý của khoáng halloysite và perlite trên lãnh thổ Việt Nam có hàm lượng pha khoáng phù hợp liên quan đến việc biến tính hoặc/và sử dụng làm nguồn để chế tạo vật liệu mới. Quy trình xử lý khoáng sét halloysite và perlite để tạo ra nguồn nguyên liệu phù hợp. Tổng hợp vật liệu quang xúc tác bằng phương pháp tổng hợp kết hợp giữa nguồn silica tinh chế và pha hoạt động có tính chất quang hóa. Nghiên cứu sử dụng nguồn khoáng làm chất mang xúc tác và sử dụng halloysite hoặc perlite làm chất mang nhằm tạo ra vật liệu composite có hoạt tính xúc tác quang. Thiết lập mối tương quan giữa tâm hoạt động xúc tác với hợp chất hữu cơ khó phân hủy, xác định sản phẩm trung gian, và sản phẩm cuối cùng liên quan đến quá trình oxi hóa quang

xúc tác trên vật liệu đã tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 19316

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

81102.03-2022 **Nghiên cứu phát triển chuỗi sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ mỡ cá tra và cá basa, nâng cao hiệu quả kinh tế của nghề nuôi và chế biến cá da trơn ở một số tỉnh miền Tây Nam Bộ/ GS.TSKH. Lưu Văn Bôi, GS.TS. Lê Thanh Sơn; PGS.TS. Phạm Ngọc Lâm; TS. Nguyễn Thị Sơn; TS. Phan Thị Tuyết Mai; TS. Nguyễn Trần Thiện Khánh; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; CN. Hoàng Lương Nghĩa; CN. Phạm Văn Quang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá hiện trạng phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ cá tra bằng việc khảo sát, nắm số liệu sản phẩm của các cơ sở chế biến cá tra. Phân loại mỡ cá nguyên liệu thành 2 loại A ($AV < 5$ và $H_2O < 5\%$), loại B ($AV > 5$ và $H_2O > 5\%$). Quy trình công nghệ tách acid béo tự do (FFA) và triglycerid từ mỡ cá nguyên liệu loại B ($AV > 5$, hàm lượng nước $> 5\%$). Quy trình công nghệ chế tạo, xác định tính chất hóa lý các muối kẽm, canxi và bari cacboxylat từ mỡ cá tra, sản xuất các muối kẽm, Canxi và Bari cacboxylat quy mô pilot làm chất ổn nhiệt 2 thành phần Zn-Ca và Zn-Ba. Thử nghiệm ứng dụng chất ổn nhiệt cho nhựa PVC và cao su và xây dựng quy trình công nghệ chế tạo este cacboxylat (FAME) từ mỡ cá loại A. Sử dụng este cacboxylat (FAME)

của acid béo từ mỡ cá tra làm chất hóa dẻo cho PVC quy mô phòng thí nghiệm. Thử nghiệm ứng dụng thực tế chất hóa dẻo từ hỗn hợp DOP/este cacboxylat (FAME).

Số hồ sơ lưu: 19312

20499. Kỹ thuật hóa học khác

74237.03-2022 **Hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của Hà Nội/ ThS. Nguyễn Thị Liên Phương, ThS. Nguyễn Thị Liên Phương; GS.TS. Nguyễn Văn Khôi; TS. Trần Vũ Thắng; TS. Hoàng Tuấn Hưng; KS. Lê Văn Đức; KS. Lưu Thị Xuyên; KS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Văn Hà; ThS Hoàng Thị Phương; ThS Nguyễn Văn Mạnh - Hà Nội - Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Thương mại Lạc Trung, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen. Ổn định sản xuất, thương mại hóa sản phẩm màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen. Có được quy trình công nghệ và thiết bị hoàn chỉnh để sản xuất màng phủ có khả năng tự hủy trên cơ sở nhựa polyetylen phế thải quy mô 150 tấn/năm. Chế tạo đủ 20 tấn sản phẩm màng phủ phục vụ cho thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm và lưu mẫu. Có được 4 mô hình ứng dụng nhà kính cho 4 loại cây; bí đao, đậu cove, cà chua, dưa chuột với quy mô 1ha/mô hình, cho năng suất cao hơn đối chứng 18 – 20%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-44/ĐK-TTTT&TK

80961.03-2022 **Nghiên cứu quy trình sản xuất chả lụa an toàn vệ sinh thực phẩm/** ThS Trần Ngọc Phụng, ThS. Trần Ngọc Phụng; KS. Phạm Châu An; ThS. Nguyễn Duy Khanh; ThS. Huỳnh Thị Hiệp; KS. Cao Quang Nguyên; KS. Phạm Hồng Tươi - Bến Tre - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Bến Tre, 2021 - 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát thực trạng sử dụng phụ gia trong sản xuất chả lụa trên địa bàn tỉnh Bến Tre, lựa chọn được phụ gia, quy trình sản xuất và phương pháp đóng gói chả lụa phù hợp để tăng thời gian bảo quản chả lụa ở nhiệt độ thường.

Số hồ sơ lưu: BTE-157-2021

20507. Vật liệu xây dựng

81203.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu địa phương dùng trong công nghệ gạch không nung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam/** PGS. TS. Đặng Công Thuật, TS. Huỳnh Phương Nam; PGS. TS. Trần Quang Hưng; ThS. Phan Quang Vinh; ThS. Đặng Công Chiến; ThS. Võ Tấn Tuân; ThS. Lê Tấn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Văn Hòe; ThS. Nguyễn Thị Tuyết An; KS, Vũ Hoàng Trí; KS. Nguyễn Đức Tuấn; KS. Hồ Quang Hiếu - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về gạch không nung và thực trạng sản xuất, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Đánh giá chất lượng nguồn vật liệu đầu vào để chế tạo gạch không nung các yêu cầu

kỹ thuật của gạch bê tông không nung đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, so sánh với gạch đất sét nung. Thiết lập cấp phối hợp lý cho gạch bê tông không nung mác 50 và 75. Hoàn thiện quy trình sản xuất gạch không nung tại nhà máy gạch Hoàng Hưng Gia Bảo - huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của tường xây bằng gạch bê tông không nung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-007

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

81324.03-2022 **Nghiên cứu sử dụng enzym lipase để tẩy trắng bột giấy Kraft từ nguyên liệu gỗ cứng theo công nghệ ECF (Elemental Chlorine Free)/** TS. Lương Chí Hiếu, TS. Vũ Thị Hồng Mận; ThS. Nguyễn Đăng Toàn; ThS. Hồ Thị Thúy Liên; CN. Nguyễn Thị Việt Hà; KS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS. Phan Chí Thanh; CN. Trần Ngọc Anh - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ, 2019 - 01/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về cơ sở lý thuyết về sử dụng enzym cho tẩy trắng bột giấy, xác định, phân tích tính chất của bột giấy Kraft gỗ cứng (keo) sử dụng cho tiền xử lý bằng enzym lipase và tẩy trắng. Nghiên cứu lựa chọn các điều kiện công nghệ tối ưu cho tiền xử lý bằng enzym lipase đối với bột Kraft gỗ cứng. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tiền xử lý bằng enzym lipase theo công nghệ tẩy trắng ECF (Elemental Chlorine Free) cho bột

giấy Kraft từ nguyên liệu gỗ cứng. Tiến hành thử nghiệm quy trình công nghệ tiền xử lý bằng enzym lipase theo công nghệ tẩy trắng ECF quy mô phòng thí nghiệm (5kg bột khô tuyệt đối). Phân tích, đánh giá chất lượng bột giấy: độ trắng, độ nhót, hiệu suất, hàm lượng axit hexenuronic, độ bền kéo, xé, bục, độ hồi màu. Từ đó, đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, môi trường và đề xuất giải pháp áp dụng vào thực tiễn sản xuất

Số hồ sơ lưu: PTO-009-2021

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

81012.03-2022 Ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến tại Công ty Cổ phần In và văn hóa phẩm Ninh Bình/ CN. Đinh Mạnh Hà, Nguyễn Thị Châu; Đặng Thị Bình; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Từ Trà; Hoàng Thị Minh; Trần Thanh Hà; Nguyễn Kim Toàn; Bùi Thị Trang Nhung; Vũ Nguyên Đán - Ninh Bình - Công ty Cổ phần In và văn hóa phẩm Ninh Bình, 2018 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuẩn bị mặt bằng và cải tạo nhà xưởng, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, thiết bị tiến tới hoàn thiện quy trình sản xuất in offset 4 màu nhằm đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm tại Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình. Tổ chức sản xuất thử nghiệm trên dây chuyền công nghệ mới và đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời tuyên truyền mở rộng sản xuất.

Số hồ sơ lưu: NBH-001-2021

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác

72710.03-2022 Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu lát sàn từ phế liệu ngành da giày cho các công trình dân dụng/ PGS.TS. Bùi Văn Huân, PGS.TS. Bùi Văn Huân; TS. Vũ Mạnh Hải; TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; TS. Đoàn Anh Vũ; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; ThS. Lê Khanh Trang; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; ThS. Lê Thúy Hằng; KS. Phạm Thị Kim Tuyền - Hà Nội - Trường ĐH Bách khoa, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về da thuộc phế liệu, về vật liệu lát sàn từ chất dẻo, các hóa chất, công nghệ sử dụng trong sản xuất vật liệu lát sàn, các phương pháp thử nghiệm chất lượng vật liệu lát sàn. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sơ chế phế liệu da thuộc. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế tạo lớp cốt nền. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tráng phủ bề mặt ván lát sàn. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ phủ màng laminate bề mặt ván lát sàn. Xây dựng các quy trình công nghệ, thử nghiệm chế tạo và đánh giá chất lượng vật liệu lát sàn.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-09/ĐK-TTTT&TK

74620.03-2022 Nghiên cứu chế tạo chất etylenglycol dimetacrylat, ứng dụng nâng cao chất lượng sản phẩm xốp cách âm, cách nhiệt trên cơ sở PE/EVA/ PGS.TS. Chu Chiến Hữu, PGS.TS. Chu Chiến Hữu; ThS. Hồ Ngọc Minh; ThS. Đặng Trần

Thêm; TS. Trịnh Đắc Hoàn; CN. Dương Văn San; CN. Nguyễn Huy Thanh; CN. Hoàng Phương Nga; KS. Phạm Văn Đăng; CN. Hà Văn Kiên; CN. Đỗ Văn Thuận. - Hà Nội - Viện Hóa học - Vật liệu, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng etylen glycol dimetacrylat trong và ngoài nước. Nghiên cứu xây dựng quy trình tổng hợp etylen glycol dimetacrylat quy mô 5 kg/m³. Tổng hợp 10 kg chất đồng khâu mạng trong đó 5kg dùng để nghiệm thu và 5kg phục vụ thử nghiệm. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế tạo các bán thành phẩm trung gian từ EGD phục vụ sản xuất xốp PE/EVA. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sử dụng chất đồng khâu mạng EGD để nâng cao chất lượng của vật liệu xốp. Thử nghiệm chế tạo vật liệu xốp PE/EVA có sử dụng chất đồng khâu mạng EGD, hoàn thiện quy trình công nghệ thực hiện trên dây chuyền thiết bị của công ty Cao su Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-28/ĐK-TTTT&TK

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

81204.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng thiết bị khử trùng không khí và bàn rửa khử trùng trong công tác phòng chống nhiễm khuẩn, lây chéo tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam/** TS. Đỗ Tuấn Anh, PGS. TS. Nguyễn Hoài Châu; ThS. Lê Xuân Thanh Thảo; CN. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Hoàng Thị Mai; ThS. Huỳnh Thị Phúc; ThS. Huỳnh

Đức Long; CN. Doãn Thị Thùy Linh - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2020 - 02/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá các thông số kỹ thuật của thiết bị trong phòng thí nghiệm. Hiện trạng vi sinh trong không khí, bề mặt dụng cụ của bệnh viện. Đánh giá hiệu quả diệt vi khuẩn hiếu khí và nấm trong không khí của thiết bị làm sạch không khí. Đánh giá hiệu quả diệt vi khuẩn hiếu khí và nấm trên bề mặt dụng cụ y tế của thiết bị bàn rửa khử trùng.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-008

81774.03-2022 **Nghiên cứu chế tạo bộ kit đánh dấu tế bào sử dụng chấm lượng tử CdSe/ZnS/** PGS.TS. Trần Văn Hiếu, PGS.TS. Trần Văn Hiếu; ThS. Võ Thị Ngọc Thủy; Nguyễn Cao Trí; ThS. Ngô Hải Đăng; ThS. Vũ Đức Lâm; Nguyễn Công Thuận; Huỳnh Kiến Quang; CN. Trần Thị Hồng Điệp - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng hợp chấm lượng tử CdSe kết tinh ở pha lập phương ở nhiệt độ phản ứng là 120°C đến 180°C, thời gian phản ứng là từ 2 phút đến 30 phút. Các chấm lượng tử CdSe có kích thước khá nhỏ, tương đối đồng đều và các hạt đều nhỏ hơn bán kính Bohr exciton của vật liệu khối nên có hiệu ứng giam giữ lượng tử mạnh. Chế tạo chấm lượng tử có cấu trúc lõi/vỏ CdSe/ZnS ở pha lập phương với độ dày lớp vỏ khác nhau, tùy theo nhiệt độ bọc vỏ thay đổi từ

120°C đến 150°C. Gắn kết protein A/G với chấm lượng tử CdSe, CdSe/ZnS bằng chất liên kết bề mặt và đánh giá tính chất quang. Nghiên cứu quy trình tạo chấm lượng tử vụn năng và thử nghiệm đánh dấu. Đánh giá khả năng đánh dấu tế bào của chấm lượng tử so với chất phát huỳnh quang.

Số hồ sơ lưu: HCM-029-2021

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

73536.03-2022 Nghiên cứu chế tạo hệ thống đồng bộ xử lý nước ngầm có hàm lượng asen cao, sử dụng cho ăn uống, quy mô phân tán, cấp cho các vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội với chi phí thấp./ TS. Nguyễn Mạnh Khải, PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; TS. Phạm Thị Thúy; ThS. Phạm Tiến Đức; ThS. Hoàng Minh Trang; PGS.TS. Nguyễn Quang Trung; ThS. Đào Mạnh Phú; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Chu Anh Đào; PGS.TS. Trần Văn Quy; ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Trần Thị Huyền Nga; ThS. Phạm Hoàng Giang - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2017 - 07/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát lựa chọn địa điểm triển khai lắp đặt mô hình. Nghiên cứu tổng quan các công nghệ xử lý asen trong nước ngầm đang áp dụng trên thế giới, tại Việt Nam và kinh nghiệm trong sản xuất vật liệu, thiết bị xử lý asen. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo và đánh giá đặc tính của các vật liệu hấp phụ asen. Nghiên cứu khả năng hấp phụ asen của các vật liệu chế tạo và thiết

lập dây chuyền xử lý nước ngầm có hàm lượng asen cao trong phòng thí nghiệm. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, vận hành thử nghiệm và đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống pilot công suất 5m³/ngày trong thực tiễn. Xây dựng luận chứng kinh tế, kỹ thuật của hệ thống pilot công suất 5m³/ngày.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-11/ĐK-TTTT&TK

76448.03-2022 **Chuẩn hóa các kết quả nghiên cứu về địa kỹ thuật - môi trường thành phố Hà Nội phục vụ công tác quản lý tài nguyên, quy hoạch xây dựng và sử dụng đất hiệu quả, bền vững/ PGS.TSKH. Trần Mạnh Liễu, PGS.TS. Trần Mạnh Liễu; PGS.TS. Đỗ Minh Đức; GS.TS. Tạ Hòa Phương; PGS.TS. Đoàn Văn Cảnh; TS. Nguyễn Ngọc Trúc; TS. Dương Thị Toan; TS. Đào Văn Thịnh; TS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Trần Thị Lựu; ThS. Vũ Hoài Đức - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan và đánh giá thực trạng về Địa kỹ thuật môi trường đô thị. Thu thập, tổng hợp các tài liệu hiện có về điều kiện địa kỹ thuật môi trường đô thị trung tâm thành phố Hà Nội. Xây dựng bộ tiêu chí chuẩn hóa tài liệu Địa kỹ thuật Môi trường. Kiểm chứng và chuẩn hóa tài liệu điều kiện Địa kỹ thuật Môi trường đô thị Trung tâm thành phố Hà Nội. Xây dựng các bản đồ địa kỹ thuật môi trường tỷ lệ 1:25.000 đô thị trung tâm Hà Nội trong môi trường arcGIS. Đề xuất định hướng áp dụng kết quả của đề

tài trong khai thác sử dụng phục vụ công tác quy hoạch xây dựng và quản lý sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, bền vững.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-05/ĐK-TTTT&TK

80487.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình, giải pháp phát triển bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp cho các tiểu vùng sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Nguyễn Thị Phong Lan, TS. Nguyễn Thế Cường; TS. Trần Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; TS. Đoàn Mạnh Tường; GS.TS. Võ Quang Minh; PGS.TS. Nguyễn Hiếu Trung; TS. Vũ Anh Tuấn; PGS.TS. Tô Văn Thanh; ThS. Phan Thị Anh Thơ - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học đề xuất mô hình, giải pháp phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các tiểu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó: Xác lập được cơ sở khoa học phát triển bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) phù hợp cho các tiểu vùng sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá thực trạng ứng phó với BĐKH tại các tiểu vùng sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất mô hình và giải pháp phát triển bền vững cho các tiểu vùng sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 19032

80853.03-2022 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ**

về biến đổi khí hậu/ TS. Nguyễn Tùng Lâm, TS. Nguyễn Sỹ Linh; TS. Nguyễn Lanh; TS. Kim Thị Thúy Ngọc; KS. Đào Cảnh Tùng; ThS. Lê Thị Vân Nga; CN. Tô Ngọc Vũ; ThS. Hoàng Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Minh Khoa; KS. Nguyễn Văn Cường - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về BĐKH để thực hiện Cam kết do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; Đề xuất các giải pháp củng cố hoạt động của các cơ quan nghiên cứu về BĐKH đầu ngành trong nước; Đề xuất các cơ chế, chính sách tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và trao đổi công nghệ về BĐKH trong khuôn khổ NDC của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19180

80883.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai bão và áp thấp nhiệt đới theo các bản tin dự báo khí tượng thủy văn và áp dụng thử nghiệm cho khu vực Bắc Trung Bộ/** TS. Nguyễn Xuân Hiên, TS. Trần Văn Trà; TS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Văn Hương; TS. Ngô Thị Thủy; KS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Lan; ThS. Văn Thị Hằng; ThS. Doãn Huy Phương; KS. Nguyễn Đình Hoàng; ThS. Ngô Văn Trang; ThS. Nguyễn Xuân Tiến; ThS. Hoàng Thị Phương Thảo, TS. Lê Quốc Huy; TS. Vũ Văn Thăng; ThS. Trần Ngọc Vân; ThS. Ngô Văn Tự; KS. Đinh Minh Đức -

Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp luận tính toán, xác định cấp độ rủi ro thiên tai bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ). Xây dựng hệ thống phần mềm tính toán, cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai bão và ATNĐ theo các bản tin dự báo khí tượng thủy văn. Áp dụng thử nghiệm cho khu vực Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19191

81109.03-2022 **Nghiên cứu tận dụng bùn thải phát sinh từ bể lắng sơ cấp của hệ thống xử lý nước thải sản xuất giấy để chế tạo vật liệu hấp phụ chi phí thấp xử lý nguồn nước bị nhiễm crom (Cr⁶⁺) và amoni (NH₄⁺)/** TS. Nguyễn Lan Hương, TS. Văn Hữu Tập; TS. Phạm Thị Phương Thùy; TS. Lê Thái Hoàng; PGS.TS. Bùi Mạnh Hà; TS. Hồ Viết Thế - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 09/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu gom bùn thải giấy từ bể lắng sơ cấp trong hệ thống xử lý nước thải giấy từ một nhà máy giấy để chuẩn bị nguyên liệu cho chế tạo vật liệu. Chế tạo vật liệu hấp phụ biến tính từ bùn thải giấy. Nghiên cứu sử dụng vật liệu hấp phụ xử lý 2 loại nước thải nhân tạo gồm nước ô nhiễm crom (VI) và nước ô nhiễm amoni (NH₄⁺). Nghiên cứu khả năng giải hấp của vật liệu hấp phụ đã chế tạo sau khi đã hấp phụ bão hòa crom (VI) và amoni. Sơ chế và động học quá trình hấp phụ 2 nguồn nước

gồm nguồn nước nhiễm crom (VI) và nguồn nước nhiễm amoni (NH₄⁺). So sánh khả năng hấp phụ của từng loại vật liệu đã chế tạo và tìm ra các khác biệt trong các vật liệu đó để thấy được khả năng cải thiện dung lượng hấp phụ sau khi biến tính vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 19311

81159.03-2022 **Đánh giá tương quan giữa hàm lượng kim loại nặng – nồng độ hợp chất thứ cấp – hoạt tính sinh học và tiềm năng ứng dụng trong xử lý ô nhiễm kim loại nặng của loài dương xỉ Pteris vittata mọc ở một số vùng ô nhiễm thuộc miền Bắc Việt Nam bằng phân tích chuyển hóa (metabolomics)/** TS. Nguyễn Thị Kiều Oanh; PGS.TS. Nguyễn Tiến Đạt; TS. Lê Hồng Luyến; TS. Mai Hương; ThS. Trịnh Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Ngọc Liên - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu hái và xử lý mẫu Pteris vittata tại một số khu vực ô nhiễm kim loại nặng ở Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Giang. Phân tích hàm lượng kim loại nặng (Cu, Fe, As, Pb, Zn, Cd) trong các mẫu thực vật. Phân tích hệ chất chuyển hóa (metabolomics). Đánh giá hoạt tính chống oxy hóa. Xây dựng mạng lưới tương quan giữa hàm lượng kim loại nặng – nồng độ HCTC – hoạt tính sinh học.

Số hồ sơ lưu: 19326

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

81110.03-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác một số khoáng sản chủ yếu đảm bảo sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu/ TS. Lại Hồng Thanh, TS. Trần Duy Hiền; TS. Lê Quốc Hùng; ThS. Trịnh Minh Cương; TS. Trần Văn Miến; TS. Mai Văn Khiêm; GS.TS. Trần Văn Trị; PGS.TS. Hoàng Văn Long; ThS. Lê Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương - Hà Nội - Viện khoa học Trái đất và Môi trường, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về tiêu chí, mô hình khai thác khoáng sản đảm bảo hiệu quả, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Thực trạng khai thác từng loại khoáng sản chủ yếu hiện nay ở Việt Nam. Xây dựng Bộ tiêu chí khai thác đảm bảo hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Xây dựng mô hình khai thác từng loại khoáng sản chủ yếu ở Việt Nam hiện nay. Thử nghiệm hoàn thiện mô hình khai thác cho một số mỏ khoáng sản điển hình ở Việt Nam. Xây dựng quy trình phục hồi môi trường sau khi khai thác và quy trình đảm bảo an toàn về môi trường, nhân lực trong quá trình khai thác khoáng sản. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật khoáng sản năm 2010 theo hướng đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng bộ bản đồ phục vụ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu đối với

quy hoạch khoáng sản một số khoáng sản chủ yếu ở Việt Nam tỷ lệ 1/250.000. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19310

20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển

80850.03-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống mô phỏng radar hàng hải ứng dụng cho các vùng biển của Việt Nam phục vụ công tác đào tạo và huấn luyện tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thanh Vân, ThS. Vũ Thị Thu; PGS.TS. Đinh Anh Tuấn; TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Đặng Đình Phúc; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Đào Quang Khanh; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Hoàng Mạnh Cường - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 02/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống radar hàng hải. Nghiên cứu công nghệ mô phỏng radar hàng hải và xây dựng cấu hình hệ thống mô phỏng radar hàng hải. Tiến hành thiết kế, chế tạo thành công hệ thống mô phỏng radar hàng hải, đáp ứng được yêu cầu giải mã và làm chủ công nghệ. Đồng thời phát triển, tạo ra tính đặc thù cho hệ thống khi xây dựng các tình huống huấn luyện sử dụng dữ liệu các vùng biển của Việt Nam, giúp cho học viên được thao tác trên thiết bị thực quan, sinh động, với bối cảnh dữ liệu huấn luyện thân thuộc, cũng như được làm quen với các tình huống giả định, qua đó, trang bị cho học

viên các kỹ năng cần thiết trước khi thao tác, vận hành trên thiết bị thực, nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo và huấn luyện hàng hải tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19169

20708. Kỹ thuật bờ biển

80869.03-2022 **Nghiên cứu bổ sung cơ sở khoa học cho việc quy hoạch quản lý các khu bảo tồn biển Cát Bà và Cô Tô**/ PGS.TS. Đỗ Văn Khương, TS. Đỗ Công Thung; ThS. Nguyễn Quang Hùng; TS. Trần Văn Đan; TS. Nguyễn Dương Thọ; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; KS. Lê Doãn Dũng; KS. Đinh Thanh Đạt; KS. Lại Duy Phương; TS. Đàm Đức Tiến - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2005 - 01/2003 - 12/2004. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng tài nguyên môi trường và đa dạng sinh vật biển (trong đó tập trung vào các hệ sinh thái điển hình nh: rạn san hô, rong cỏ biển, rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng triều), đánh giá các điều kiện kinh tế-xã hội có liên quan đến tiềm năng bảo tồn trong khu vực, nghiên cứu các biện pháp duy trì, bảo vệ và phục hồi nguồn lợi sinh vật biển (thăm dò công nghệ nhân giống san hô trong phòng thí nghiệm, trồng phục hồi ngoài tự nhiên và khôi phục nguồn lợi sinh vật biển bằng các rạn nhân tạo). Xây dựng một bộ cơ sở dữ liệu trên phần mềm Access. Dự thảo qui hoạch, kế hoạch và giải pháp quản lý khu bảo tồn biển Cát Bà - Cô Tô.

Số hồ sơ lưu: 19189

20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung

81274.03-2022 **Dự án: “Xây dựng mô hình xử lý chất thải nông thôn cấp xã của tỉnh Bắc Kạn”**./ PGS.TS Đỗ Thị Lan, PGS.TS. Đỗ Thị Lan; ThS. Hoàng Thị Lan Anh; TS. Dư Ngọc Thành; TS. Trần Hải Đăng; ThS. Nguyễn Mạnh Dũng; ThS. Dương Minh Hòa; ThS. Hà Đình Nghiêm; ThS. Hoàng Quý Nhân; CN. Trần Văn Nam; ThS. Bàn Thị Mỹ - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, 2018 - 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường nông thôn tại xã Khang Ninh làm cơ sở khoa học trong ứng dụng các giải pháp công nghệ xây dựng mô hình xử lý thích hợp với địa bàn triển khai. Tổ chức được 04 lớp tập huấn về quản lý môi trường cấp cơ sở và quản lý môi trường dựa vào cộng đồng; về xử lý rác thải quy mô hộ gia đình; về xử lý chất thải chăn nuôi; về xử lý chất thải đồng ruộng cho 200 lượt người dân tại xã Khang Ninh, huyện Ba Bể. Xây dựng các mô hình: Mô hình xử lý rác thải & nước thải (*mô hình vòng tròn chuối*): 50 mô hình. Mô hình lò đốt Mini quy mô hộ gia đình: 60 mô hình. Mô hình xử lý chất thải nguy hại ngoài đồng ruộng: 20 mô hình. Mô hình quản lý chất thải dựa vào cộng đồng cấp thôn: 15 mô hình. Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi tại nông hộ: 50 mô hình.

Số hồ sơ lưu: 01/2019 Quyển số 01-STD-QLCNCN

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

75863.03-2022 Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm nguyên liệu giàu protein từ bột sắn, bã sắn, bằng công nghệ lên men vi sinh để làm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt tại vùng chăn nuôi trọng điểm của Hà Nội/ ThS. Bùi Đại Phong, ThS. Bùi Đại Phong; KS. Nguyễn Ngọc Kiên; BSTY. Vũ Việt Tiến; ThS. Nguyễn Thị Thúy; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê; TS. Lê Việt Phương; TS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Dương Thu Hương - Hà Nội - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, 2019 - 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng. Chế tạo, mua và lắp đặt thiết bị. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ. Sản xuất bột sắn, bã sắn bằng công nghệ lên men vi sinh ở quy mô khác nhau. Sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho 2 nhóm đối tượng: bò thịt F1 (6-12 tuổi bò), bò lai F1(13-18 tháng tuổi bò), bò thịt vỗ béo và bò sữa sử dụng bột sắn và bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh. Xây dựng mô hình nuôi bò thịt, bò sữa bằng khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) sử dụng bột sắn, bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh. Tập huấn kỹ thuật, trình diễn mô hình nuôi bò thịt, bò sữa bằng khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh

(TMR) sử dụng bột sắn, bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) của bột sắn, bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh và TCCS của thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) có sử dụng nguyên liệu này. Xây dựng phương án marketing sản phẩm

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-53 /ĐK-TTTT&TK

75919.03-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất bia quả**/ TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Phạm Thị Diệu; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Trần Thị Thu Hằng; TS. Hồ Tuấn Anh; PGS.TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Đặng Hồng Ánh; ThS. Nguyễn Văn Toàn; KS. Lê Xuân Đình - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thị hiếu người tiêu dùng đối với một số loại bia quả trên thế giới và khu vực. Điều tra, khảo sát, đánh giá một số loại quả dự kiến sử dụng sản xuất bia quả trên địa bàn Hà Nội. Nghiên cứu tuyển chọn chủng nấm men phù hợp để sản xuất bia quả. Nghiên cứu quy trình thu nhận và bảo quản dịch quả làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm bia quả và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho dịch quả. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bia quả ở quy mô khác nhau: quy mô phòng thí nghiệm, quy mô 100 lít/mẻ, 2.000 lít/mẻ. Xây dựng sơ đồ dây chuyền thiết bị cho sản xuất bia quả quy mô 2.000 lít bia quả/mẻ. Xây dựng tiêu

chuẩn cơ sở cho sản phẩm bia quả. Xây dựng mô hình sản xuất bia quả quy mô 2000 lít/mẻ và đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình. Nghiên cứu phương án thương mại hóa sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-14/ĐK-TTTT&TK

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

81156.03-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để giảm hàm lượng histamine trong nước mắm truyền thống/ TS. Trần Thị Thu Hằng, TS. Nguyễn Thị Lâm Đoàn; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Trịnh Thị Thu Thủy; TS. Lại Thị Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; CN. Lê Anh Tùng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu công nghệ sản xuất sinh khối vi khuẩn ưa mặn, có khả năng phân giải histamine quy mô phòng thí nghiệm. Quy trình công nghệ và xây dựng mô hình thiết bị sản xuất chế phẩm vi khuẩn ưa mặn và phân giải histamine quy mô 50 lít/mẻ. Ứng dụng chế phẩm vi khuẩn ưa mặn, phân giải histamine trong sản xuất nước mắm truyền thống quy mô phòng thí nghiệm. Xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị

sản xuất nước mắm truyền thống ứng dụng vi khuẩn phân giải histamine ở quy mô doanh nghiệp, 5.000 kg nguyên liệu/mẻ. Tổ chức sản xuất thử nghiệm 10.000 lít nước mắm tại cơ sở sản xuất ở Nam Định.

Số hồ sơ lưu: 19323

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

80894.03-2022 Mô hình hóa và mô phỏng lượng tử các cấu trúc và các đặc tính vật liệu mới lạ hướng tới ứng dụng trong nano- năng lượng, -quang/spin tử/ GS.TS. Vũ Ngọc Tước, PGS.TS. Nguyễn Việt Minh; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; TS. Lê Thị Hồng Liên; TS. Nguyễn Thị Thảo - Hà Nội - Viện Vật lý Kỹ thuật, 2021 - 03/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu (NC) dự đoán lý thuyết các cấu trúc và đặc tính vật liệu trong các cấu trúc mới lạ và chủ yếu ở kích cỡ nano, hướng tới các ứng dụng tiềm năng trong nano- năng lượng, -quang/spin tử. Nội dung của ĐT là phân là phân kế thừa và phát triển của các ĐT đã được NAFOSTED phê duyệt (103.02.100.09, 103.02-2011.20, 103.01-2014.25) và đã hoàn thành của chủ nhiệm (CN) ĐT với mục đích mở rộng, phát triển hướng NC mô hình hóa và mô phỏng lượng tử, bổ sung thêm các vật liệu/cấu trúc mới lạ cũng như phương pháp tính toán mới hướng tới các ứng dụng tiềm năng trong nano- năng lượng và -quang/spin tử. Các nội dung NC của ĐT tập trung vào NC ảnh hưởng chi phối của các hiệu ứng lượng tử, e.g. hiệu ứng kích thước hay giam

hãm lượng tử, hiệu ứng bề mặt trong các cấu trúc mới lạ được chúng tôi dự đoán. Chúng được kỳ vọng sẽ bộc lộ các đặc tính điện, quang, cơ ... được cải thiện vượt trội so với vật liệu khối hoặc có thể là hoàn toàn mới và lạ sẽ được sử dụng như là các thành tố cơ bản của KH&CN Nano trải rộng từ các pin mặt trời (SC), bán dẫn trường spin (spin FET) và mạch quang logic đến sensor hóa, sinh.

Số hồ sơ lưu: 19193

21099. Công nghệ nano khác

74252.03-2022 **Nghiên cứu nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản nhãn, ổi bằng chế phẩm Nano bạc tại Hà Nội.**/ ThS. Nguyễn Kim Nga, ThS. Nguyễn Kim Nga; ThS. Nguyễn Thị Hỷ; ThS. Hoàng Thị Hòa; ThS. Nguyễn Quý Quyết; KS. Nguyễn Thị Phương; KS. Vũ Thu Hằng; ThS. Bùi Kim Thúy; KS. Vũ Thị Nhị; KS. Lã Mạnh Tuấn. - Hà Nội - Trung tâm Phát triển cây trồng Hà Nội, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng chế phẩm Nano bạc trong sản xuất, bảo quản nhãn, ổi nhằm giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm bệnh hại, giảm tỷ lệ rụng quả do nấm bệnh, tăng năng suất; Kéo dài thời gian bảo quản 1,5 lần so với không xử lý, giảm tỷ lệ thối hỏng <10%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-34/ĐK-TTTT&TK

21101. Kỹ thuật thực phẩm

80474.03-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm**

glucomannan từ củ khoai nưa ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm/ TS. Đỗ Trọng Hưng, ThS. Vũ Thị Thuận; ThS. Lương Thị Như Hoa; KS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Phi - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng quy trình xử lý nguyên liệu đáp ứng yêu cầu sản xuất chế phẩm glucomannan từ củ khoai nưa, lựa chọn các thông số công nghệ phù hợp để tách chiết chế phẩm glucomannan từ bột khoai nưa thô. Xác định điều kiện thu hồi và bảo quản bột chế phẩm, đồng thời xác định một số tính chất lý hóa của chế phẩm glucomannan khoai nưa. Tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bột chế phẩm glucomannan và sản xuất thử nghiệm chế phẩm glucomannan tại viện Công nghiệp thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19025

21102. Kỹ thuật đồ uống

80552.03-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất trà sữa từ trà đen đóng lon**/ ThS. Đỗ Tiến Thành, ThS. Đào Thị Hiên; ThS. Trần Thị Minh Thọ; KS. Vũ Đình Chương; ThS. Phùng Trọng Thọ; ThS. La Thị An; ThS. Trần Thị Ngọc Oanh; KS. Lê Việt Đức; KS. Nguyễn Thị Hòa; KS. Hà Thị Thanh Thúy - Phú Thọ - Trường cao đẳng công nghiệp thực phẩm, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu trà đen phù hợp để sản xuất trà sữa. Nguyên liệu có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm, vì vậy cần xây dựng tiêu

chuẩn nguyên liệu trà đen để quá trình sản xuất ổn định và đảm bảo chất lượng là vấn đề đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu sữa thích hợp để sản xuất trà sữa đóng lon. Sữa là nguyên liệu có vai trò đặc biệt quan trọng đến chất lượng của trà sữa, hương vị và khả năng bảo quản sản phẩm, vì vậy xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu sữa thích hợp sẽ giúp nâng cao chất lượng và thời gian bảo quản sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ trích ly trà đen. Nghiên cứu xây dựng công nghệ phối trộn để sản xuất trà sữa. Nghiên cứu và đề xuất giải pháp công nghệ nâng cao thời gian bảo quản sản phẩm. Phân tích đánh giá chỉ tiêu chất lượng sản phẩm theo quy định. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm trà sữa từ trà đen đóng lon. Xây dựng bài giảng phục vụ đào tạo trình độ cao đẳng.

Số hồ sơ lưu: 19044

80556.03-2022 Nghiên cứu công nghệ sản xuất chè matcha từ một số giống chè Tuyên Quang/ ThS. Đào Thị Hiền, TS. Đào Thị Việt Hà; ThS. La Thị An; KS. Nguyễn Thị Hòa; KS. Vũ Đình Chương; ThS. Hoàng Nữ Lệ Quyên; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Trần Thị Ngọc Oanh; KS. Hà Thị Thanh Thúy - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công nghiệp thực phẩm, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về quy trình chế biến và yêu cầu kỹ thuật đối với nguyên liệu sản xuất chè matcha. Nghiên cứu lựa chọn quy trình trồng chè nguyên liệu phù hợp để sản xuất chè

matcha. Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất chè matcha với quy mô 50 kg chè tươi nguyên liệu/mẻ, Nghiên cứu công nghệ bảo quản chè matcha. Xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo an toàn thực phẩm. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm chè matcha. Biên soạn tài liệu phục vụ cho đào tạo, để nâng cao trình độ cho sinh viên và giảng viên trường cao đẳng công nghiệp thực phẩm. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

Số hồ sơ lưu: 19045

81080.03-2022 Hoàn thiện công nghệ sản xuất một số sản phẩm rượu từ gạo nếp cái hoa vàng và gạo nếp than (nếp cẩm) quy mô công nghiệp/ ThS. Phạm Thị Thu, ThS. Hoàng Liên Hương; TS. Đặng Hồng Ánh; KS. Vũ Thanh Huệ; KS. Phạm Văn Lịch; CN. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Trịnh Thị Mai Hương; ThS. Giang Thế Việt; ThS. Nguyễn Thu Vân; KS. Phạm Ngọc Thái - Hưng Yên - Công ty Cổ phần Rượu Bia Nước giải khát Aroma, 2021 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập, tuyển chọn chủng vi sinh vật phù hợp cho sản xuất bánh men rượu và xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất bánh men rượu Gò Đen. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất rượu Gò Đen, rượu Nếp than dạng trong và Nếp than dạng đục có ứng dụng chế phẩm bánh men rượu Gò Đen đảm bảo an toàn thực phẩm. Xây dựng mô hình sản xuất quy mô 500 lít/ngày tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Rượu Đế Gò Đen và triển khai ứng dụng sản xuất 1011 lít rượu chưng cất Gò Đen,

1000 lít rượu Nếp than dạng trong và 1362 lít rượu Nếp than dạng đục.

Số hồ sơ lưu: 19304

29999. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

77150.03-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị sản xuất cơm truyền thống tại làng Cốm Mễ Trì./** TS. Nguyễn Chí Dũng, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Bùi Thị Vàng Anh; KS. Nguyễn Thùy Linh; KS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền; KS. Nguyễn Thu Huyền; KS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Chủ Thị Minh Phương; KS. Mai Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Khắc Hải; KS. Đỗ Thành Nam; CN. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về tình hình sản xuất và tiêu thụ Cốm tại Việt Nam; Hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến sản phẩm cơm truyền thống. Chế tạo thiết bị ngâm, rửa thóc trước khi làm cơm. Chế tạo thiết bị sàng phân loại thóc nếp. Nghiên cứu thiết kế cải tiến thiết bị rang Cốm. Nghiên cứu thiết kế cải tiến thiết bị tách vỏ trấu trong sản xuất Cốm và thiết kế hệ thống thu bụi xử lý môi trường khi tách vỏ cốm. Nghiên cứu chế tạo thiết bị cấp liệu tuần hoàn cho máy tách vỏ cốm. Nghiên cứu hoàn thiện chế tạo thiết bị giã cốm có độ ồn thấp. Nghiên cứu sử dụng phụ gia tự nhiên đảm bảo an toàn trong quá trình tạo màu cho cốm. Nghiên cứu điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm cốm. Hoàn thiện quy trình sản

xuất cốm với quy mô 500kg/mẻ. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở chất lượng sản phẩm cốm. Triển khai thí điểm mô hình sản xuất cốm tại làng nghề theo hệ thống thiết bị đã được cải tiến.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-18 /ĐK-TTTT&TK

3. Khoa học y, dược

80488.03-2022 **Dịch tễ học bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) ở Việt Nam và các biện pháp dự phòng điều trị/** PGS.TS. Đinh Ngọc Sỹ, TS. Nguyễn Việt Nhung; ThS. Đào Bích Vân; ThS. Nguyễn Bình Hòa; PGS.TS. Nguyễn Chi Lăng; TS. Trịnh Minh Hoan; ThS. Chu Mạnh Dũng; Nguyễn Văn Cử; CN. Ngô Minh Độ; Nguyễn Công Trí; Nguyễn Thị Phương Anh; ThS. Nguyễn Hoài Bắc; TS. Tạ Thị Tuyết Bình - Hà Nội - Bệnh viện Phổi Trung ương, 2009 - 09/2006 - 12/2009. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tình hình dịch tễ COPD trong cộng đồng dân cư Việt Nam. Xác định và đánh giá vai trò của các yếu tố nguy cơ và dự báo tình hình COPD ở Việt Nam. Xây dựng và đánh giá mô hình chẩn đoán, điều trị COPD trong bệnh viện và ngoài cộng đồng, có kết hợp các biện pháp phục hồi chức năng. Đề xuất các biện pháp phòng bệnh, quản lý và điều trị COPD ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19038

80559.03-2022 **Nghiên cứu dịch tễ học bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ở một số tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc Việt Nam/** PGS.TS. Ngô Quý Châu, BS. Nguyễn Hải Anh; BS. Lê Văn Anh; ThS. Nguyễn

Quỳnh Loan; ThS. Phan Thu Phương; TS. Trần Hoàng Thành; ThS.; Hoàng Hồng Thái; ThS. Đặng Hùng Minh; BS. Nguyễn Diệu Hồng; BS. Mai Hải Nam; ThS. Nguyễn Thanh Hồi; ThS. Đoàn Phương Lan; TS. Trần Tuấn; ThS. Trần Đức Thạch; Nguyễn Huy Cối; Trương Quang Vinh; Phan Trọng Quyền; Ngô Thị Ngọc; Ông Thế Viên; Thân Trọng Hưng; Trần Thanh Cảnh; Đỗ Thị Vân; Đặng Thị Thanh Hương; Nguyễn Văn Vy; BS. Chu Thị Hạnh - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2006 - 09/2003 - 12/2005. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tần xuất của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (BPTBMT) trong dân cư một số tỉnh thành phố khu vực phía Bắc Việt Nam. Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ của sự xuất hiện và phát triển bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Đánh giá tỷ lệ lưu hành của BPTNMT và các yếu tố nguy cơ, từ đó đưa ra chiến lược dự phòng BPTNMT trên phạm vi cả nước.

Số hồ sơ lưu: 19048

81454.03-2022 **Nghiên cứu bào chế viên nang cứng Danagan từ Chó đẻ răng cưa, Đơn kim và đánh giá tác dụng chống oxy hóa, bảo vệ gan trên thực nghiệm/** TS.DS. Phạm Văn Vượng, - Đà Nẵng - Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng nguồn nguyên liệu cây thuốc Chó đẻ răng cưa, Đơn kim tại khu vực Đà Nẵng. Bào chế thành công dạng viên nang

cứng Danagan, từ dược liệu Chó đẻ răng cưa và Đơn kim, kèm theo tiêu chuẩn cơ sở và độ ổn định của chế phẩm. Đánh giá được tính an toàn, cùng với tác dụng chống oxy hóa và bảo vệ gan của viên nang cứng Danagan trên mô hình thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP12

30101. Giải phẫu học và hình thái học

81751.03-2022 **Hỗ trợ chuyên giao ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo tại tỉnh Quảng Ngãi/** TS, Nguyễn Đình Tuyền, Nguyễn Tấn Hùng; Võ Văn Thịnh; Nguyễn Huy Lễ; Bùi Anh Văn; Bùi Văn Mẫu; Hoàng thị Quỳnh Trang; Lê Văn Phương; Đoàn Thị Xuân Mỹ; Nguyễn Thị Ly Ly; Phạm Đình Hiền - Quảng Ngãi - Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ngãi, 2018 - 06/2017 - 05/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo đã triển khai thành công ở Bệnh viện đa khoa tỉnh để chuyển giao cho một số bệnh viện tuyến huyện nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người dân địa phương, giảm chi phí điều trị và giảm áp lực cho bệnh viện tuyến tỉnh, góp phần thực hiện đề án bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh. Mô tả kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Số hồ sơ lưu: QNI-013-2020

30108. Vi sinh vật học y học

74236.03-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phân lập và xác định tỷ lệ, độ nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn kỵ khí ở một số bệnh viện của Hà Nội/** ThS.BS. Nguyễn Thị Vân, PGSTS Nguyễn Tiến Quyết; PGSTS Nguyễn Thái Sơn; Ths Nguyễn Thị Vân; BSCK1 Trần Hải Yên; KTV Hà Văn Quân; KTV Nguyễn Thành Đô; KTV Ngô Thị Hồng; KTV Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí phù hợp trong điều kiện hiện tại của các bệnh viện Hà Nội. Xác định tỷ lệ vi khuẩn kỵ khí phân lập được trong các mẫu bệnh phẩm mủ, dịch, máu ở một số bệnh viện của Hà Nội. Xác định độ nhạy cảm với kháng sinh của các chủng vi khuẩn kỵ khí phân lập được.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-41/ĐK-TTTT&TK

30109. Bệnh học

72734.03-2022 **Xây dựng mô hình dự báo dịch tả liên quan đến biến đổi khí hậu tại Hà Nội/** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hùng, TS. Lê Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; KS. Dương Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Đăng Tuấn; KS. Lê Thị Thanh Bình; CN. Trần Thị Hằng; TS. Nguyễn Nhật Cảm; ThS. Nguyễn Hoàng Long - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế, 2018 - 04/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả thực trạng dịch tả và biến đổi khí hậu tại Hà Nội giai đoạn 2001 - 2012. Xác định mối liên quan giữa một số yếu tố khí hậu đến dịch tả ở Hà Nội. Xây dựng mô hình dự báo dịch tả liên quan đến biến đổi khí hậu ở Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-11/ĐK-TTTT&TK

72790.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nested multiplex PCR phát hiện một số căn nguyên vi khuẩn và vi nấm gây viêm màng não thường gặp ở khu vực TP. Hà Nội./** PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc, PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; TS. Đỗ Ngọc Ánh; BS. Đặng Tiến Trường; ThS. Nguyễn Thị Vân; PGS.TS. Nguyễn Khắc Lực; ThS. Lê Thị Kim Dung; TS. Trịnh Thế Sơn; TS. Lê Trần Anh; TS. Phạm Văn Minh; TS. Triệu Tiến Sang. - Hà Nội - Học viện Quân y, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nested multiplex PCR phát hiện một số căn nguyên vi khuẩn và vi nấm gây viêm màng não thường gặp ở khu vực TP. Hà Nội. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật PCR khuếch đại gen đích một số vi khuẩn và vi nấm gây viêm màng não thường gặp. Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật trên mẫu bệnh phẩm ở một số bệnh viện của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-25/ĐK-TTTT&TK

73640.03-2022 **Nghiên cứu giá trị NGAL, Cystatin C, IL-18 và mức lọc cầu thận trên xạ hình trong xác định chẩn đoán bệnh**

thận mạn tại Hà Nội/ TS. Huỳnh Quang Thuận, TS. Huỳnh Quang Thuận; TS. Đặng Duy Quý; ThS. Đặng Thái Linh; ThS. Bùi Hồng Loan; ThS. Trương Bích Thủy; ThS. Hoàng Thị Dung; BS. Nguyễn Vũ Thắng; BS. Hoàng Thị Minh; BS. Đàm Thị Phương Lan; BS. Hồ Thị Hằng - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nồng độ NGAL, Cystatin C, IL-18 ở người bình thường và bệnh nhân bệnh thận mạn. Xác định mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA trên máy SPECT ở người bình thường và bệnh nhân bệnh thận mạn. Xác định mối liên quan NGAL, Cystatin C, IL-18 và mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA trong bệnh thận mạn. Đề xuất phương án ứng dụng NGAL, Cystatin C, IL-18, xác định mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA tại các Bệnh viện ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-18/ĐK-TTTT&TK

73802.03-2022 Nghiên cứu tác động của hội chứng tự kỷ ở trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội./ TS. Đậu Tuấn Nam, TS. Đậu Tuấn Nam; TS. Vũ Hải Vân; PGS.TS. Trần Thị Minh Ngọc; TS. Vũ Trường Giang; TS. Trần Xuân Lan; TS. Nguyễn Quỳnh Trâm; ThS. Nguyễn Thị Thêu; ThS. Nguyễn Văn Tạng; ThS. BS. Thành Ngọc Minh; CN. Nguyễn Thị Mai; ThS. Trần Thị Hoa Mai; ThS. Nguyễn Tuyết Hạnh; PGS. TS. Lâm Bá Nam; PGS.TS. Phạm Hương Trà. - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2016 -

04/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng nhận thức và thực hành các phương pháp điều trị, giáo dục và chăm sóc trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đánh giá tác động, ảnh hưởng của hội chứng tự kỷ ở trẻ em đối với gia đình, xã hội và bản thân trẻ tự kỷ. Đề xuất giải pháp nhằm hạn chế tác động của hội chứng tự kỷ ở trẻ em đối với gia đình, xã hội và bản thân trẻ tự kỷ ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-02/ĐK-TTTT&TK

74248.03-2022 Nghiên cứu chế tạo bộ Kit Realtime RT-PCR chuẩn đoán vi rút EV71 Gây bệnh Tay Chân Miệng và xác định tỷ lệ nhiễm trên bệnh nhân ở một số bệnh viện của Hà Nội./ TS. Lê Thị Hội, TS. Lê Thị Hội; PGSTS. Nguyễn Vũ Trung; PGSTS Nguyễn Văn Kính; ThS. Tạ Thị Diệu Ngân; ThS. Nguyễn Thị Kim Thư; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Như Hà ; CN. Trần Mai Hoa; BS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Đồng Văn Quyền. - Hà Nội - Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương, 2017 - 01/2015 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình và chế tạo bộ Kit Realtime RT-PCR chẩn đoán vi rút EV71 gây bệnh Tay chân miệng, có độ nhạy và độ đặc hiệu cao. Xác định tỷ lệ nhiễm vi rút EV71 gây bệnh Tay chân miệng tại một số bệnh viện trực thuộc Hà Nội. Đề xuất các điều kiện ứng dụng bộ Kit trong chẩn đoán bệnh Tay chân

miệng tại các bệnh viện và cơ sở y tế.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-51/ĐK-TTTT&TK

74253.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán xác định chủng nấm *Malassezia* gây bệnh lang ben tại khu vực Hà Nội.**/ PGS.TS. Nguyễn Hữu Sáu, PGS.TS. Nguyễn Hữu Sáu; ThS. Trần Cẩm Vân; PGS.TS. Nguyễn Văn Thường; TS. Phạm Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Tuyền; KTV. Phạm Ngọc Toàn; TS. Lê Văn Hưng; KTV. Trần Anh Tuấn; KS CNSH. Dương Bình Dương; KTV. Nguyễn Thị Thơ; KTV. Nguyễn Thị Hương; KTV. Trần Kim Chi; TS. Lê Văn Duyệt; BS. Nguyễn Quốc Hưng. - Hà Nội - Bệnh viện Da liễu Trung ương, 2018 - 07/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các chủng *Malassezia* spp. gây bệnh lang ben tại một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội. Xây dựng tiêu chuẩn và một số quy trình xét nghiệm soi trực tiếp tìm *Malassezia* spp. trong chẩn đoán bệnh lang ben. Đề xuất áp dụng quy trình và tiêu chuẩn xét nghiệm chẩn đoán nguyên nhân bệnh lang ben cho một số bệnh viện của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-35/ĐK-TTTT&TK

74257.03-2022 **Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh Sởi tại Hà Nội 2006 - 2015 và mức độ tồn lưu kháng thể kháng sởi của người mẹ và con của họ đến 9 tháng tuổi.**/ PGS.TS. Nguyễn Nhật Cẩm, ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; TS.

Nguyễn Thị Kiều Anh; TS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Đặng Thị Kim Hạnh; ThS. Ngô Khánh Hoàng; ThS. Đào Hữu Thân; BS. Nguyễn Mạnh Hùng; BS. Nguyễn Thị Minh Hồng; BS. Vũ Thị Thanh Giang; CN. Nguyễn Thị Phương Thảo; CN. Lê Thị Ngọc; TS. Hoàng Đức Hạnh; PGS.TS. Đào Thị Minh An; TS. Nguyễn Thị Thi Thơ; TS. Đỗ Phương Loan; BS. Đinh Văn Tàn; BS. Nguyễn Quốc Hùng. - Hà Nội - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi và một số yếu tố liên quan tại Hà Nội từ năm 2006 - 2015. Xác định tình trạng tồn lưu kháng thể kháng virus sởi của người mẹ và con của họ đến 9 tháng tuổi tại huyện Ba Vì, Hà Nội năm 2016. Đề xuất một số biện pháp phòng, chống bệnh sởi trên địa bàn Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-38/ĐK-TTTT&TK

30199. Y học cơ sở khác

81312.03-2022 **Nghiên cứu đặc điểm suy tim cấp tại Khoa Nội tim mạch - Lão khoa và Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2018 - 2019.**/ ThS. BS. Đặng Thanh Huyền, BS CKI. Đoàn Xuân Thảo; BS. Nguyễn An Hạ. - Bạc Liêu - Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu., 2019 - 09/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh suy tim cấp tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2018 - 2019. Khảo sát mối liên quan giữa tỷ lệ tử vong với một số đặc điểm lâm sàng (*phân loại suy*

tim cấp, huyết áp tâm thu lúc nhập viện), cận lâm sàng (phân suất tổng máu thất trái, BNP) và điều trị (lợi tiểu, Inotrope, Nitroglycerin) của bệnh nhân suy tim cấp. Dựa trên kết quả dữ liệu từ 99 bệnh nhân thỏa tiêu chuẩn chọn bệnh tại Khoa Nội Tim Mạch – Lão Khoa và Khoa Hồi sức tích cực chống độc, Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu từ tháng 09/2018 đến tháng 10/2019. Các kết quả ghi nhận được gồm: Đặc điểm về giới; Đặc điểm về tuổi; Đặc điểm số ngày nằm viện. Đặc điểm triệu chứng cơ năng; Triệu chứng thực thể; Đặc điểm cận lâm sàng; Các phân loại dựa theo hội chứng lâm sàng lúc nhập viện.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

30202. Sản khoa và phụ khoa

73642.03-2022 Đánh giá thực trạng hoạt động chăm sóc sản khoa tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội./ ThS. Nguyễn Cảnh Chương, ThS. Nguyễn Cảnh Chương; TS. Nguyễn Mạnh Trí; ThS. Đỗ Khắc Huỳnh; ThS. Trần Thị Hải Dung; ThS. Bùi Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; BS. Nguyễn Phạm Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Công Định; ThS. Nguyễn Thị Minh Thanh; CN. Lê Phương Thảo; CN. Trần Hoa Phương. - Hà Nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hoạt động chăm sóc sản khoa tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2015. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sản khoa

tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-13/ĐK-TTTT&TK

73648.03-2022 Đánh giá sự thay đổi dự trữ buồng trứng bằng Anti-mullerian hormone (AMH) sau mổ nội soi bóc nang lạc nội mạc tử cung tại buồng trứng./ TS. Nguyễn Mạnh Trí, TS. Nguyễn Duy Ánh TS. Nguyễn Mạnh Trí; TS. Nguyễn Duy Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Cảnh Chương; BS. Đỗ Khắc Huỳnh; ThS. Nguyễn Biên Thùy; ThS. Lê Thị Anh Đào; ThS. Nguyễn Công Định; ThS. Trần Ngọc Hà; TS. Trần Thế Quang; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Nguyễn Văn An. - Hà Nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá sự thay đổi dự trữ buồng trứng bằng Anti-mullerian hormone (AMH) sau mổ nội soi bóc nang lạc nội mạc tử cung tại buồng trứng 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng. Xác định mối liên quan giữa sự thay đổi AMH sau mổ nội soi bóc nang LNMTTC với một số yếu tố. Đề xuất ứng dụng AMH trong sử lý vô sinh ở những bệnh nhân LNMTTC tại buồng trứng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-12/ĐK-TTTT&TK

30204. Hệ tim mạch

72743.03-2022 Nghiên cứu giá trị chẩn đoán và tiên lượng bệnh động mạch vành của SPECT xạ hình tưới máu cơ tim ở bệnh nhân

có nguy cơ bệnh động mạch vành cao./ TS. Nguyễn Quang Tuấn, Dương Thu Anh GS.TS. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. BS. Dương Thu Anh; PGS.TS. Lê Ngọc Hà; ThS.BS.Trần Thị An; TS.BS. Vũ Quỳnh Nga; ThS.BS.Phạm Thị An; ThS.BS. Nguyễn Thị Việt Nga; ThS.BS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS.BS. Hà Mai Hương; BS. Trần Tiến Mạnh . - Hà Nội - Bệnh viện Tim Hà Nội, 2018 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giá trị chẩn đoán bệnh ĐMV của SPECT MPI. Giá trị tiên lượng của SPECT MPI. Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tổn thương trên xạ hình gated SPECT tưới máu cơ tim. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu. Kết quả chụp động mạch vành. Một số đặc điểm tổn thương trên xạ hình gated SPECT MPI. Giá trị chẩn đoán bệnh động mạch vành của SPECT MPI. Giá trị của SPECT MPI trong chẩn đoán bệnh ĐMV. Giá trị tiên lượng bệnh động mạch vành của SPECT MPI.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-15/ĐK-TTTT&TK

74245.03-2022 Nghiên cứu giá trị của HS-Troponin T trong tiên lượng một số biến chứng ở bệnh nhân phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot/ PGS.TS. Nguyễn Quang Tuấn, ThS Y khoa. Trần Mai Hùng Ths Trần Mai Hùng; GSTS Phạm Quang Tuấn; TS. Phạm Như Hùng; TS. Nguyễn Sinh Hiền; TS. Vũ Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Vương Hoàng Dung; CN. Nguyễn Thị Dung Hạnh; ThS.

Vũ Thị Thục Phương; ThS.Lê Thị Nguyệt Nga. - Hà Nội - Bệnh viện Tim Hà Nội, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả sự thay đổi hs-troponin T và một số thông số lâm sàng, cận lâm sàng trước, trong và sau mổ ở bệnh nhân sửa toàn bộ tứ chứng Fallot tại Hà Nội. Đánh giá giá trị của hs-troponin T trong tiên lượng một số biến chứng tim mạch ở bệnh nhân phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-49/ĐK-TTTT&TK

81201.03-2022 Đánh giá kết quả sớm của phương pháp can thiệp qua da trong điều trị bệnh động mạch chi dưới mạn tính tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam/ TS. Đinh Đạo, Nguyễn Tấn Bá; ThS. Phạm Doãn Kiên; ThS. Phạm Công Nam; Phạm Hoàng Trung; Lương Thanh Trung; Nguyễn Thị Phương - Quảng Nam - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân mắc bệnh động mạch chi dưới mạn tính tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam. Đánh giá kết quả sớm của can thiệp qua da trong điều trị bệnh động mạch chi dưới mạn tính tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-006

30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan

80558.03-2022 **Nghiên cứu dịch tễ học bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ở thành phố Hà Nội/** TS. Ngô Quý Châu, BS. Nguyễn Hải Anh; BS. Lê Văn Anh; ThS. Nguyễn Quỳnh Loan; ThS. Phan Thu Phương; TS. Trần Hoàng Thành; ThS. Hoàng Hồng Thái; ThS.BS. Đặng Hùng Minh; BS. Nguyễn Diệu Hồng; BS. Mai Hải Nam; ThS. Nguyễn Thanh Hồi; ThS. Đoàn Phương Lan; TS. Trần Tuấn; ThS. Trần Đức Thạch; BS. Chu Thị Hạnh - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2005 - 01/2001 - 01/2003. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tần suất của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính trong dân cư nội thành - thành phố Hà Nội. Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ của sự xuất hiện và phát triển bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Từ đó nghiên cứu dịch tễ về độ lưu hành, các yếu tố ảnh hưởng, cũng như các đánh giá lâm sàng để có các thông số dịch tễ lâm sàng đặc thù cho thành phố Hà Nội nói riêng và ở Việt Nam nói chung để từ đó hoạch định chính sách phòng ngừa hiệu quả BPTNMT.

Số hồ sơ lưu: 19047

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

73540.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển điều trị đau sau phẫu thuật lồng ngực và bụng trên tại Hà Nội./** PGS.TS. Nguyễn Trường Giang, PGS.TS. Nguyễn Trường Giang; PGS.TS. Nguyễn Trung Kiên; PGS.TS.

Nguyễn Văn Nam; PGS.TS. Trần Đắc Tiệp; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Trung; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch; TS. Vũ Kiên; TS. Võ Văn Hiên; ThS. Trần Hoài Nam; BS. Ngô Văn Định; BS. Nguyễn Mạnh Cường. - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện các quy trình giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển đường tĩnh mạch, đường ngoài màng cứng ngực, đường cạnh sống sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng. Đánh giá hiệu quả giảm đau và tác dụng không mong muốn của quy trình giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển đường tĩnh mạch, đường ngoài màng cứng ngực, đường cạnh sống sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng. Triển khai áp dụng thí điểm quy trình giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển sau phẫu thuật lồng ngực, ổ bụng

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-23/ĐKK-TTTT&TK

30213. Ghép mô, tạng

72756.03-2022 **Nghiên cứu điều trị vết loét lâu liền bằng huyết tương giàu tiểu cầu phối hợp với ghép tế bào gốc trung mô từ mô mỡ tự thân/** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tuấn, ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Trần Ngọc Diệp; BS. Nguyễn Đức Tiến; ThS. Trương Thu Hiền; TS. Phạm Xuân Thắng - Hà Nội - Viện Bỏng Lê Hữu Trác, 2018 - 06/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm tại chỗ vết loét lâu liền. Xây dựng quy trình sử dụng liệu pháp phối hợp huyết tương

giàu tiểu cầu với ghép tế bào gốc trung mô từ mô mỡ tự thân trong điều trị vết loét lâu liền. Đánh giá tác dụng điều trị vết loét lâu liền bằng huyết tương giàu tiểu cầu phối hợp với ghép tế bào gốc trung mô từ mô mỡ tự thân. Chuyển giao công nghệ, thiết bị chiết xuất huyết tương giàu tiểu cầu, thiết bị lấy tế bào gốc trung mô từ mô mỡ tự thân tại một (01) bệnh viện thuộc Sở Y tế Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-30 /ĐK-TTTT&TK

30215. Da liễu, Hoa liễu

74253.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán xác định chủng nấm *Malassezia* gây bệnh lang ben tại khu vực Hà Nội.** / PGS.TS. Nguyễn Hữu Sáu, PGS.TS. Nguyễn Hữu Sáu; ThS. Trần Cẩm Vân; PGS.TS. Nguyễn Văn Thường; TS. Phạm Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Tuyên; KTV. Phạm Ngọc Toàn; TS. Lê Văn Hưng; KTV. Trần Anh Tuấn; KS CNSH. Dương Bình Dương; KTV. Nguyễn Thị Thọ; KTV. Nguyễn Thị Hương; KTV. Trần Kim Chi; TS. Lê Văn Duyệt; BS. Nguyễn Quốc Hưng. - Hà Nội - Bệnh viện Da liễu Trung ương, 2018 - 07/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các chủng *Malassezia* spp. gây bệnh lang ben tại một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội. Xây dựng tiêu chuẩn và một số quy trình xét nghiệm soi trực tiếp tìm *Malassezia* spp. trong chẩn đoán bệnh lang ben. Đề xuất áp dụng quy trình và tiêu chuẩn xét nghiệm chẩn

đoán nguyên nhân bệnh lang ben cho một số bệnh viện của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-35/ĐK-TTTT&TK

30219. Tiêu hoá và gan mật học

75833.03-2022 **Nghiên cứu tính kháng thuốc, đặc điểm kiểu gen và kiểu hình *cagA*, vac của chủng *Helicobacter Pylori* ở bệnh nhân viêm dạ dày tá tràng tại Hà Nội.** / ThS. Đào Trường Giang, ThS. Đào Trường Giang; PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn; PGS.TS. Nguyễn Quang Duật; ThS. Nguyễn Văn An; BS. Hà Thị Thu Vân; ThS. Trần Hải Yến; BS. Nguyễn Hùng Cường; ThS. Phạm Hồng Khánh; BS. Lê Xuân Thắng. - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2019 - 07/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan các công trình nghiên cứu về vi khuẩn *H.pylori* trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu lựa chọn bệnh nhân, lấy mẫu bệnh phẩm, nội soi dạ dày, xét nghiệm mô bệnh và soi trực tiếp tìm *H.pylori*. Xác định kiểu gen *cagA*, *vacA* của vi khuẩn *H.pylori* bằng kỹ thuật multiplex PCR hoặc phân tích giải trình tự gen. Nuôi cấy, làm kháng sinh đồ với kháng sinh Mtz và Cla. Nuôi gen bằng PCR và giải trình tự gen liên quan kháng thuốc Clarithromycin và Metz của vi khuẩn *H.pylori*. Xét nghiệm huyết thanh tìm kháng thể *H.pylori*, *CagA*, *VacA* lưu hành trong máu. Phân tích và so sánh kết quả nghiên cứu trên các thuật toán thống kê.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-33/ĐK-TTTT&TK

30220. Niệu học và thận học

73640.03-2022 Nghiên cứu giá trị NGAL, Cystatin C, IL-18 và mức lọc cầu thận trên xạ hình trong xác định chẩn đoán bệnh thận mạn tại Hà Nội/ TS. Huỳnh Quang Thuận, TS. Huỳnh Quang Thuận; TS. Đặng Duy Quý; ThS. Đặng Thái Linh; ThS. Bùi Hồng Loan; ThS. Trương Bích Thủy; ThS. Hoàng Thị Dung; BS. Nguyễn Vũ Thắng; BS. Hoàng Thị Minh; BS. Đàm Thị Phương Lan; BS. Hồ Thị Hằng - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nồng độ NGAL, Cystatin C, IL-18 ở người bình thường và bệnh nhân bệnh thận mạn. Xác định mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA trên máy SPECT ở người bình thường và bệnh nhân bệnh thận mạn. Xác định mối liên quan NGAL, Cystatin C, IL-18 và mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA trong bệnh thận mạn. Đề xuất phương án ứng dụng NGAL, Cystatin C, IL-18, xác định mức lọc cầu thận trên xạ hình với ^{99m}Tc -DPTA tại các Bệnh viện ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-18/ĐK-TTTT&TK

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

72742.03-2022 Nghiên cứu vai trò của nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương trong tiên lượng và mức độ trong đáp ứng điều trị bệnh nhân ung thư vòm mũi họng./ TS.BS. Hồ Hữu Thọ, TS.BS. Hồ Hữu Thọ; TS.BS. Hoàng Xuân Sứ; TS.BS. Bùi Tiến Sĩ; TS.BS. Phạm Thế Tài; PGS.TS. Lê Minh Kỳ; TS.BS. Nguyễn Kim Lưu; BS. Dương Thùy Linh; BS. Đỗ Lan Hương; ThS.BS. Hoàng Đạo Chính; TS.BS. Đinh Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàng Xuân Sứ; TS.BS. Bùi Tiến Sĩ; TS.BS. Phạm Thế Tài; PGS.TS. Lê Minh Kỳ; TS.BS. Nguyễn Kim Lưu; BS. Dương Thùy Linh; BS. Đỗ Lan Hương; ThS.BS. Hoàng Đạo Chính; TS.BS. Đinh Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử định lượng nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương ở bệnh nhân ung thư vòm mũi họng trước, trong và sau quá trình điều trị. Đánh giá vai trò của nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương trong tiên lượng và theo dõi đáp ứng điều trị bệnh nhân ung thư vòm mũi họng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-01/ĐK-TTTT&TK

30223. Tai mũi họng

72742.03-2022 Nghiên cứu vai trò của nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương trong tiên lượng và mức độ trong đáp ứng điều trị bệnh nhân ung thư vòm mũi họng./ TS.BS. Hồ Hữu Thọ, TS.BS. Hồ Hữu Thọ; TS.BS. Hoàng Xuân Sứ; TS.BS. Bùi Tiến Sĩ; TS.BS. Phạm Thế Tài; PGS.TS. Lê Minh Kỳ; TS.BS. Nguyễn Kim Lưu; BS. Dương Thùy Linh; BS. Đỗ Lan Hương; ThS.BS. Hoàng Đạo Chính; TS.BS. Đinh Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử định lượng nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương ở bệnh nhân ung thư vòm mũi họng trước, trong và sau quá trình điều trị. Đánh

giá vai trò của nồng độ DNA Virus Epstein Barr huyết tương trong tiên lượng và theo dõi đáp ứng điều trị bệnh nhân ung thư vòm mũi họng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-01/ĐK-TTTT&TK

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

73641.03-2022 **Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả mô hình phòng khám bác sĩ gia đình lồng ghép với trạm y tế phường tại quận Hoàng Mai, Hà Nội năm 2015-2017./** TS. Đỗ Mai Hoa, TS. Đỗ Mai Hoa; ThS. Nguyễn Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Phương Thùy; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhã; ThS. Nguyễn Hải Yến; TS. Nguyễn Thị Minh; BS. Hoàng Thị Quỳnh Thu; BS. Nguyễn Thị Mai Hương - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2017 - 01/2015 - 11/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhu cầu và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe (CSSK) của người dân tại 2 phường quận Hoàng Mai; ii) Năng lực triển khai phòng khám bác sĩ gia đình của Trung tâm y tế và các trạm y tế trên địa bàn quận Hoàng Mai năm 2015. Xây dựng, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động mô hình phòng khám BSGĐ lồng ghép với TYT phường tại quận Hoàng Mai 2015 – 2017. Đề xuất các kiến nghị ứng dụng và nhân rộng mô hình phòng khám BSGĐ lồng ghép với TYT phường tại Thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-19/ĐK-TTTT&TK

80881.03-2022 **Vai trò của công tác xã hội trong bệnh viện hiện nay: nghiên cứu tại Hà Nội/** TS. Đoàn Kim Thắng, TS. Nguyễn Như Trang; PGS.TSKH. Bùi Quang Dũng; TS. Đặng Thị Việt Phương; ThS. Lê Quang Ngọc; ThS. Đoàn Phương Thúy; TS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Đào Khánh Hòa - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác xã hội trong bệnh viện; Phân tích vai trò của công tác xã hội trong các bệnh viện hiện nay (bao gồm: Thực trạng mô hình hoạt động CTXH trong bệnh viện; Vai trò của nhân viên CTXH trong việc hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về CTXH cho người bệnh và người nhà bệnh nhân; Thông tin truyền thông và phổ biến, giáo dục pháp luật; Hỗ trợ nhân viên Y tế; Vận động tiếp nhận tài trợ; Tổ chức các hoạt động từ thiện...). Nhu cầu về công tác xã hội trong bệnh viện và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển CTXH (trong đó có việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên CTXH) trong bệnh viện hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19196

81271.03-2022 **Đề tài: “Nghiên cứu một số giải pháp can thiệp, quản lý người nhiễm vi rút viêm gan B ở lứa tuổi thanh niên tỉnh Bắc Kạn”/** Bác sĩ chuyên khoa II Tạc Văn Nam, Tạc Văn Nam; Nguyễn Thái Hồng; Dương Thị Xoan; Đoàn Mạnh Thịnh; Vi Thị Chuyên; Nguyễn Tiến Tôn; Dương Đức Cường; Liêu Thị Thiết; Hoàng Ngọc Truyền; Nông Thị Tươi - Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn - Sở y tế tỉnh Bắc

Kạn, 2020 - 05/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 89,4% người nhiễm VGB mạn tính đi khám bệnh định kỳ, trong quá trình khám bệnh định kỳ đã phát hiện ra 03 người được chỉ định dùng thuốc kháng vi rút VGB, chiếm 15,7%. Khi triển khai các hoạt động can thiệp, phát hiện thêm được 15 người nhiễm vi rút VGB, trong đó có 8 người là người thân sống trong cùng gia đình người nhiễm vi rút VGB, chiếm tỷ lệ 25%. Tỷ lệ người có kết quả xét nghiệm HBsAg âm tính tự nguyện tiêm vắc xin phòng VGB là 41,9%. Tỷ lệ người không thay đổi AntiHBe (+), nghĩa là trước, sau can thiệp, HQCT là 8,3%. Hiệu quả can thiệp KAP trước, sau can thiệp là 81,4%, trong đó hiệu quả can thiệp kiến thức đạt 92,8%; thái độ đạt 67,6%; thực hành đạt 10,1%. Các kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm sau can thiệp cho thấy: Về quản lý người VGB tại cộng đồng là rất cần thiết và hoàn toàn có khả thi, tiện lợi và có khả năng duy trì thực hiện được. Tuy nhiên cán bộ y tế phải tâm huyết, trách nhiệm thì mô hình này rất sẽ hiệu quả, cần phải tạo thành một công việc thường xuyên của Trạm y tế.

Số hồ sơ lưu: 04/2020 Quyết số 01-STD-QLCNCN

30305. Y tế môi trường và cộng đồng

72734.03-2022 **Xây dựng mô hình dự báo dịch tả liên quan đến biến đổi khí hậu tại Hà Nội/** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hùng, TS. Lê Thị Ngọc Anh ThS. Nguyễn Thị

Lan Hương; KS. Dương Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Đăng Tuấn; KS. Lê Thị Thanh Bình; CN. Trần Thị Hằng; TS. Nguyễn Nhật Cảm; ThS. Nguyễn Hoàng Long - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế, 2018 - 04/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả thực trạng dịch tả và biến đổi khí hậu tại Hà Nội giai đoạn 2001 - 2012. Xác định mối liên quan giữa một số yếu tố khí hậu đến dịch tả ở Hà Nội. Xây dựng mô hình dự báo dịch tả liên quan đến biến đổi khí hậu ở Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-11/ĐK-TTTT&TK

74236.03-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phân lập và xác định tỷ lệ, độ nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn kỵ khí ở một số bệnh viện của Hà Nội/** ThS.BS. Nguyễn Thị Vân, PGS.TS. Nguyễn Tiến Quyết; PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn; ThS. Nguyễn Thị Vân; BS.CK1. Trần Hải Yến; KTV. Hà Văn Quân; KTV. Nguyễn Thành Đô; KTV. Ngô Thị Hồng; KTV. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí phù hợp trong điều kiện hiện tại của các bệnh viện Hà Nội. Xác định tỷ lệ vi khuẩn kỵ khí phân lập được trong các mẫu bệnh phẩm mũi, dịch, máu ở một số bệnh viện của Hà Nội. Xác định độ nhạy cảm với kháng sinh của các chủng vi khuẩn kỵ khí phân lập được.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-41/ĐK-TTTT&TK

30312. Sức khoẻ sinh sản

73642.03-2022 **Đánh giá thực trạng hoạt động chăm sóc sản khoa tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.**/ ThS. Nguyễn Cảnh Chương, ThS. Nguyễn Cảnh Chương; TS. Nguyễn Mạnh Trí; ThS. Đỗ Khắc Huỳnh; ThS. Trần Thị Hải Dung; ThS. Bùi Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; BS. Nguyễn Phạm Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Công Định; ThS. Nguyễn Thị Minh Thanh; CN. Lê Phương Thảo; CN. Trần Hoa Phương. - Hà Nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hoạt động chăm sóc sản khoa tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2015. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sản khoa tại các cơ sở y tế công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-13/ĐK-TTTT&TK

73648.03-2022 **Đánh giá sự thay đổi dự trữ buồng trứng bằng Anti-mullerian hormone (AMH) sau mổ nội soi bóc nang lạc nội mạc tử cung tại buồng trứng.**/ TS. Nguyễn Mạnh Trí, TS. Nguyễn Duy Ánh TS. Nguyễn Mạnh Trí; TS. Nguyễn Duy Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Cảnh Chương; BS. Đỗ Khắc Huỳnh; ThS. Nguyễn Biên Thùy; ThS. Lê Thị Anh Đào; ThS.

Nguyễn Công Định; ThS. Trần Ngọc Hà; TS. Trần Thế Quang; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Nguyễn Văn An. - Hà Nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá sự thay đổi dự trữ buồng trứng bằng Anti-mullerian hormone (AMH) sau mổ nội soi bóc nang lạc nội mạc tử cung tại buồng trứng 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng. Xác định mối liên quan giữa sự thay đổi AMH sau mổ nội soi bóc nang LNMTC với một số yếu tố. Đề xuất ứng dụng AMH trong xử lý vô sinh ở những bệnh nhân LNMTC tại buồng trứng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-12/ĐK-TTTT&TK

30401. Dược lý học

80884.03-2022 **Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học bệnh dại và dịch tễ học phân tử vi rút dại - đề xuất chủng vi rút dại để sản xuất vắc xin/** PGS.TS. Nguyễn Văn Khải, ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; GS.TS. Phạm Văn Thúc; PGS.TS. Nguyễn Văn Ba; PGS.TS. Hồ Anh Sơn; TS. Nguyễn Văn Chuyên; PGS.TS. Phạm Minh Khuê; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Thu; GS.TS. Đặng Đức Anh; ThS. Mạc Văn Trọng; CN. Phạm Hà Thu; TS. Nguyễn Bảo Trân; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; TS. Nguyễn Thị Thu Thảo; ThS. Ngô Quý Lâm; PGS.TS. Vũ Văn Du; BS CKII. Lê Danh Xuân; ThS. Tống Đức Minh; BS. Nguyễn Hoàng Trung - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải

Phòng, 2021 - 06/2019 - 11/2020.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Bệnh Đại là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật thuộc danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, đồng thời thuộc danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người. Bệnh đại gây tử vong cho người, tuy nhiên, có thể kiểm soát và loại trừ được. Theo WHO, OIE, FAO khẳng định bệnh đại là bệnh có thể kiểm soát và ngăn ngừa được bằng cách tiêm phòng vắc-xin. Kể từ khi bệnh đại được phát hiện cho đến nay, vi rút đại ít biến đổi gen; hiện nay đã có vắc-xin phòng bệnh đại trên người và động vật với hiệu lực cao, thời gian miễn dịch dài. Hiện nay, vắc-xin đại chủ yếu là vắc-xin nhập khẩu; tuy nhiên để chủ động nguồn vắc-xin, Việt Nam đang nghiên cứu để tự sản xuất vắc-xin đại tế bào trong nước. Vắc-xin phòng bệnh đại cho người là vắc-xin tế bào nên an toàn và có hiệu lực cao,

Số hồ sơ lưu: 19202

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

75864.03-2022 Nghiên cứu bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang cứng có tác dụng bảo vệ gan từ quả me rừng/ TS. Trần Thanh Hà, TS. Trần Thanh Hà; PGS.TS. Đỗ Thị Hà; ThS. Lê Thị Loan; TS. Lê Thị Kim Vân; PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Phạm Thị Thúy; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; PGS.TS. Phạm Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Duyên; DS. Vũ Thị Diệp; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Phan Văn Trường; PGS.TS. Nguyễn

Minh Khởi; CN. Trần Thu Thủy - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát vùng nguyên liệu quả me rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số vùng lân cận. Xây dựng quy trình chiết cao định chuẩn giàu polyphenol từ quả me rừng quy mô 50kg quả me rừng khô/mẻ. Xây dựng quy trình bào chế viên nang cứng từ cao định chuẩn quả me rừng quy mô 10.000 viên/mẻ. Bào chế 30.000 viên nang chứa me rừng đạt tiêu chuẩn cơ sở. Nghiên cứu tác dụng dược lý của cao định chuẩn. Nghiên cứu độ an toàn của cao định chuẩn. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của cao định chuẩn, viên nang cứng. Đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của viên nang cứng. Đăng ký sản phẩm bảo vệ sức khỏe tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, xây dựng báo cáo tổng kết đề tài.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-54 /ĐK-TTTT&TK

80891.03-2022 Nghiên cứu sản xuất viên nang cứng từ rau sam (*Portulaca oleracea* L.), rau dền gai (*Amaranthus spinosus* L.) và thử nghiệm lâm sàng trên bệnh nhân trĩ/ TS. Nguyễn Thị Ngọc Trâm, TS. Hà Hòai; GS.TS. Nguyễn Minh Đức; PGS.TS. Phạm Thị Vân Anh; PGS.TS. Vũ Thị Ngọc Thanh; PGS.TS. Phạm Đức Huân; PGS.TS. Lê Thành Xuân; ThS. Nguyễn Công Phi; CN. Nguyễn Văn Thiện - Bình Dương - Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược, 2021 - 10/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chiết xuất các phân đoạn flavonoid có hoạt tính sinh học từ cây Rau sam THS (*Portulaca oleracea* L.), Dền gai THS (*Amaranthus spinosus* L.), điều chế hỗn hợp các phân đoạn flavonoid và đánh giá tính an toàn, tác dụng dược lý, định hướng điều trị bệnh trĩ của hỗn hợp này trên mô hình thực nghiệm. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất viên nang cứng từ hỗn hợp các phân đoạn flavonoid được chiết xuất từ cây Rau sam THS (*Portulaca oleracea* L.) và Dền gai THS (*Amaranthus spinosus* L.) có hoạt tính sinh học điều trị bệnh trĩ. Thử nghiệm lâm sàng ba giai đoạn I/II/III viên Trĩ Thiên Dược trên bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu theo Quyết định của Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: 19192

81047.03-2022 **Dự án sản xuất thử nghiệm Viên hoàn nhỏ giọt từ chiết xuất Xuyên tâm liên (*Andrographis paniculata*) và andrographolid/ DS.** Phan Văn Ngọc, Phan Văn Ngọc; Trương Duy Diệu; Nguyễn Thị Mai; Trần Thị Thanh Vân; Dương Đình Đức; Phan Xuân Tuấn; Phan Thị Thúy Lan - Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình - Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình, 2021 - 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) của viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid và viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên. Sản xuất thử nghiệm và đánh giá viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid và viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên

với quy mô 1.000.000 viên/lô. Theo dõi độ ổn định của viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid và viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên. Tập huấn, đào tạo cán bộ vận hành quy trình sản xuất và hệ thống kiểm nghiệm. Nộp hồ sơ đăng ký thuốc viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid ở Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: 09/2021-QLKHCN

81228.03-2022 **Nghiên cứu bào chế và đánh giá tính an toàn, hiệu quả của viên nang mềm sâm Ngọc Linh/ ThS.** Dương Thị Mộng Ngọc, - Quảng Nam - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sâm Sâm, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm và khảo sát chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào gồm củ sâm và lá sâm. Nghiên cứu quy trình chiết xuất cao sâm Ngọc Linh. Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm cao sâm Ngọc Linh cho cao lá sâm và cao củ sâm. Nghiên cứu các công thức bào chế viên nang mềm sâm Ngọc Linh. Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm chất lượng viên nang mềm sâm Ngọc Linh. Nghiên cứu tính an toàn và hiệu quả của cao sâm Ngọc Linh và viên nang mềm sâm Ngọc Linh trên thực nghiệm tiền lâm sàng. Theo dõi và đánh giá độ ổn định chất lượng của viên nang mềm sâm Ngọc Linh. Xây dựng hồ sơ công bố hợp quy của viên nang mềm sâm Ngọc Linh do cơ quan có thẩm quyền cấp và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm viên nang mềm sâm Ngọc Linh tại Cục Sở hữu Trí tuệ.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-010

81341.03-2022 “**Áp dụng khoa học và công nghệ để xây dựng mô hình sản xuất Cà gai leo (*Solanum hainanense* Hance.) theo tiêu chuẩn GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**”/ KS. Đinh Văn Khởi, ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Nguyễn Hữu Thiện; KS. Trần Thị Hải Yến; KS. Nguyễn Thị Phú; ThS. Đinh Thị Thu Trang; ThS. Lê Hùng Tiến; KS. Hoàng Thị Sáu; CN. Nguyễn Thị Hồng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Đông Á, 2019 - 02/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá, xác định vùng, khu vực, đất đai thích hợp cho trồng dược liệu cà gai leo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, cho năng suất và chất lượng cao, ổn định tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp dược. Hoàn thiện quy trình trồng cà gai leo theo tiêu chí GACP phù hợp với điều kiện địa bàn tỉnh và đã xây dựng 04 ha mô hình trồng, thu hái, sơ chế, bảo quản cà gai leo đạt tiêu chuẩn GACP-WHO tại tỉnh. Qua đó, đánh giá kết quả xây dựng mô hình, hội thảo, tham quan mô hình và đề xuất việc ứng dụng nhân rộng, phát triển.

Số hồ sơ lưu: PTO-015-2021

39999. Y học, y tế và dược chưa xếp vào mục nào khác

74256.03-2022 **Nghiên cứu thực trạng tai nạn thương tích cộng đồng thành phố Hà Nội (2013-2015) và hiệu quả giải pháp can thiệp phòng chống tai nạn giao thông, đuối nước tại một số xã (2015-2016)**/ BSKKI. Nguyễn Duy

Thụy, BSKKI Nguyễn Duy Thụy; ThS. Bùi Văn Hào; BS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Bùi Thị Quỳnh Trâm; BS. Đặng Thanh Phong; PGS.TS. Phạm Văn Thao; PGS.TS. Hoàng Hải; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Đỗ Thanh Bình; CN. Hoàng Thị Thùy Linh . - Hà Nội - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 11/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng tai nạn giao thông và đuối nước tại cộng đồng thành phố Hà Nội (2013 - 2015). Xây dựng, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả giải pháp can thiệp phòng chống tai nạn giao thông, đuối nước tại một số xã của Hà Nội (2015 - 2016).

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-37/ĐK-TTTT&TK

4. Khoa học nông nghiệp

40102. Thổ nhưỡng học

81310.03-2022 **Đề tài “Nghiên cứu thử nghiệm một số cây trồng trên đất sau trồng Cam quýt và cải tạo vườn quả kém chất lượng tại xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn**”./ ThS. Đỗ Thị Thử, ThS. Đỗ Xuân Việt; PGS.TS. Đào Thanh Vân; ThS. Đỗ Thị Thử; CN. Đinh Thị Quế; CN. Lâm Ngọc Kiều Oanh; KS. Đặng Thị Huyền; KS. Ngọc Thị Phùng; KS. Phạm Hồng Quyển - Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm tỉnh Bắc Kạn - Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm tỉnh Bắc Kạn., 2016 - 01/2013 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả điều tra 30 hộ về thực trạng đất sau trồng cam quýt có 18 hộ đã

trồng lại quýt nhưng do sinh trưởng kém nên đã phá bỏ trồng cây khác (bưởi, chuối tây, nhãn, hồng không hạt: 12,1 ha, 5 hộ vẫn duy trì nhưng cây phát triển kém (5,5 ha), đất bỏ hoang đất chưa trồng lại là 1,2 ha, 9 ha đang trong tình trạng bị thoái hóa. Kết quả sau 3 năm đã xác định được loại cây trồng thích ứng trên 02 loại đất (đất đồi cao, đất đồi thấp) khác nhau sau trồng cam quýt đó. Thực hiện Nghiên cứu áp dụng thành công một số biện pháp kỹ thuật đối với vườn cải tạo cam quýt.

Số hồ sơ lưu: 02/2019 Quyển số 02-STD-QLCNCN

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

77154.03-2022 Nghiên cứu phục tráng giống khoai sọ trướng (*Colocasia esculenta* var. *antiquorum* (L.) Schott) và Phát triển một số giống khoai môn, sọ (*Colocasia esculenta*) tại Hà Nội/ TS. Đặng Trọng Lương, TS. Đặng Trọng Lương; ThS. Phạm Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị Liễu; KS. Phạm Thị Hồng Vân; KS. Phạm Văn Tuấn; KS. Trịnh Thị Mỹ Hạnh; KS. Nguyễn Thị Thùy Trang; TS. Vũ Văn Định - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2020 - 08/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá tình hình sản xuất khoai môn - sọ ở Hà Nội. Phục tráng giống khoai sọ trướng Hà Nội. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất giống khoai môn Lê Phố, Hawaii. Nghiên cứu quy trình kỹ thuật canh tác giống khoai sọ trướng, khoai môn Hawaii, Lê Phố tại Hà

Nội. Xây dựng vườn nhân giống gốc cho khoai sọ trướng Hà Nội và khoai môn Hawaii, Lê Phố. Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất giống khoai sọ trướng Hà Nội và khoai môn Hawaii, Lê Phố.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-23/ĐK-TTTT&TK

80475.03-2022 Nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương kháng bệnh phấn trắng bằng chỉ thị phân tử (giai đoạn II)/ PGS.TS. Trần Thị Trường, ThS. Trần Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Xuân Thu; TS. Nguyễn Ngọc Quát; ThS. Trần Tuấn Anh TS. Nguyễn Huy Chung; TS. Phạm Thiên Thành; ThS. Lê Thị Thoa; KS. Vũ Kim Dung; KS. Lê Thị Kim Huế - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Công nhận 1-2 giống đậu tương và chọn tạo 1-2 giống đậu tương khảo nghiệm Quốc gia triển vọng kháng bệnh phấn trắng (cấp 1-3), năng suất 2,5 tấn/ha, chất lượng tốt (hạt vàng đẹp). Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cho giống đậu tương mới. Xây dựng 2-3 mô hình trình diễn giống đậu tương kháng bệnh phấn trắng (cấp 2/5), quy mô 3-5 ha /mô hình, năng suất $\geq 2,5$ tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với đại trà.

Số hồ sơ lưu: 19030

80785.03-2022 Sản xuất thử giống lúa ĐTM 14-258 cho vùng Đồng Tháp Mười/ ThS. Hoàng Văn Bằng, ThS. Phạm Văn Sol; ThS. Trần Thị Hồng Thắm; KS. Lý Thị

Thu Hồng; KS. Nguyễn Vũ Linh; CN. Nguyễn Đông Bình; KS. Trần Đình Đăng Khoa; KS. Nguyễn Thị Thảo - Long An - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thử nghiệm mật độ cây và số đợt bón phân hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng. Thử nghiệm liều lượng phân bón đa lượng đạm, lân, kali trên các loại đất trồng lúa điển hình vùng Đồng Tháp Mười, các công thức thử nghiệm được bố trí trên lô rộng, không lặp lại, diện tích công thức 500m vuông. Sản xuất hạt giống các cấp phục vụ nhân nhanh và phát triển giống ĐTM 14-258 vào cơ cấu giống lúa của vùng Đồng Tháp Mười và Đồng bằng Sông Cửu Long. Xây dựng mô hình thâm canh lúa ĐTM 14-258 trên đất xám, đất phèn vùng Đồng Tháp Mười cho hai vụ sản xuất chính Đông Xuân và vụ Hè Thu. Đồng thời tiến hành tập huấn kỹ thuật sản xuất giống ĐTM 14-258 và hội thảo giống lúa.

Số hồ sơ lưu: 19150

80863.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống khoai lang có hàm lượng tinh bột cao cho các tỉnh phía Bắc, giai đoạn 2/** ThS. Nguyễn Thị Thúy Hoài, TS. Ngô Doãn Đảm; TS. Ngô Doãn Đảm; ThS. Nguyễn Đạt Thoại; ThS. Trần Quốc Anh; ThS. Đỗ Thị Hồng Liễu; ThS. Nguyễn Phan Anh; KS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Vũ Thị Duyên; KS. Vũ Thị Chinh; ThS. Nguyễn Đạt Thoại; ThS. Trần Quốc Anh; ThS. Đỗ Thị Hồng Liễu; ThS. Nguyễn Phan Anh; KS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Vũ Thị Duyên;

KS. Vũ Thị Chinh - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn lọc và phát triển sản xuất một số giống khoai lang mới đạt năng suất củ cao ≥ 25 tấn/ha và hàm lượng tinh bột cao $\geq 22\%$, chất lượng ăn nếm ngon, thích hợp điều kiện sản xuất vụ Đông và vụ Xuân tại các tỉnh phía Bắc. Chọn tạo 02 giống khoai lang mới (kế thừa sản phẩm của giai đoạn 1 được công nhận) có hàm 3 lượng tinh bột củ cao, năng suất củ ≥ 25 tấn/ha, hàm lượng tinh bột $\geq 22\%$; chất lượng ăn nếm ngon (điểm 1-3), thích hợp với điều kiện sản xuất ở vụ Đông và vụ Xuân tại các tỉnh phía Bắc. Chọn tạo 02 - 03 giống khoai lang mới (kế thừa sản phẩm của giai đoạn 1), qua khảo nghiệm có triển vọng, TGST vụ đông từ 110 – 115 ngày, vụ xuân 130 – 140 ngày, năng suất củ ≥ 25 tấn/ha, hàm lượng tinh bột củ $\geq 22\%$; chất lượng ăn nếm ngon (điểm 1-3), thích hợp với điều kiện sản xuất ở vụ Đông và vụ Xuân tại các tỉnh phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 19184

81242.03-2022 **Dự án sản xuất thử nghiệm phát triển mô hình trồng tỏi tập trung tại thị xã Ba Đồn và chuỗi cung ứng giá trị/** ThS. Đinh Thiệu Sơn, Đinh Thiệu Sơn; Trần Ngọc Hương; Hoàng Thị Hương Giang; Hoàng Đăng Trục; Nguyễn Anh Như; Nguyễn Phú Tâm - Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng 2-9 - Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng 2.9, 2021 - 09/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ứng dụng hướng Vietgap trong triển khai trồng tỏi tập trung trên địa bàn xã Quảng Minh thuộc thị xã Ba Đồn làm nguồn nguyên liệu - Sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao từ tỏi Ba Đồn như: Tỏi sạch, rượu tỏi đen, tỏi đen với chất lượng đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và có thể bán trên thị trường, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của người dân địa phương; Triển khai trồng tỏi theo hướng VietGap trên diện tích 2,8ha tại thôn 4 Cồn Nâm, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Sản lượng thu được gồm: + Tỏi to: 2.412 kg + Tỏi to vừa: 1.324 kg + Tỏi vừa: 805 kg + Tỏi nhỏ: 400 kg - Ứng dụng công nghệ để chế biến các sản phẩm từ tỏi gồm: + Tỏi khô: 780kg + Tỏi đen: 150kg + Rượu tỏi đen: 525 lít 4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu: là tỏi có nguồn gốc từ Quảng Minh; trồng và chế biến tỏi tại địa bàn xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 10/2021-QLKHCN

81758.03-2022 **Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi/ Võ Quang, Trần Dương - Quảng Ngãi - UBND Tỉnh Quảng Ngãi, 2017 - 11/2014 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn khép kín (sản xuất - thu hoạch - sơ chế - bao gói - tiêu thụ sản phẩm) đạt tiêu chuẩn VietGAP, quy mô 10,22 ha. Đào tạo, tập huấn cho 100 nông dân thực hiện thành thạo về quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Xây

dựng thương hiệu rau an toàn Sông Trà, phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cũng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh và dịch vụ RAT Sông Trà (quy trình khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP).

Số hồ sơ lưu: QNI-017-2020

81770.03-2022 **Nghiên cứu quy trình nhân giống, sản xuất và sơ chế Nghệ vàng (Curcuma longa L.) theo hướng GACP tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Hòa Bình/ TS. Hồ Tuyên, CN. Đỗ Thị Tuyết; TS. Nguyễn Phương Huệ; CN. Phùng Thu Hà; TS. Hoa Thị Minh Tú; CN. Vũ Thị Thu Phương; KTV. Nguyễn Thị Mai Sơn - Hòa Bình - Công ty Cổ phần dạy nghề 1 nhánh Thịnh minh tại Hòa Bình, 2020 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát chọn địa điểm, loại đất để triển khai các mô hình nhân giống và sản xuất nghệ vàng tại huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Xây dựng mô hình nhân giống và sản xuất nghệ vàng theo hướng dẫn GACP. Hoàn thiện quy trình sơ chế nghệ vàng thành dạng bột và dạng nghệ thái lát làm nguyên liệu cho dược phẩm và thực phẩm chức năng. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật nhân giống và sản xuất nghệ vàng thương phẩm theo GACP cho cán bộ kỹ thuật và nông dân. Đánh giá hiệu quả kinh tế, đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình phát triển cây nghệ vàng và các sản phẩm từ nghệ tại tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-007-2021

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

73575.03-2022 **Nghiên cứu tuyển chọn cây đầu dòng và một số biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chất lượng cây vú sữa tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang/** TS. Nguyễn Văn Dũng, - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2018 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc phát triển cây vú sữa tại huyện Tân Yên còn gặp phải những khó khăn như: Chưa có quy trình nhân nhanh giống cây vú sữa phục vụ phát triển mở rộng diện tích; Các đối tượng sâu bệnh gây hại trên cây vú sữa nhiều; Kỹ thuật sản xuất thấp, do chưa có quy trình cụ thể cho cây vú sữa, việc tập huấn kỹ thuật về cây vú sữa chưa nhiều. Một số hộ chưa áp dụng khi đã được tập huấn. Nghiên cứu và đưa ra một số biện pháp kỹ thuật để thâm canh có hiệu quả cây vú sữa. Đồng thời xây dựng thành công mô hình thâm canh 5,0ha áp dụng các kỹ thuật thâm canh, cây sinh trưởng phát triển tốt, sâu bệnh được kiểm soát tăng suất cao hơn so với đại trà từ 17,6 – 27,0%. tổng sản lượng thu được là 79,47 tấn quả. Lãi thuần thu được trung bình đạt 311.990.000 đồng/ha. Trồng mới được 2,0ha vú sữa được nhân từ cây đầu dòng tuyển chọn tại Tân Yên.

Số hồ sơ lưu: BGG-12-2018

74032.03-2022 **Dự án "Phát triển một số loài lan bản địa có giá trị cao tại Sóc Sơn - Hà Nội"/** KS. Nguyễn Thị Thu Hằng, TS Đặng Văn Đông; TS Bùi Văn Thắng - Hà

Nội - Ban quản lý Rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội, 2017 - 01/2014 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nhân giống bằng gieo hạt cho lan Kiều tím, Quế lan hương, quy trình tách chồi cho lan Kiều tím, cây giống khỏe mạnh. Hoàn thiện Quy trình sản xuất thương phẩm cho loài lan Kiều tím, Quế lan hương và Đại châu, cây sinh trưởng phát triển tốt. Xây dựng được hai mô hình sản xuất: Mô hình nhân giống: số lượng 50.000 cây (Tương đương 500m²) ở giai đoạn vườn ươm, cây giống khỏe mạnh, sinh trưởng phát triển tốt; Mô hình sản xuất thương phẩm: số lượng 50.000 cây (tương đương diện tích 0,5 ha), cây sinh trưởng phát triển tốt, ra đồng đều.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-15/ĐK-TTTT&TK

74035.03-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và khai thác nguồn gen bưởi bốn mùa (Citrus grandis L.) tại lưu vực sông Đáy, Hà Nội./** ThS. Nguyễn Thị Xuyên, ThS. Nguyễn Thị Xuyên; KS. Trần Văn Luyện; TS. Nguyễn Thị Tuyết; TS. Nguyễn Thị Lan Hoa; ThS. Vũ Văn Tùng; PGS.TS. Lê Khả Tường; ThS. Lê Tuấn Phong; KS. Nguyễn Thị Minh Lý - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2017 - 01/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bảo tồn và khai thác nguồn gen bưởi bốn mùa (Citrus grandis L.) tại lưu vực sông Đáy, Hà Nội. Xây dựng được bộ dữ liệu các đặc tính nông sinh học cho nguồn gen bưởi Bốn mùa. Xây dựng được

vườn giống gốc (15 - 20 cây) để lưu giữ, phục vụ mục tiêu nghiên cứu và sản xuất lâu dài. Nghiên cứu xây dựng được quy trình nhân giống bưởi Bốn mùa. Trồng mới được 500 cây có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt trong các hộ dân ở huyện Chương Mỹ.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-14/ĐK-TTTT&TK

74251.03-2022 **Nghiên cứu phát triển một số giống dâu nhập nội trên địa bàn thành phố Hà Nội.**/ TS. Nguyễn Trí Ngọc, TS. Nguyễn Trí Ngọc; KS. Hoàng Văn Phúc; TS. Vũ Văn Định; ThS. Trần Tuấn Linh; ThS. Nguyễn Thị Min; TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Vũ Thị Thu Hương; KS. Trần Văn Toàn; Nguyễn Văn Tiến. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xác định 02 giống dâu phù hợp cho Hà Nội. Nghiên cứu kỹ thuật nhân nhanh giống dâu. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng quả dâu. Nghiên cứu kỹ thuật sơ chế, bảo quản quả dâu tươi. Xây dựng và đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của các mô hình trồng thâm canh 02 giống dâu được thực hiện trên 3 địa điểm: đồng bằng (xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức); đất bãi ven sông (phường Tứ Liên, quận Tây Hồ), đất đồi (xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn). Mỗi địa điểm trồng 3 giống (2 giống nhập nội, 1 giống địa phương), mỗi giống một công thức. Mỗi công thức 10 cây, nhắc lại 3 lần, 90 cây/địa điểm (diện tích

600m²/địa điểm). Tổng số 270 cây (tổng diện tích 1200m²).

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-33/QĐ-TTTT&TK

75866.03-2022 **Hoàn thiện quy trình thâm canh giống táo T05 theo hướng dẫn VietGAP tại Hà Nội.** TS. Ngô Hồng Bình, TS. Ngô Hồng Bình; TS. Tô Thị Thu Hà; TS. Trần Khắc Thi; KS. Phan Thị Thu; KS. Ngô Hồng Quang; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2019 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện quy trình giống táo T05. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống. Hoàn thiện quy trình canh tác giống táo T05. Hoàn thiện quy trình ghép cải tạo giống táo T05. Sản xuất thử nghiệm: Mô hình nhân giống táo T05; Mô hình trồng mới giống táo T05 bằng giàn theo hướng VietGap. Xây dựng mô hình ghép cải tạo giống táo chất lượng thấp bằng giống táo T05 có chất lượng cao. Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và ghép cải tạo giống táo T05.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-59 ĐK-TTTT&TK

77151.03-2022 **Phát triển sản xuất hàng hóa một số loại rau bản địa đặc sản vùng núi Ba Vì - Hà Nội.** ThS. Nguyễn Thị An, ThS. Nguyễn Thị An; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Trần Khắc Thi; CN. Nguyễn Nam Phương; ThS. Hoàng Minh Châu; KS. Nghiêm Hoàng Anh; ThS. Đặng Thu Hòa; ThS. Vũ

Thị Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Cao nguyên, 2020 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống một số loài rau bản địa đặc sản Ba Vì (cải mán, téng tên, rau chuôi). Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất rau thương phẩm theo hướng VietGap cho một số loài rau bản địa đặc sản BA Vì (cải mán, téng tên, rau chuôi). Tập huấn kỹ thuật sản xuất hạt giống và kỹ thuật sản xuất rau thương phẩm (cải mán, téng tên, rau chuôi) theo hướng VietGap. Sản xuất hạt giống 3 loại rau bản địa Ba Vì (cải mán, téng tên, rau chuôi); Sản xuất 3 loại rau bản địa BA vì (cải mán, téng tên, rau chuôi) thương phẩm theo hướng VietGap. Phân tích đánh giá chất lượng và mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm của sản phẩm rau được sản xuất theo quy trình dự án hoàn thiện. Xây dựng thị trường tiêu thụ rau bản địa Ba Vì trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-20/ĐK-TTTT&TK

80814.03-2022 **Hoàn thiện và ứng dụng quy trình sản xuất giống, thâm canh bơ, bưởi, cam, hoa lan Hồ Điệp và liên kết tiêu thụ sản phẩm quy mô hàng hóa ở một số tỉnh phía Bắc./** PGS.TS. Lê Tất Khương, ThS. Phạm Văn Quân; KS. Phạm Văn Ngân; ThS. Tạ Phương Thúy; ThS. Nguyễn Văn Lam; KS. Nguyễn Tiến Duy; ThS. Nguyễn Phương Tùng; ThS. Đặng Ngọc Vượng; ThS. Bùi Hữu Chung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát

triển vùng, 2020 - 09/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống, quy trình sản xuất thâm canh của một số giống bưởi, bơ và cây lan Hồ Điệp ở một số tỉnh phía Bắc ở nước ta. Qua đó, xây dựng mô hình sản xuất một số sản phẩm cây ăn quả và hoa cao cấp. Đồng thời cũng tiến hành liên kết kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm hoa, quả chất lượng cao tiến tới hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19152

81038.03-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trồng, thâm canh và chưng cất tinh dầu Húng quế (*Ocimum basilicum* L.) tại tỉnh Phú Thọ./** ThS. Vũ Thị Hải Yến, Hà Thị Kim Chung; Hoàng Thị Loan; Lê Ngọc Chung; Nguyễn Thị Hồng Nga; Ngô Thị Tấn; Nguyễn Văn Tiến; Hoàng Thúy Nga; Vương Quốc Khánh; Trần Thị Lan - Phú Thọ - Trung tâm ứng dụng và thông tin khoa học công nghệ, 2018 - 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập cơ sở dữ liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng triển khai dự án: Khí hậu (nhiệt độ, ánh sáng, lượng mưa, số giờ nắng...); đất đai (địa hình, thành phần cơ giới đất, độ pH của đất...); điều kiện kinh tế xã hội (giao thông, thủy lợi, tập quán canh tác...). Nghiên cứu, khảo sát thực trạng trồng cây húng quế trên địa bàn huyện Thanh Ba. Tiến hành xây dựng 3 mô hình: Mô hình sản xuất cây giống, mô hình trồng thương phẩm và mô hình chưng cất tinh dầu

húng quế, tiến tới hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật trồng, thâm canh và chung cất tinh dầu húng quế phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh. Đồng thời, tiến hành đào tạo và chuyển giao quy trình kỹ thuật cho kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn kỹ thuật cho các hộ nông dân.

Số hồ sơ lưu: PTO-013-2021

81039.03-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng đồng bộ vật liệu Polyme giữ ẩm và phân NPK nhả chậm trong canh tác chè trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.**/ ThS. Nguyễn Quang Huy, ThS. Nguyễn Văn Huân; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Ninh Khắc Bấy; CN. Nguyễn Hồng Ngọc; CN. Mai Thị Như Trang; KS. Phan Thị Lan Anh; KS. Phạm Thị Hương Liên; CN. Kiều Thị Thu Lan; KS. Trần Thị Thơm - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2019 - 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá về thực trạng sử dụng phân bón và tưới nước cho cây chè tại tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu, hướng dẫn kỹ thuật và sử dụng đồng bộ vật liệu Polyme giữ ẩm và phân NPK nhả chậm sử dụng đồng bộ cho cây chè tại tỉnh. Tiến hành xây dựng 01 ha mô hình sử dụng đồng bộ vật liệu Polyme giữ ẩm và phân NPK nhả chậm trong canh tác chè trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Số hồ sơ lưu: PTO-016-2021

81049.03-2022 **Điều tra tình hình phân bố, chọn lọc và bảo tồn giống tiêu Tiên Phước, bưởi Trụ lông Đại Bình - Nông Sơn, Quảng Nam.**/ ThS. Phan Hùng Vĩnh, - Quảng Nam - Trung tâm Khuyến

nông Quảng Nam, 2020 - 08/2014 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, xác định đặc điểm nông sinh học, điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng và lập bản đồ phân bố giống tiêu Tiên Phước, bưởi Trụ lông Đại Bình-Nông Sơn. Tuyển chọn cây đầu dòng và xây dựng vườn nhân giống cho cây tiêu Tiên Phước và cây bưởi Trụ lông Đại Bình-Nông Sơn. Tư liệu hóa nguồn gen các giống tiêu Tiên Phước, bưởi Trụ lông Đại Bình-Nông Sơn, Quảng Nam. Bảo tồn và phát triển nguồn gen cho tiêu Tiên Phước, bưởi Trụ lông Đại Bình-Nông Sơn.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-001

81167.03-2022 **Xây dựng và triển khai mô hình trồng rau an toàn bằng công nghệ thủy canh trong nhà màng quy mô lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Ninh Thuận.**/ KS. Huỳnh Văn Hiếu, ThS. Quảng Đức Thạch; KS. Trần Lập Kim; KS. Hàng Duy Khải; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; KS. Nguyễn Thị Ngân; CN. Tô Công Trục; PGS.TS. Nguyễn Quang Thạch; TS. Phạm Hữu Như; PGS.TS. Bạch Long Giang; ThS. Trần Văn Khang; ThS. Nguyễn Đức Thắng; CN. Nguyễn Thị Hồng Hoàng; CN. Từ Đăng Khoa - Ninh Thuận - Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Thuận, 2021 - 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, lựa chọn địa điểm lắp đặt nhà màng canh tác thủy canh. Chọn điểm và thiết kế lắp đặt hệ

thông nhà màng và hệ thống thủy canh hồi lưu tại vùng triển khai dự án. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ trồng rau thủy canh hồi lưu. Xây dựng mô hình ứng dụng trồng rau an toàn bằng công nghệ thủy canh trong nhà màng. Xây dựng chuỗi cửa hàng rau an toàn tại Ninh Thuận bằng công nghệ thủy canh; quảng bá, đăng ký chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19303

81196.03-2022 **Nghiên cứu phân lập một số giống nấm ăn và nấm dược liệu tại tỉnh Quảng Nam/** ThS. Nguyễn Văn Thương, - Quảng Nam - Trung tâm Khoa học và Công nghệ, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tiếp nhận công nghệ phân lập giống nấm cho 4 loại nấm, gồm nấm Rơm, nấm Sò, nấm Mộc nhĩ và nấm Linh chi phù hợp với điều kiện tại Quảng Nam. Điều tra tuyển chọn nguồn giống và tiến hành phân lập nguồn giống nấm Rơm, nấm Sò, nấm Mộc nhĩ, nấm Linh chi được nuôi trồng và nguồn giống nấm Rơm, nấm Mộc nhĩ ngoài tự nhiên tại Quảng Nam. Khảo nghiệm so sánh về khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng sản phẩm nấm được nuôi trồng từ nguồn giống phân lập tại Quảng Nam và nguồn giống nấm mua từ các tỉnh khác.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-004

81499.03-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất rau ăn lá, rau ăn quả đạt chứng nhận VietGAP tại xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu/** ThS.

Phạm Thị Mười, ThS. Phạm Thị Mười; TS. Mai Văn Trí; KS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Phạm Việt Hải; KS. Lê Quốc Trọng; KS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Dương Thị Ngọc Hân; KS. Chu Thị An; KS. Võ Thành Sâm - Bà Rịa - Vũng Tàu - Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Miền Đông Nam bộ, 2021 - 06/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát đánh giá hiện trạng sản xuất rau đối chiếu với tiêu chuẩn VietGAP tại xã Châu Pha. Qua phân tích, đánh giá vùng sản xuất rau về đất trồng và nước tưới tại xã Châu Pha cho thấy có thể sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP. Tổ chức tham quan học tập về mô hình sản xuất rau an toàn đạt chứng nhận VietGAP cho 20 nhà vườn và 05 cán bộ địa phương. Xây dựng mô hình sản xuất rau ăn lá, quả đạt chứng nhận VietGAP quy mô 5 ha với 20 hộ tham gia tại xã Châu Pha. Đã tiến hành đánh giá và cấp giấy chứng nhận VietGAP cho 20 hộ thực hiện mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn với quy mô 5,0 ha. Thiết kế logo, lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa rau Châu Pha và đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận theo Quyết định số 103472/QĐ - SHTT ngày 7/12/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn hợp lệ). Xây dựng sổ tay “Hướng dẫn sản xuất rau ăn lá, rau ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP ở xã Châu Pha”.

Số hồ sơ lưu: BTU-2021-002

81775.03-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Cam Mừng Động” và “Bưởi Mừng Động” cho sản phẩm cam, bưởi của huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa**

Bình/ ThS. Vũ Hữu Cường, KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS. Phạm Ngọc Sang; KS. Dư Văn Châu - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2020 - 11/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ điều kiện (cơ sở khoa học và thực tiễn) đăng ký nhãn hiệu tập thể “Cam Mường Động” và “Bưởi Mường Động” được cơ quan có thẩm quyền (Cục sở hữu trí tuệ) cấp giấy đăng ký. Xây dựng, vận hành thí điểm hệ thống Quản lý NHTT “Cam Mường Động” và “Bưởi Mường Động”. Xây dựng hệ thống quảng bá và phát triển thị trường bưởi của huyện Kim Bôi mang NHTT “Cam Mường Động” và “Bưởi Mường Động”. Nâng cao nhận thức cho người hưởng lợi về Sở hữu trí tuệ, quản lý chất lượng, chuỗi giá trị... Góp phần duy trì và nâng cao danh tiếng sản phẩm, cải thiện thu nhập của người trồng, hộ kinh doanh cam, bưởi Mường Động. Góp phần thực hiện mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại huyện Kim Bôi.

Số hồ sơ lưu: HBH-012-2021

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

72709.03-2022 **Phát triển mô hình trồng thâm canh cây sa nhân tím (Amomum longiligulare T.L.Wu) cho năng suất cao tại Ba Vì - Hà Nội/** ThS. Bùi Kiều Hưng, ThS. Lê Văn Quang; ThS. Trần Đức Mạnh; ThS. Phan Thị Luyên; CN. Đỗ Văn Thọ; ThS. Lương Thị Cẩm

Chi; ThS. Phạm Đôn; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Lại Thanh Hải; ThS. Nguyễn Hoàng Tiệp. - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật lâm sinh, 2018 - 01/2015 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống vô tính và hữu tính, hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây sa nhân tím. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thu hái chế biến và bảo quản quả sa nhân tím sau thu hoạch. Kết quả của dự án sẽ được đơn vị chủ trì chuyển giao cho Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, hợp tác xã nông nghiệp các xã, các doanh nghiệp và cá nhân ứng dụng công nghệ của dự án vào thực tiễn để nhân rộng mô hình trồng sa nhân tím theo hướng hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn Hà Nội theo hình thức liên kết đầu tư, dự án khuyến nông, khuyến lâm, với quy mô dự kiến lên đến 30 ha mô hình trồng sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-04/ĐK-TTTT&TK

80993.03-2022 **Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp cây hồ tiêu tại huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương/** ThS. Nguyễn Văn An, ThS, Nguyễn Văn Mạnh; KS. Trần Kim Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Đoàn Thị Hồng Cam; ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Lê Văn Gia Nhỏ; KS. Hoàng Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Tiến Hải; KS. Nguyễn Văn Phúc - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tình hình sản xuất hồ tiêu ở quy mô nông hộ tại Phú Giáo và các giải pháp đề xuất về sản xuất hồ tiêu bền vững. Tuyển chọn 1-2 giống hồ tiêu sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất cao, phù hợp với điều kiện canh tác huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp trên cây hồ tiêu ở giai đoạn kiến thiết cơ bản và kinh doanh. Xây dựng 02 mô hình quản lý tổng hợp sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn GAP nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất hồ tiêu 10 – 15% so với sản xuất đại trà thông qua giảm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất trên 02 loại vườn tiêu giai đoạn kinh doanh và giai đoạn kiến thiết cơ bản. Xây dựng nhãn hiệu tập thể hồ tiêu Phú Giáo, Bình Dương. Đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trồng hồ tiêu tại huyện Phú Giáo.

Số hồ sơ lưu: HCM-002-2021

81050.03-2022 **Nghiên cứu biện pháp canh tác và quản lý dịch hại hợp lý nhằm phát triển cây sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.) tại Quảng Nam/** Trần Út, Trần Ngọc Bằng; Cao Anh Tuấn; Nguyễn Tấn Dũng; Trần Đăng Tiến; Trịnh Văn Niên - Quảng Nam - Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát kinh nghiệm sản xuất cây sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.) và các cây sâm khác có họ hàng gần với sâm Ngọc Linh tại một số địa phương. Xác định giải pháp kỹ thuật canh tác hợp lý cây sâm Ngọc Linh tại Quảng Nam. Xác định thành

phần, đặc điểm và biện pháp phòng trừ dịch hại trên cây sâm Ngọc Linh. Xây dựng tài liệu kỹ thuật trồng và chăm sóc sâm Ngọc Linh làm công cụ hỗ trợ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất. Chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các địa phương và nhân dân trong vùng quy hoạch bảo tồn và phát triển cây sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-002

81224.03-2022 **Xây dựng mô hình nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo (*Cordyceps militaris*) tại tỉnh Phú Thọ/** TS. Nguyễn Việt Phương, ThS. Nguyễn Việt Tấn; ThS. Hoàng Nữ Lệ Quyên; ThS. Nguyễn Thị Hà Trang; ThS. Trần Thị Minh Thọ; KS. Lê Thị Lan; KS. Dương Tuyết Thanh; ThS. Trần Ngọc Oanh; TS. Bùi Văn Thắng; TS. Vũ Kim Dung; TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Phú Thọ, 2019 - 05/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất phòng nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo. Tiếp nhận, chuyển giao và tổ chức đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ. Tiến hành xây dựng mô hình và tổ chức sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo quy mô công nghiệp, phân tích và đánh giá chất lượng sản phẩm của mô hình và hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật nhân giống và nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo thương phẩm phù hợp điều kiện tỉnh Phú Thọ. Đồng thời tuyên truyền, hội thảo đánh giá kết quả xây dựng mô hình và đề xuất

biện pháp ứng dụng nhân rộng kết quả dự án Đông trùng hạ thảo.

Số hồ sơ lưu: PTO-006-2021

81272.03-2022 Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về nhân giống hữu tính nhằm nâng cao tỷ lệ và chất lượng cây giống sâm Ngọc Linh tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam/ PGS.TS. Trương Thị Hồng Hải, KS. Trịnh Minh Quý; ThS. Hồ Thị Huyền Trân; ThS. Trần Việt Thắng; ThS. Nguyễn Đức Phước; KS. Nguyễn Mạnh Tuấn; TS. Hoàng Kim Toàn; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Liên - Nam Trà My - Trung tâm Sâm Ngọc Linh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn nhóm cá thể sâm Ngọc Linh chất lượng cao để xây dựng vườn cây giống cung cấp hạt sâm giống chất lượng cao. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nảy mầm của hạt giống nhằm nâng cao tỷ lệ nảy mầm của hạt giống. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ sống, khả năng sinh trưởng phát triển của cây giống giai đoạn vườn ươm. Xây dựng mô hình nhà ươm chủ động một số điều kiện nuôi dưỡng cho cây con. Chuyển giao kết quả nghiên cứu cho Trung tâm sâm Ngọc Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-017

81408.03-2022 Nghiên cứu, đánh giá loài sâm bổ béo bốn nhị tại huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình/ ThS. Đinh Gia Tuyết, Đinh Gia tuyết; Cao Tiến Chinh; Đinh Xuân Nguyên; Trần Thế Hùng; Hoàng Anh Vũ; Lý Thị Thu Hoài -

UBND Huyện Minh Hóa - UBND huyện Minh Hóa, 2021 - 01/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra chọn mẫu, xác định tên khoa học. Nghiên cứu thành phần hóa học loài Bổ béo bốn nhị; Phân tích sàng lọc hóa học, xác định hàm lượng các hoạt chất chính (protein, acid amin, saponin tổng số, polysaccharidee tan trong nước). Chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc hóa học 2-3 chất chính. Phát triển phương pháp định lượng 1 chất chính bằng phương pháp HPLC và áp dụng để phân tích chất lượng. Nghiên cứu hoạt tính sinh học của loài Bổ béo bốn nhị. Tác dụng hỗ trợ và điều trị ung thư. Tác dụng kháng khuẩn, kháng nấm, chống oxy hóa và hạ huyết áp; Nghiên cứu thành phần hóa học, hoạt tính sinh học của loài Sâm Bổ béo bốn nhị

Số hồ sơ lưu: 12/2021-QLKGCN

81422.03-2022 Ứng dụng Khoa học & Công nghệ xây dựng mô hình trồng đỉnh lăng lá nhỏ (*Polyscias fruticosa* (L.) Harms) và sản xuất một số sản phẩm từ đỉnh lăng tại Bắc Giang/ ThS. Khổng Thị Thanh, ThS. Dương Quốc Hùng; TS. Nguyễn Văn Lục; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyên; ThS. Đào Thị Vân Anh; TS. Nguyễn Văn Hoàn; TS. Cán Văn Toàn; Nguyễn Văn Tường; Ngô Văn Văn - Bắc Giang - Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, 2021 - 02/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, điều tra được điều kiện đất đai thổ nhưỡng của vùng trồng đỉnh lăng tại xã Tụ Lạn, xã Thượng

Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang phù hợp để trồng cây dược liệu Đinh lăng lá nhỏ. Xây dựng được 02 ha mô hình trồng cây đinh lăng lá nhỏ (*Polysias fruticosa* (L.) Harms) tại Xã Thượng Lan và xã Tự Lạn của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 02 hecta, cây sinh trưởng, phát triển tốt. Nghiên cứu được quy trình tách chiết một số hợp chất từ đinh lăng. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất rượu đinh lăng, các thông số kỹ thuật được hoàn thiện là: tỉ lệ dịch chiết đinh lăng bổ sung vào rượu nền là 15%; thời điểm bổ sung dịch chiết không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; thời gian tàng trữ rượu sau khi bổ sung dịch chiết là 6 tháng. Tập huấn quy trình kỹ thuật về trồng, chăm sóc, thu hái cho các hộ nông dân.

Số hồ sơ lưu: DACT 25/2021

81727.03-2022 **Xây dựng mô hình trồng chà là trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình/** ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương, Nguyễn Thị Quỳnh Phương; Trần Thế Hùng; Phan Thị Mỹ Lệ; Lê Thị Hương Giang; Bùi Thị Thục Anh; Cao Tiến Lợi - Trường Đại học Quảng Bình - Hợp tác xã nông nghiệp xanh Quảng Bình, 2021 - 08/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng xây chà là trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình; Theo dõi tốc độ sinh trưởng, phát triển nhằm đánh giá khả năng thích nghi của cây chà là; Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng chà là tại vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình

Số hồ sơ lưu: 01/2021/KHCN-CS

81777.03-2022 **Nghiên cứu khả năng thích ứng của một số giống thuốc lá tại tỉnh Bắc Kạn./** TS. Vũ Thị Bản, TS. Vũ Thị Bản; KS. Nguyễn Trọng Khải; KS. Nông Văn Kiềm; CN. Nguyễn Trọng Hiếu; cán bộ kỹ thuật Lê Đăng Thao. - Công ty cổ phần Hoàng Liên Sơn. - Công ty cổ phần Hoàng Liên Sơn., 2017 - 01/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Sau hai năm (2014, 2015) trồng 7 giống thuốc lá C176, C7-1, C9-1, GL2, HLS, K326 và GL7 tại 3 huyện đã chọn ra hai giống GL7, C9-1 là những giống thích ứng với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của 3 huyện Chợ Mới, Na Ri, Ngân Sơn của tỉnh Bắc Kạn. Hai giống thuốc lá GL7, C9-1 có những đặc tính về nông sinh học. Xây dựng mùa vụ trên cơ sở để đưa cây thuốc lá bắt đầu ra ruộng trồng trước lập xuân khoảng 15 ngày đến khi kết thúc trồng là sau lập Xuân khoảng 10 ngày. Thời gieo hạt: Từ 15/11 đến 30/11; Thời gian trồng: Từ 15 tháng 01 đến hết ngày 15/02; Thời gian thu hoạch: Từ 20/03 đến hết tháng 6. Đối với giống GL7 không nên trồng tại những chận ruộng thấp, hay bị đọng nước. Với vụ Thu Đông trồng giống GL7 sẽ cho năng suất cao hơn C9-1 khoảng 15%.

Số hồ sơ lưu: 03/2019 Quyền số 01-STD-QLCNCN

81780.03-2022 **Xây dựng mô hình trồng thuốc lá vụ Thu Đông trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn/** KS. Nguyễn Trọng Khải, KS. Nguyễn Trọng Khải; CN. Lê

Hoàng Hiệp, KS. Lâm Thị Thu Hằng, KS. Nông Văn Kiểm, Chuyên viên kỹ thuật Lê Đăng Thảo. - Công ty cổ phần Hoàng Liên Sơn. - Công ty cổ phần Hoàng Liên Sơn., 2017 - 08/2015 - 03/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Qua 2 vụ triển khai Dự án Mô hình trồng thuốc lá vụ Thu Đông trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, Cây thuốc luôn cho năng suất ổn định từ 1,9 đến 2,2 tấn/ha, Cho thu nhập bình quân từ 85 đến 90 triệu đồng/ha. Đưa ra được kỹ thuật sản xuất cây giống thuốc lá đảm bảo cung cấp cây giống khỏe, ít sâu bệnh cho nhu cầu của người dân. Xây dựng được Lịch mùa vụ trồng thuốc lá vụ Thu Đông, luân canh với cây lúa nước đảm bảo 1 năm sản xuất được 2 vụ Lúa và 1 vụ thuốc lá, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích 1ha cho thu nhập từ 120 đến 130 triệu đồng/ha.

Số hồ sơ lưu: 05/2019 Quyết số 01-STD-QLCNCN

40106. Bảo vệ thực vật

81502.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng một số chế phẩm chứa nano bạc phòng trừ bệnh hại và làm tăng năng suất trên một số loại rau tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu/ ThS.** Chu Trung Kiên, ThS. Chu Trung Kiên; ThS. Nguyễn Hiếu Hạnh ; ThS. Lê Thị Thanh ; KS. Trần Anh Tuấn ; KS. Hồ Thị Thanh Huyền ; KS. Huỳnh Hữu Tín ; KS. Trần Thị Thiên Hương ; KS. Lê Minh Tâm - Bà Rịa - Vũng Tàu - Viện Khoa học Kỹ Thuật miền Nam, 2020 - 12/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bệnh héo xanh do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* và bệnh thán thư do nấm *Colletotrichum capsici* được nông hộ xác định là những bệnh hại chính trên cây ớt cay. Bệnh giả sương mai do nấm *Pseudoperonospora cubensis* và bệnh phấn trắng do nấm *Erysiphe cichoracearum* được nông hộ xác định là những bệnh hại chính trên cây bí đao chanh và cây dưa leo. Ngoài ra, bệnh chảy nhựa đen thân do nấm *Phoma cucurbitacearum* cũng được xác định là bệnh hại quan trọng trên cây bí đao chanh. Mức giảm thất thoát năng suất thương phẩm do bệnh cao hơn so với sử dụng hóa chất trừ nấm bệnh, lãi ròng cao hơn hoặc tương đương với phun hóa chất, và không để lại dư lượng kim loại Ag trong quả. Áp dụng quy trình sử dụng Mifum 0.6SL phòng trừ bệnh hại trên cây dưa leo, cây ớt cay, và cây bí đao chanh có khả năng quản lý hiệu quả các bệnh hại chính trên cây trong suốt vụ. Năng suất thương phẩm cao hơn trên 7%, lãi ròng cao hơn trên 9 triệu đồng/ha so với sử dụng hóa chất trừ nấm bệnh theo kinh nghiệm của nông hộ và không để lại dư lượng kim loại Ag trong quả.

Số hồ sơ lưu: BTU-2021-003

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

73931.03-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất tỏi đen trên địa bàn Thành phố Hà Nội/ PGS.TS. Phạm Gia Điền, PGS. TS. Phạm Gia Điền; DS. Nguyễn Quốc**

Dũng; DS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Ngô Thị Vân; ThS. Trần Thị Lan; DS. Hoàng Bích Đào; ThS. Ngô Quốc Luật - Hà Nội - Công ty TNHH dược phẩm Mê Linh, 2017 - 01/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất tòi đen (đã được TT TNHH Công nghệ Hóa dược và Hóa sinh hữu cơ nghiên cứu thành công theo công nghệ Nhật Bản) từ tòi tươi nguyên liệu được trồng theo quy trình trồng tòi có năng suất chất lượng cao trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Hoàn thiện quy trình trồng tòi thương phẩm, công nghệ lên men loại tòi trắng thành tòi đen đạt chất lượng, hiệu suất cao, chế tạo thiết bị lên men tòi trắng thành tòi đen với công suất 100 kg tòi đen/mẻ. Sản xuất được tòi đen chất lượng cao phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-16/ĐK-TTTT&TK

74039.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật tiên tiến kéo dài thời gian bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi ở điều kiện nhiệt độ thường, đảm bảo an toàn thực phẩm/** ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh, ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; ThS. Lại Mạnh Toàn; TS. Trần Thị Mai Phương; PGS.TS Phan Thanh Tâm; ThS. Hoàng Thị Hạnh; KS. Nguyễn Văn Tân; KS. Trần Quốc Khánh; ThS. Trịnh Duy Linh; ThS. Nguyễn Thị Tam; KS. Nguyễn Xuân Dương - Viện Chăn nuôi, 2017 - 01/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được quy trình bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi ở điều kiện nhiệt độ thường, nhằm kéo dài thời gian bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi được 10- 12 h sau giết mổ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng quy trình tại một số hộ giết mổ và kinh doanh thịt gà, thịt lợn thuộc Huyện Đông Anh.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-04/ĐK-TTTT&TK

74221.03-2022 **Hoàn thiện quy trình bảo quản trứng gia cầm tươi thương phẩm bằng phương pháp phun sương dầu paraffin./** ThS. Bùi Thị Kim Oanh, ThS. Bùi Thị Kim Oanh; TS. Trần Thị Phương; TS. Vũ Ngọc Sơn; KS. Nguyễn Ngọc Tuyền; KS. Bé Đình Thị Hiếu; KS. Đào Thị Kim Oanh; ThS. Hoàng Thị Hạnh; Nguyễn Thị Lan Hương. - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ, 2017 - 01/2015 - 03/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ bảo quản trứng gà và trứng vịt tươi tại các mùa trong năm bằng phương pháp phun dầu paraffin tạo lớp màng bảo vệ. Xây dựng được 4 mô hình bảo quản trứng gà tươi bằng phương pháp phun sương dầu paraffin tại 3 cơ sở chăn nuôi gà, quy mô nuôi 2000 gà để trứng thương phẩm. Sản xuất và tiêu thụ được 1.760.000 trứng, đảm bảo trứng bảo quản được 5 tuần ở nhiệt độ thường, có chỉ số HU đạt 50.81 - 53.52, đường kính buồng khí đạt 18 - 20mm; chiều cao buồng khí đạt 3.14 - 3.82mm. Xây dựng được 1 mô hình bảo quản trứng vịt tươi tại 1 cơ sở chăn nuôi vịt bằng phương pháp phun sương dầu

paraffin, quy mô nuôi 1500 vệt để trứng thương phẩm. Sản xuất và tiêu thụ được 300.000 trứng, đảm bảo trứng bảo quản được 5 tuần ở nhiệt độ thường, có chỉ số HU đạt 50.81 – 53.52, đường kính buồng khí đạt 18 - 20 mm; chiều cao buồng khí đạt 3.14 - 3.82mm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-25/ĐK-TTTT&TK

74237.03-2022 **Hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của Hà Nội/** ThS. Nguyễn Thị Liên Phương, ThS. Nguyễn Thị Liên Phương; GS.TS. Nguyễn Văn Khôi; TS. Trần Vũ Thắng; TS. Hoàng Tuấn Hưng; KS. Lê Văn Đức; KS. Lưu Thị Xuyên; KS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Hoàng Thị Phương; ThS. Nguyễn Văn Mạnh - Hà Nội - Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Thương mại Lạc Trung, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen. Ổn định sản xuất, thương mại hóa sản phẩm màng phủ có khả năng tự hủy từ nhựa phế thải polyetylen. Có được quy trình công nghệ và thiết bị hoàn chỉnh để sản xuất màng phủ có khả năng tự hủy trên cơ sở nhựa polyetylen phế thải quy mô 150 tấn/năm. Chế tạo đủ 20 tấn sản phẩm màng phủ phục vụ cho thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm và lưu mẫu. Có được 4 mô hình ứng dụng nhà kính cho 4 loại cây; bí đao, đậu cove, cà chua, dưa chuột với quy mô

1ha/mô hình, cho năng suất cao hơn đối chứng 18 – 20%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-44/ĐK-TTTT&TK

74252.03-2022 **Nghiên cứu nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản nhãn, ổi bằng chế phẩm Nano bạc tại Hà Nội./** ThS. Nguyễn Kim Nga, ThS. Nguyễn Kim Nga; ThS. Nguyễn Thị Hỷ; ThS. Hoàng Thị Hòa; ThS. Nguyễn Quý Quyết; KS. Nguyễn Thị Phương; KS. Vũ Thu Hằng; ThS. Bùi Kim Thúy; KS. Vũ Thị Nhị; KS. Lã Mạnh Tuấn. - Hà Nội - Trung tâm Phát triển cây trồng Hà Nội, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng chế phẩm Nano bạc trong sản xuất, bảo quản nhãn, ổi nhằm giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm bệnh hại, giảm tỷ lệ rụng quả do nấm bệnh, tăng năng suất; Kéo dài thời gian bảo quản 1,5 lần so với không xử lý, giảm tỷ lệ thối hỏng <10%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-34/ĐK-TTTT&TK

75863.03-2022 **Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm nguyên liệu giàu protein từ bột sắn, bã sắn, bằng công nghệ lên men vi sinh để làm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt tại vùng chăn nuôi trọng điểm của Hà Nội/** ThS. Bùi Đại Phong, ThS. Bùi Đại Phong; KS. Nguyễn Ngọc Kiên; BSTY. Vũ Việt Tiến; ThS. Nguyễn Thị Thúy; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê; TS. Lê Việt Phương; TS. Nguyễn Thị Huyền;

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Dương Thu Hương - Hà Nội - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, 2019 - 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất bột sắn, bã sắn bằng công nghệ lên men vi sinh ở quy mô khác nhau; Sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho 2 nhóm đối tượng: bò thịt F1, bò thịt vỗ béo và bò sữa sử dụng bột sắn và bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh. Xây dựng mô hình nuôi bò thịt, bò sữa bằng khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) sử dụng bột sắn, bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh. Tập huấn kỹ thuật, trình diễn mô hình nuôi bò thịt, bò sữa. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) của bột sắn, bã sắn được làm giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh và TCCS của thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR). Xây dựng phương án marketing sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-53 /ĐK-TTTT&TK

81262.03-2022 **Nghiên cứu, phát triển và chế biến sản phẩm chè dây (Ra Zéh) trên địa bàn xã Tư, huyện Đông Giang/ TS.** Nguyễn Hồ Lam, ThS. Phan Thị Bé; ThS. Nguyễn Quốc Sinh; TS. Lã Thị Thu Hằng; ThS. Lê Khắc Phúc; TS. Nguyễn Văn Thiệp; ThS. Hồ Sỹ Vương; ThS. Trần Phương Đông; KS. Hoàng Trọng Kháng - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học Nông Lâm, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng trồng trọt, thu hoạch, sơ chế cây chè dây (ra

zéh) tại xã Tư, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Nghiên cứu về yêu cầu sinh thái và thành phần hóa sinh chè dây (ra zéh). Kỹ thuật nhân giống cây chè dây (ra zéh) bằng hạt, giâm hom và nuôi cấy mô. Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản cây chè dây (ra zéh). Xây dựng các mô hình, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ, viết bài báo khoa học.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-013

81748.03-2022 **Sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn/ Phạm Văn Công, - Quảng Ngãi - Công ty cổ phần DORI, 2018 - 10/2016 - 08/2018.** (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình, công nghệ sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn, công suất 250kg/m² trong thời gian 18 tháng, từ tháng 3/2017 đến hết tháng 9/2018. Thực hiện việc sản xuất thử nghiệm tỏi đen từ tỏi Lý Sơn, quy mô 2.625 kg (hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm kg). Đào tạo 02 kỹ thuật viên sản xuất tỏi đen làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất tỏi đen. Nghiên cứu 02 chuyên đề khoa học và hoàn thiện 02 báo cáo chuyên đề.

Số hồ sơ lưu: QNI-010-2020

81764.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình bảo quản cam Cao Phong tại tỉnh Hòa Bình bằng màng phủ sinh học (saponin kết hợp với chitosan và axit axetic)/ PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi, ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Vũ Kiều Sâm; PGS.TS. Đặng Ngọc Quang; PGS.TS. Nguyễn Quang Tùng; ThS. Nguyễn Minh Thắng; ThS. Hoàng Văn Tuấn; PGS.TS.**

Nguyễn Thị Minh Tú; PGS.TS. Đỗ Văn Chương; TS. Bùi Xuân Đông - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020 - 04/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thời điểm thu hoạch quả cam Cao phong thích hợp cho quá trình bảo quản. Kéo dài thời gian bảo quản từ 60-65 ngày và giữ được các đặc tính đặc trưng của quả cam Cao Phong (giống V2, CS1) tại tỉnh Hòa Bình. Nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ được độ tươi và giá trị dinh dưỡng, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm đối với quả cam Cao Phong tại tỉnh Hòa Bình. Xây dựng mô hình bảo quản quả cam Cao Phong (V2) với quy mô 0,5 tấn cam/mẻ bảo quản và quả cam Cao Phong (CS1) với quy mô 0,5 tấn cam/mẻ bảo quản.

Số hồ sơ lưu: HBH-005-2021

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

72709.03-2022 **Phát triển mô hình trồng thâm canh cây sa nhân tím (Amomum longiligulare T.L.Wu) cho năng suất cao tại Ba Vì - Hà Nội/** ThS. Bùi Kiều Hưng, ThS. Lê Văn Quang; ThS. Trần Đức Mạnh; ThS. Phan Thị Luyến; CN. Đỗ Văn Thọ; ThS. Lương Thị Cẩm Chi; ThS. Phạm Đôn; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Lại Thanh Hải; ThS. Nguyễn Hoàng Tiệp. - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật lâm sinh, 2018 - 01/2015 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống vô tính và hữu tính, hoàn

thiện quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây sa nhân tím. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thu hái chế biến và bảo quản quả sa nhân tím sau thu hoạch. Kết quả của dự án sẽ được đơn vị chủ trì chuyển giao cho Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, hợp tác xã nông nghiệp các xã, các doanh nghiệp và cá nhân ứng dụng công nghệ của dự án vào thực tiễn để nhân rộng mô hình trồng sa nhân tím theo hướng hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn Hà Nội theo hình thức liên kết đầu tư, dự án khuyến nông, khuyến lâm, với quy mô dự kiến lên đến 30 ha mô hình trồng sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-04/ĐK-TTTT&TK

73542.03-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm cây bương mọc lấy măng ở huyện Sóc Sơn - Hà Nội./** TS. Lê Văn Thành, TS. Đỗ Văn Bản; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Hà Văn Năm; ThS. Phạm Quang Tuyến; CN. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Nguyễn Trần Khánh; ThS. Phạm Văn Viện; KS. Vũ Văn Thanh; KS. Nguyễn Văn Đông. - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2018 - 01/2015 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và phát triển mô hình sản xuất thử nghiệm cây bương mọc lấy măng bằng biện pháp thâm canh tăng năng suất, hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật thâm canh khai thác, sơ chế bảo quản măng bương mọc ở huyện Sóc Sơn - Hà Nội góp phần tạo thu nhập cho người dân địa phương.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-22/ĐK-TTTT&TK

74251.03-2022 Nghiên cứu phát triển một số giống dâu nhập nội trên địa bàn thành phố Hà Nội./ TS. Nguyễn Trí Ngọc, TS. Nguyễn Trí Ngọc; KS. Hoàng Văn Phúc; TS. Vũ Văn Định; ThS. Trần Tuấn Linh; ThS. Nguyễn Thị Min; TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Vũ Thị Thu Hương; KS. Trần Văn Toàn; Nguyễn Văn Tiến. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định 02 giống dâu phù hợp cho Hà Nội. Nghiên cứu kỹ thuật nhân nhanh giống dâu. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng quả dâu. Nghiên cứu kỹ thuật sơ chế, bảo quản quả dâu tươi. Xây dựng và đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của các mô hình trồng thâm canh 02 giống dâu được thực hiện trên 3 địa điểm: đồng bằng (xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức); đất bãi ven sông (phường Tứ Liên, quận Tây Hồ), đất đồi (xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn).

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-33/QĐ-TTTT&TK

75851.03-2022 Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, tạo thương hiệu sản phẩm chè xanh tại Chi nhánh HADICO - Xí nghiệp Nông Lâm Nghiệp Sông Đà/ ThS. Đỗ Thị Phương Lan, ThS. Đỗ Thị Phương Lan; KS. Chu Thị Hồng Thảo; KS. Nguyễn Tuấn Anh;

ThS. Nguyễn Tiến Hưng; Phạm Ngọc Long; Nguyễn Thị Vượng; Nguyễn Minh Hào; Hoàng Văn Xuyên; Nguyễn Xuân Vượng; TS. Đặng Văn Thư; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Hữu Phong; Nguyễn Xuân Cường; Lê Thiết Hải - Hà Nội - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội, 2019 - 01/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn địa điểm triển khai dự án, lựa chọn hộ dân tham gia mô hình. Hoàn thiện các quy trình công nghệ. Xây dựng mô hình trồng thay thế giống chè mới trên nương chè năng suất thấp. Xây dựng mô hình thâm canh (có tưới) theo tiêu chuẩn VietGap. Xây dựng mô hình chế biến chè xanh chất lượng cao. Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè xanh chất lượng cao HADICO.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-44/ĐK-TTTT&TK

81756.03-2022 Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở huyện đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi (canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát)/ TS. Hồ Huy Cường, - Quảng Ngãi - Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2017 - 06/2015 - 09/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Canh tác tỏi Lý Sơn không cần bổ sung đất bazan và không thay cát san hô mà vẫn giữ được năng suất và chất lượng thì cần thiết, nghiên cứu thực nghiệm các nội dung sau đây: Thực nghiệm giải pháp làm đất và che phủ luống; Thực nghiệm sử dụng phân hữu cơ từ thân xác thực vật; Thực nghiệm sử dụng phân hữu

cơ vi sinh, phân bón lá, bón bổ sung lưu huỳnh và can xi; Nghiên cứu xác định cơ cấu cây trồng thích hợp sau vụ tỏi; Nghiên cứu xác định nguyên tố dinh dưỡng thiếu hụt N, P và K.

Số hồ sơ lưu: QNI-016-2020

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

73805.03-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi dê lai hướng sữa (Saanen) và dê lai hướng thịt (Boer) tại một số vùng ngoại thành Hà Nội./ TS.Nguyễn Kim Lin, TS. Nguyễn Kim Lin; ThS. Nguyễn Tiến Hưng; ThS. Đỗ Thị Phương Lan; ThS. Nguyễn Duy Khánh; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Đỗ Ngọc Lan; BSTY. Đinh Hồng Quang; KS. Nguyễn Kim Lược; BSTY. Hoàng Thị Khánh. - Hà Nội - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề ra mục tiêu nâng cao chất lượng và số lượng đàn dê hướng sữa, hướng thịt cao sản tại Hà Nội lên 2000 con, thực hiện các mô hình canh tác nông nghiệp lồng ghép, kết hợp nông lâm, khai thác tốt tiềm lực sẵn có tại các vùng nông thôn, để sản xuất ra sữa, thịt dê hàng hóa cung cấp cho Thành phố Hà Nội. Chuyển giao các giống dê sữa, thịt năng suất cao ra sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-19/ĐK-TTTT&TK

81231.03-2022 Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật để phát triển đàn trâu ở Quảng Nam/ Nguyễn Thị

Bích Liên, - Quảng Nam - Trung tâm Khuyến nông Quảng Nam, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng chăn nuôi trâu và tuyển chọn trâu cái nội tham gia công tác phối giống. Đánh giá hiệu quả công tác phối giống cho trâu cái nội bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh trâu Murrah và tinh trâu nội. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi trâu thâm canh tại Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-012

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

74235.03-2022 Nghiên cứu hoàn thiện qui trình sản xuất chế phẩm sinh học chứa đa enzyme và probiotic để ứng dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi từ bã thải chế biến tinh bột./ TS.Vũ Văn Hạnh, TS. Vũ Văn Hạnh; TS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai; ThS. Phương Thị Hương; ThS. Phạm Thị Nhi; CN. Nguyễn Danh Hưng; CN. Ngô Thị Huyền Trang; PGSTS. Phạm Kim Đăng; ThS. Dương Thu Hương; TS. Hà Tiến Nghi - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2017 - 01/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất và ứng dụng có hiệu quả chế phẩm sinh học chứa đa enzyme và nấm men, probiotic để xử lý bã thải làng nghề chế biến tinh bột làm thức ăn chăn nuôi giàu dinh dưỡng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-10/ĐK-TTTT&TK

74242.03-2022 Nghiên cứu khẩu phần ăn phù hợp với các giai

đoạn tuổi của bò lai hướng thịt F1 (BBB x Lai Sind) nuôi tại ngoại thành Hà Nội./ KS. Nguyễn Ngọc Kiên, KS. Nguyễn Ngọc Kiên; ThS. Nguyễn Ngọc Giang; ThS. Nguyễn Thị Thúy; BSTY. Vũ Việt Tiến; BSTY. Nguyễn Thị Mai; PGSTS. Bùi Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt; TS. Lê Việt Phương; TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê; ThS. Dương Thu Hương - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu khâu phân ăn phù hợp với các giai đoạn tuổi của bò lai hướng thịt F1 (BBB x Lai Sind) nuôi tại ngoại thành Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-47/ĐK-TTTT&TK

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

81126.03-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ chăn nuôi thỏ New Zealand theo hướng hàng hóa/** KS. Nguyễn Trọng Tề, KS. Nguyễn Văn Nhất; KS. Bùi Thị Tiên; CN. Kiều Thị Ánh Hồng; CN. Phạm Thị Mai Hương; KS. Đoàn Văn Hiệu; KS. Đào Quang Nhật; KS. Nguyễn Bá Vinh; KS. Đỗ Chiến Thắng; CN. Đỗ Thị Mơ - Phú Thọ - Công ty cổ phần tư vấn và phát triển nông lâm nghiệp Phú Hộ, 2021 - 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát bổ sung, lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình vệ tinh cho dự án. Chuyên giao và tiếp nhận công nghệ với Trung tâm nghiên cứu dê và thỏ Sơn Tây. Xây dựng chuồng nuôi thỏ và các công trình phụ trợ. Xây dựng mô hình trồng

thức ăn xanh cho thỏ. Xây dựng mô hình nuôi thỏ New Zealand. Nghiệm thu mô hình trồng thức ăn xanh và mô hình nuôi thỏ New Zealand.

Số hồ sơ lưu: 19317

40205. Bảo vệ động vật nuôi

81268.03-2022 **Nghiên cứu và đề xuất giải pháp cứu hộ chim yến đảo tại cù lao Chàm, tỉnh Quảng Nam/** Huỳnh Ty, - Hội An - Ban Quản lý và Khai thác yến cù lao Chàm Hội An, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan, thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá hiện trạng đàn chim yến đảo cù lao Chàm. Nghiên cứu các tập tính ấp trứng và chăm sóc chim non của chim yến bố mẹ tại tổ. Xác định thành phần thức ăn và sự thay đổi thành phần thức ăn của chim yến non. Nguyên nhân làm rơi trứng, tổ và chim yến non trong mùa sinh sản. Đề xuất các giải pháp hạn chế rơi trứng, tổ và chim non. Xây dựng quy trình cứu hộ chim yến non bị rơi tổ tại Cù lao Chàm.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-016

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

74243.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm PMSG, hCG và công nghệ thụ tinh nhân tạo để nâng cao hiệu quả chăn nuôi thỏ sinh sản trên địa bàn Hà Nội./** BS. Phan Ngọc Minh, TS. Bùi Xuân Nguyên; TS. Dương Đình Long; PGSTS. Nguyễn Khắc Tích; TS. Nguyễn Thị Ước; ThS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Nguyễn Việt Linh; ThS. Tạ Văn Tường; Nguyễn Thị Thúy - Trung

tâm Công nghệ sinh học Đông Nam Á, 2018 - 07/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được liều lượng và cách sử dụng kích dục tố PMSG (Pregnant Mare's Serum Gonadotropin) và HCG (Human Chorionic Gonadotropin) để gây động dục đồng loạt và thụ tinh nhân tạo có hiệu quả cho thỏ. Xây dựng được quy trình thụ tinh nhân tạo cho thỏ sinh sản nhằm nâng cao khả năng sinh sản và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi thỏ ở ngoại thành Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-48/ĐK-TTTT&TK

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

72731.03-2022 **Nghiên cứu thiết kế tích hợp hệ thống giám sát, điều khiển và hỗ trợ điều hành tác nghiệp ứng dụng cho trang trại chăn nuôi lợn/** TS. Đỗ Xuân Thiệu, TS. Đỗ Xuân Thiệu; TS. Phạm Thanh Hà; TS. Hoàng Kim Giao; ThS. Quách Tố Nga; ThS. Ngô Thanh Bình; ThS. Nguyễn Kim Sao; KS. Nguyễn Thành Ý; KS. Bùi Đức Ngọc; KS. Nguyễn Huy Hoàng. - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2017 - 01/2013 - 12/2014. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng một hệ thống thông tin phục vụ điều hành chăn nuôi trang trại quy mô công nghiệp với đối tượng sử dụng là nhân viên điều hành và nhà quản lý trang trại. Tích hợp các công nghệ, thuật toán tiên tiến đảm bảo điều khiển có hiệu quả cho trang trại chăn nuôi lợn.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-13/ĐK-TTTT&TK

74039.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật tiên tiến kéo dài thời gian bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi ở điều kiện nhiệt độ thường, đảm bảo an toàn thực phẩm/** ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh, ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; ThS. Lại Mạnh Toàn; TS. Trần Thị Mai Phương; PGS.TS Phan Thanh Tâm; ThS. Hoàng Thị Hạnh; KS. Nguyễn Văn Tấn; KS. Trần Quốc Khánh; ThS. Trịnh Duy Linh; ThS. Nguyễn Thị Tam; KS. Nguyễn Xuân Dương - Viện Chăn nuôi, 2017 - 01/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được quy trình bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi ở điều kiện nhiệt độ thường, nhằm kéo dài thời gian bảo quản thịt gà và thịt lợn tươi được 10- 12 h sau giết mổ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng quy trình tại một số hộ giết mổ và kinh doanh thịt gà, thịt lợn thuộc Huyện Đông Anh.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-04/ĐK-TTTT&TK

74221.03-2022 **Hoàn thiện quy trình bảo quản trứng gia cầm tươi thương phẩm bằng phương pháp phun sương dầu paraffin./** ThS. Bùi Thị Kim Oanh, ThS. Bùi Thị Kim Oanh; TS. Trần Thị Phương; TS. Vũ Ngọc Sơn; KS. Nguyễn Ngọc Tuyền; KS. Bé Đình Thị Hiếu; KS. Đào Thị Kim Oanh; ThS. Hoàng Thị Hạnh; Nguyễn Thị Lan Hương. - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ, 2017 - 01/2015 - 03/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ bảo quản trứng gà và trứng vịt tươi tại các mùa trong năm bằng phương pháp phun dầu paraffin tạo lớp màng bảo vệ. Xây dựng được 4 mô hình bảo quản trứng gà tươi bằng phương pháp phun sương dầu paraffin tại 3 cơ sở chăn nuôi gà, quy mô nuôi 2000 gà đẻ trứng thương phẩm. Xây dựng được 1 mô hình bảo quản trứng vịt tươi tại 1 cơ sở chăn nuôi vịt bằng phương pháp phun sương dầu paraffin, quy mô nuôi 1500 vịt đẻ trứng thương phẩm. Sản xuất và tiêu thụ được 300.000 trứng, đảm bảo trứng bảo quản được 5 tuần ở nhiệt độ thường, có chỉ số HU đạt 50.81 – 53.52, đường kính buồng khí đạt 18 - 20 mm; chiều cao buồng khí đạt 3.14 - 3.82mm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-25/ĐK-TTTT&TK

77149.03-2022 Nghiên cứu xây dựng chuỗi sản xuất tiêu thụ thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội/ ThS. Đỗ Quốc Phấn, ThS. Đỗ Quốc Phấn; KS. Nguyễn Thị Thuần; CN. Quách Gia Quỳnh; KS. Trần Văn Thịnh; KS. Chu Đức Chí; CN. Phạm Thanh Hà; KS. Đỗ Thị Thương Chi; KS. Bùi Thị Hòa; ThS. Nguyễn Ngọc Linh Nga; KS. Nguyễn Thu Phương; KS. Nguyễn Văn Phương; ThS. Đinh Thị Liễu; ThS. Cán Xuân Minh; ThS. Bùi Phùng Khánh Hòa; KS. Trịnh Thị Phương; CN. Đỗ Thị Dịu; KS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn; KS. Nguyễn Huy Phong; ThS. Nguyễn Trọng Ngọc; KS. Nguyễn Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Thị Xuyên; ThS. Trần Thị

Thu Hằng; ThS. Hoàng Văn Tuấn; KS. Tống Văn Yên; KS. Tạ Thị Sớm; ThS. Vương Xuân Thạch; ThS. Lê Công Cường; KS. Sỹ Thị Thúy Nga; KS. Đỗ Thị Thìn. ; - Hà Nội - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, 2020 - 08/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình xây dựng chuỗi sản xuất – tiêu thụ thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đánh giá thực trạng về sản xuất, tiêu thụ thịt lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Xây dựng mô hình chuỗi sản xuất – tiêu thụ thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề xuất giải pháp về chính sách, quản lý và kỹ thuật khuyến khích sản xuất tiêu thụ thịt lợn theo chuỗi giá trị trên địa bàn Hà Nội. Số hồ sơ lưu: HNI- 2020-19/ĐK-TTTT&TK

81760.03-2022 Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi/ Nguyễn Thành Lưu, KS. Huỳnh Long Nguyễn Hữu Nguyên; Phạm Giang Nam; Nguyễn Thành Lưu; Trần Thị Ánh Nguyệt; Nguyễn Văn Mân; Trương Thị Mỹ Hạnh; Phạm Thị Ánh Tuyết; Bùi Một; Lê Thanh Tân; Nguyễn Văn Thịnh; Nguyễn Việt Mân; Huỳnh Thanh Thao; Phạm Ngọc Thạch; Trần Ngọc Úc - Quảng Ngãi - Trạm khuyến nông huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, 2018 - 06/2014 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuyên giao và hoàn chỉnh 05 hướng dẫn kỹ thuật về lai tạo giống,

nuôi dưỡng, phòng bệnh và trồng cỏ giống mới phù hợp với vùng dự án. Xây dựng mô hình chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản có quy mô từ 2 con trở lên cho 500 hộ tham gia, thực hiện phối giống nhân tạo tinh bò thịt, có trồng cỏ và biết áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về nuôi dưỡng và phòng bệnh đảm bảo. Thu nhập hàng năm của các hộ mô hình cao hơn 10-20% so với ngoài mô hình. Xây dựng mô hình nuôi thâm canh bê lai hướng thịt (bê sinh ra từ phối giống dự án) với quy mô 80 con, trọng lượng lúc 18 tháng tuổi đạt trên 280kg/con. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ lai tạo giống bò, phát triển nguồn thức ăn, thực hiện tốt về nuôi dưỡng và phòng bệnh trong chăn nuôi bò sinh sản và bê để nâng cao năng suất, tăng thu nhập cho nông hộ, góp phần phát triển chăn nuôi bò thịt thành nghề sản xuất chính trên địa bàn huyện Đức Phổ.

Số hồ sơ lưu: QNI-019-2020

81778.03-2022 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gà Lạc Sơn” cho sản phẩm Gà nuôi của huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình/** CN. Đỗ Mạnh Hùng, CN. Lê Vũ Huyền - Hòa Bình - Công ty CP Sở hữu công nghiệp Investip, 2019 - 04/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Về đất đai, thổ nhưỡng: Đất đai ở Lạc Sơn có độ mùn khá, độ PH phổ biến 4,5 - 5,5 phù hợp với nhiều loại cây trồng. Tính chất đất đai khác nhau được phân bố trên các vùng khác nhau sẽ tạo điều kiện để Lạc Sơn có thể phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên môn hoá quy mô

lớn theo vùng để có một nền nông nghiệp đa dạng hoá trên toàn huyện. Với điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng như vậy huyện Lạc Sơn rất phù hợp với việc chăn nuôi gà. So với các địa phương khác trong tỉnh, huyện Lạc Sơn có khá nhiều thuận lợi về thị trường tiêu thụ, giao thương hàng hóa để phát triển chăn nuôi gà. Lợi thế này cũng được các nông hộ trên địa bàn phát huy, tận dụng, từng bước hình thành vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn.

Số hồ sơ lưu: HBH-009-2021

40399. Khoa học công nghệ thú y khác

74243.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm PMSG, hCG và công nghệ thụ tinh nhân tạo để nâng cao hiệu quả chăn nuôi thỏ sinh sản trên địa bàn Hà Nội./** BS. Phan Ngọc Minh, TS. Bùi Xuân Nguyên; TS. Dương Đình Long; PGSTS. Nguyễn Khắc Tích; TS. Nguyễn Thị Ước; ThS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Nguyễn Việt Linh; ThS. Tạ Văn Tường; Nguyễn Thị Thúy - Trung tâm Công nghệ sinh học Đông Nam Á, 2018 - 07/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được liều lượng và cách sử dụng kích dục tố PMSG (Pregnant Mare's Serum Gonadotropin) và HCG (Human Chorionic Gonadotropin) để gây động dục đồng loạt và thụ tinh nhân tạo có hiệu quả cho thỏ. Xây dựng được quy trình thụ tinh nhân tạo cho thỏ sinh sản nhằm nâng cao khả năng sinh sản và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi thỏ ở ngoại thành Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-48/ĐK-TTTT&TK

40404. Sinh thái và môi trường rừng

74047.03-2022 **Nghiên cứu phát triển công nghệ sử dụng thảm khô dưới rừng trồng Thông/** ThS. Trần Thị Trang, ThS. Trần Thị Trang; TS. Lã Nguyên Khang; TS. Vương Văn Quỳnh; TS. Trần Quang Bảo; ThS. Phạm Văn Duẩn; ThS. Nguyễn Văn Tuyên; ThS. Lê Sỹ Doanh; ThS. Vương Thị Hà; ThS. Bùi Đình Đại - Viện Sinh thái rừng và Môi trường, 2017 - 01/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu quy trình công nghệ sử dụng thảm khô dưới tán rừng trồng thông để tạo phân hữu cơ vi sinh và hỗn hợp ruột bầu. Đánh giá thực trạng rừng trồng thông trên địa bàn Hà Nội; Xác định được năng suất thảm khô dưới tán rừng trồng thông; Sản xuất thử nghiệm 1000kg phân bón hữu cơ vi sinh và 2000kg hỗn hợp ruột bầu; Đánh giá được hiệu quả kinh tế xã hội từ việc sử dụng thảm khô dưới tán rừng trồng thông trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-20/ĐK-TTTT&TL

80794.03-2022 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học phân hủy nhanh vật liệu cháy dưới tán rừng thông nhằm hạn chế khả năng cháy rừng ở Việt Nam/** TS. Vũ Văn Định, ThS. Lê Thị Xuân; GS.TS. Phạm Quang Thu; TS. Đào Ngọc Quang; TS. Trần Thanh Trắng; ThS. Nguyễn Hoài Thu; KS. Trần Nhật Tân; CN. Phạm Văn Nhật; KS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Lê Thành

Công; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; ThS. Đặng Như Quỳnh; TS. Lê Văn Bình; TS. Nguyễn Minh Chí; ThS. Nguyễn Quốc Thống; ThS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Nguyễn Quốc Hiệu - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chủng loại, thành phần và biến động về khối lượng vật liệu cháy dưới tán rừng thông theo độ tuổi và nghiên cứu động thái về độ ẩm của vật liệu cháy theo các tháng trong năm . Phân tích hàm lượng tinh dầu , thành phần xenlulo , lignin có trong vật liệu cháy . Tiến hành thu mẫu , phân lập, tuyển chọn vi sinh vật phân giải xenlulo, vi sinh vật sinh màng nhầy (Polysacarit) để xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm sinh học.

Số hồ sơ lưu: 19161

40405. Giống cây rừng

80478.03-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi cấy mô và sản xuất thử cây giống Bạch đàn PNCT3 và PNCTIV /** ThS. Phạm Đức Huy, KS. Phạm Văn Hưng; ThS. Tạ Văn Thảo; KS. Lữ Văn Thảo; ThS. Phạm Văn Hải; KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Trần Hữu Chiến; ThS. Nguyễn Văn Chinh; KS. Phạm Thị Thúy - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. Nghiên cứu, hoàn thiện và xây dựng quy trình công nghệ nuôi cấy mô cho giống bạch đàn PNCT3 và cho giống bạch đàn PNCT_{IV}. Quy trình công nghệ

cho hiệu quả của giai đoạn nhân nhanh chồi đạt hệ số nhân chồi lớn hơn hoặc bằng 5,0 lần; tỷ lệ chồi hữu hiệu (chồi đủ tiêu chuẩn cấy ra rễ) > 40%. Tiến hành ứng dụng quy trình đã được hoàn thiện vào sản xuất 500.000 cây mầm mô và 500.000 cây con của hai giống bạch đàn trên.

Số hồ sơ lưu: 19026

81035.03-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo tồn và phát triển cây măng Gày Trung Sơn tại huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ/** ThS. Bùi Tiến Vỹ, Nguyễn Trường Sơn; Vũ Đình Thu; Phan Thanh Phương; Trần Đình Trọng; Hoàng Văn Cường; Bùi Thị Thêm; Đinh Thị Thu Thủy; Hà Đức Dũng; Nguyễn Văn Thọ - Phú Thọ - Ủy Ban Nhân Dân huyện Yên Lập, 2018 - 04/2015 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá điều kiện tự nhiên, đất đai, khả năng gây trồng cây măng Gày trên địa bàn huyện Yên Lập, lựa chọn, bảo tồn 7 ha rừng Gày hiện có tại xã Trung Sơn làm nguồn cung cấp hom giống phục vụ nhân giống trồng rừng. Tiến hành xây dựng 01 vườn ươm giống măng Gày với quy mô 4.000 m² và xây dựng thành công mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng cây măng Gày với quy mô 10 ha tại các xã thuộc huyện Yên Lập. Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc và sơ chế măng Gày phù hợp với điều kiện địa phương.

Số hồ sơ lưu: PTO-011-2021

81273.03-2022 **Nghiên cứu kỹ thuật gây trồng cây bản địa trai Nam bộ (*Fagraea fragrans* Roxb.)**

trên lưu vực hồ chứa nước Phú Ninh/ ThS. Nguyễn Xuân Phước, Dương Thị Minh Tâm; Lê Thanh Dương; Phạm Quốc Hội; Mai Văn Châu; Nguyễn Quốc Việt - Quảng Nam - Ban quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh và ven biển Quảng Nam, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết lập cơ sở dữ liệu về vùng phân bố tự nhiên và xác định đặc điểm lâm học, khả năng tái sinh của loài trai Nam Bộ tại khu vực rừng phòng hộ Phú Ninh. Xây dựng các mô hình trồng rừng phòng hộ loài trai Nam Bộ theo phương thức tạo giống và theo độ cao tại khu vực rừng phòng hộ Phú Ninh. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật gây trồng loài trai Nam Bộ, xuất xứ Phú Ninh, từ khâu tạo giống đến khâu trồng rừng cho đối tượng rừng phòng hộ.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-018

40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản

81160.03-2022 **Nâng cao hiệu quả nuôi cá chim vây vàng *Trachinotus blochii* bằng khô dầu đậu tương được loại bỏ yếu tố kháng dinh dưỡng/** TS. Nguyễn Phúc Hưng, PGS.TS. Trần Thị Năng Thu; TS. Lê Văn Khôi; PGS.TS. Trần Đức Hậu; ThS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Trần Thị Mai Hương - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá ảnh hưởng của protein phân tử lớn trong khô dầu đậu tương đối với các chỉ tiêu sinh trưởng, hiệu quả chuyển hóa thức ăn, tỷ lệ tiêu hóa chất dinh dưỡng, hoạt tính enzyme tiêu hóa, hàm lượng axit

mật, sinh hóa máu của cá chim vây vàng. Đánh giá ảnh hưởng của chất chiết bằng ethanol từ khô dầu đậu tương đối với các chỉ tiêu sinh trưởng, hiệu quả chuyển hóa thức ăn, tỷ lệ tiêu hóa chất dinh dưỡng, hoạt tính enzyme tiêu hóa, hàm lượng axit mật, cấu trúc mô ruột, sinh hóa máu của cá chim vây vàng. Đánh giá và so sánh hiệu quả của khô dầu đậu tương được lên men bằng vi sinh vật đối với các chỉ tiêu sinh trưởng, hiệu quả chuyển hóa thức ăn, tỷ lệ tiêu hóa chất dinh dưỡng, hoạt tính enzyme tiêu hóa, hàm lượng axit mật, sinh hóa máu của cá chim vây vàng.

Số hồ sơ lưu: 19325

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

80849.03-2022 **Nghiên cứu quy trình nuôi vỗ thành thực và kích thích sinh sản nhân tạo cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*)**/ TS. Trần Đình Luân, ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thanh Hải; KS. Chu Quang Kiệt; ThS. Trần Thị Kim Chi; KS. Nguyễn Hồng Điệp; KS. Vũ Huy Hoàng; KS. Nguyễn Hồng Nhung; CN. Nguyễn Văn Điệp; KS. Phạm Văn Hương - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2011 - 01/2008 - 12/2010. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản, tuổi thành thực, quá trình phát triển tuyến sinh dục và mùa vụ sinh sản chính đối với cá hồi vân trong quá trình nuôi tại Sapa... Đồng thời, tiến hành nghiên cứu kỹ thuật kích thích sinh sản nhân tạo cá hồi vân và tìm hiểu tác nhân gây

bệnh để có những biện pháp phòng và trị bệnh cho cá. Từ đó, xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi vỗ cá bố mẹ và kích thích sinh sản góp phần xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo cá hồi vân cung cấp cho nhu cầu nuôi tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19179

81759.03-2022 **Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Bleeker, 1852) tại Quảng Ngãi**/ ThS. Nguyễn Hữu Thái, KS. Lê Thị Thùy Dương; KS. Đỗ Thanh Dung; KS. Phan Trọng Mên; Trần Đức Quân - Quảng Ngãi - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi, 2018 - 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thử nghiệm sản xuất giống và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống cá ngựa đen tại Quảng Ngãi. Nuôi thương phẩm cá ngựa đen và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá ngựa đen trong bể xi măng và trong lồng tại Quảng Ngãi. - Sản xuất 10.000 con cá giống đạt kích cỡ 4-6 cm/con và nuôi thương phẩm 6.000 con cá ngựa đen đạt kích cỡ 10-12 cm/con. Tạo ra nghề nuôi mới, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân ven biển.

Số hồ sơ lưu: QNI-018-2020

40504. Nuôi trồng thủy sản

72767.03-2022 **Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Còm (*Chitala ornata*, Gray 1831) trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ ThS. Nguyễn Thị Biên Thùy, TS. Lê Văn Khôi; TS.

Đình Văn Trung; ThS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Trần Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Khắc Lâm; KS. Nguyễn Thị Niên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Còm (*Chitala ornata*, Gray 1831) trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hoàn thiện được quy trình sản xuất giống cá còm đạt: tỷ lệ thành thực $\geq 80\%$, tỷ lệ đẻ $\geq 80\%$, tỷ lệ thụ tinh $\geq 85\%$, tỷ lệ nở $\geq 80\%$, tỷ lệ sống từ bột lên hương $\geq 70\%$, tỷ lệ sống từ hương lên giống $\geq 80\%$. Hoàn thiện được quy trình nuôi thương phẩm cá còm trong ao đạt năng suất trên 10 tấn/ha, cỡ cá thu hoạch ≥ 500 gram/con, cá thương phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm. Sản xuất được mô hình nuôi thương phẩm cá còm, quy mô 2 ha/vụ, năng suất đạt trên 10 tấn/ha và hiệu quả kinh tế cao hơn so với nuôi cá truyền thống tối thiểu 10%.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-29/ĐK-TTTT&TK

74065.03-2022 **Nghiên cứu kỹ thuật nuôi thương phẩm và thử nghiệm sản xuất giống cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) tại Hà Nội/** KS. Hoàng Thị Nhiên, KS. Hoàng Thị Nhiên; ThS. Nguyễn Khắc Lâm; KS. Lã Bảo Trung; KS. Nguyễn Mạnh Dàn; KS. Vũ Văn Nguyên; KS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Chu Quang Kiệm; KS. Nguyễn Thị Vân; KS. Chu Đức Chí; ThS. Nguyễn Anh Cường - Hà Nội - Trung tâm Giống thủy sản, 2017 - 04/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kỹ thuật nuôi thương phẩm và thử nghiệm sản xuất giống cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) tại Hà Nội. Xây dựng được 3 mô hình nuôi thương phẩm các chạch lấu tại Hà Nội đạt năng suất 5 tấn/ha khi nuôi trong ao, 1 kg/m² khi nuôi trong giai, 2 kg/m² khi nuôi bể, chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-15/ĐK-TTTT&TK

80516.03-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi ốc hương (*Babylonia areolata*) thương phẩm tại vùng bãi ngang ven biển tỉnh Thanh Hóa/** KS. Nguyễn Thị Hương, KS. Nguyễn Văn Nam KS. Trần Đình Thọ; KS. Vũ Hồng Phượng; CN. Bùi Thu Trang; KTV. Lê Đình Thịnh; KTV. Lê Văn Hiệp; KTV. Bùi Văn Quang; KTV. Lê Văn Quang; KTV. Vũ Đại Dương; KTV. Bùi Khắc Du; KTV. Lê Văn Sáng; KTV. Lê Văn Ngọc; KTV. Bùi Văn Lợi; KTV. Nguyễn Văn Đức - Thanh Hóa - Công ty TNHH Quang Thịnh, 2021 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát chọn địa điểm triển khai các mô hình nuôi. Chuyển giao công nghệ nuôi ốc hương thương phẩm gồm các quy trình công nghệ thông qua việc đào tạo kỹ thuật và tập huấn cho nông dân. Xây dựng các mô hình nuôi ốc hương thương phẩm trong ao. Xây dựng thành công mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nuôi ốc hương (*Babylonia areolata* Link, 1807) thương phẩm tại vùng bãi ngang ven biển tỉnh Thanh Hóa tạo

việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho người dân vùng triển khai dự án.

Số hồ sơ lưu: 19037

81124.03-2022 Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cua hoàng đế *Ranina ranina* Linnaeus, 1758/ TS. Nguyễn Thị Thanh Thùy, ThS. Nguyễn Thị Thoa; TS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Quế Chi; KS. Lê Hồng Tuấn; KS. Dương Thị Phương; KS. Phan Thị Tâm; ThS. Nguyễn Cơ Thạch - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện kỹ thuật nuôi vỗ của hoàng đế bố mẹ. Hoàn thiện kỹ thuật ương nuôi ấu trùng đến cua giống. Theo dõi môi trường, phát hiện và phòng trị bệnh trong sản xuất giống. Xây dựng qui trình sản xuất giống của hoàng đế. Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật nuôi thương phẩm của hoàng đế. Theo dõi môi trường, phát hiện và phòng trị bệnh trong nuôi thương phẩm. Áp dụng qui trình sản xuất giống của hoàng đế vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: 19321

81340.03-2022 Xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Chạch sông (*Mastacembelus amatus*) tại tỉnh Phú Thọ./ PGS. TS. Cao Văn, Phan Thị Yên; Nguyễn Tài Năng; Ngô Thế Long; Trịnh Thế Truyền; Hoàng T. Hồng Nhung; Nguyễn Xuân Việt; Nguyễn Ngọc Minh Tuấn; Nguyễn Thị Lệ Hằng; Nguyễn Thị Hà Phương - Phú Thọ - Trường Đại học

Hùng Vương, 2019 - 05/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát bổ sung hiện trạng vùng thực hiện dự án. Tiến hành chuyển giao quy trình sinh sản nhân tạo, quy trình nuôi thương phẩm cá chạch sông. Đồng thời, xây dựng mô hình sinh sản nhân tạo giống cá chạch sông (qui mô 50.000 con giống và công suất 50.000 giống/năm) và mô hình nuôi thương phẩm cá chạch sông (qui mô 5000m², năng suất nuôi 2 tấn/ha, tỷ lệ sống đạt 40%, khối lượng trung bình đạt 150g/con). Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chạch sông cho 05 kỹ thuật viên và 100 lượt hộ dân.

Số hồ sơ lưu: PTO-005-2021

81519.03-2022 Nghiên cứu tạo ra nguồn tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh/ TS. Huỳnh Kim Hường, ThS. Trần Công Bình; ThS. Phan Thị Thanh Trúc; KS. Đỗ Văn Trường; KS. Mai Văn Hoàng; ThS. Diệp Thành Toàn; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhi; ThS. Lai Phước Sơn; ThS. Phạm Văn Đây; ThS. Hồ Khánh Nam; PGS. TS. Châu Tài Tảo - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2021 - 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết kế hệ thống an toàn sinh học dùng để nuôi tôm sú bố mẹ. Hoàn thiện quy trình nuôi tôm sú bố mẹ sạch bệnh trong điều kiện nhân tạo. Đánh giá chất lượng tôm bố mẹ gia hóa và tôm giống được sản xuất từ tôm bố mẹ gia hóa.

Số hồ sơ lưu: 19324

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản

80917.03-2022 **Điều tra ngư trường (Điều tra thu thập số liệu nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác hải sản)/** ThS. Nguyễn Hoàng Minh, ThS. Bùi Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hương; CN. Trần Văn Vụ; CN. Nguyễn Đức Linh; KS. Nguyễn Thị Thùy Dương; CN. Hán Trọng Đạt; CN. Nguyễn Ngọc Tuấn; KS. Trần Nhật Anh; KS. Nguyễn Văn Hải - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2016 - 01/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập cập nhật số liệu hải dương học, nghề cá, sinh học cá từ khảo sát, giám sát, nhật ký khai thác và viễn thám biển bổ sung cho hệ thống số liệu mới về nghề cá và hải dương học vùng biển Việt Nam. Xây dựng dự báo ngư trường khai thác mùa vụ cho nghề câu vàng cá ngừ đại dương, rê trôi, vây và chụp mực. Xây dựng dự báo ngư trường khai thác hải sản hạn tháng (nghề câu cá ngừ đại dương, rê trôi, vây, chụp mực) (12 bản/năm/01 nghề). Xây dựng dự báo ngư trường khai thác hải sản hạn 7 đến 10 ngày nghề câu cá ngừ đại dương (36 bản/năm). Tổ chức phát hành dự báo ngư trường khai thác

Số hồ sơ lưu: 19209

81101.03-2022 **Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo ở vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển bền vững/** PGS.TS. Đỗ Văn Khương, ThS. Đỗ Anh Duy; ThS. Lê

Doãn Dũng; ThS. Lại Duy Phương; ThS. Nguyễn Duy Thành; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; ThS. Trần Văn Hương; PGS.TS. Đỗ Công Thung; TS. Nguyễn Văn Quân - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2016 - 09/2010 - 12/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được hiện trạng và xu hướng biến động về điều kiện môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật trong các hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo Việt Nam phục vụ phát triển bền vững. Có được bộ dữ liệu gốc về đa dạng sinh học và điều kiện của các yếu tố môi trường trong hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo tại Việt Nam. Năm được hiện trạng, các quá trình biến động về đa dạng sinh học (thành phần loài, phân bố, các mối quan hệ cơ bản trong trong hệ sinh thái rạn...) trong hệ V sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo. Đánh giá đặc điểm một số yếu tố môi trường cơ bản (nhiệt độ, độ muối, chất dinh dưỡng...) và mối liên hệ của chúng với đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo. Đề xuất các giải pháp quy hoạch, quản lý, sử dụng hợp lý đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19205

81103.03-2022 **Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi hải sản biển Việt Nam/** ThS. Nguyễn Việt Nghĩa, TS. Vũ Việt Hà; ThS. Phạm Quốc Huy; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; TS. Nguyễn Khắc Bát; TS. Nguyễn Quang Hùng; ThS. Phạm

Huy Sơn; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Nguyễn Phi Toàn - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2016 - 09/2011 - 12/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Các cơ sở khoa học về hiện trạng và biến động thành phần loài, phân bố, khả năng khai thác nguồn lợi cá nổi lớn (chủ yếu là cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to, cá ngừ vằn, cá ngừ chù và cá ngừ ò) ở biển Việt Nam. Đánh giá tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi, phân bố và khả năng khai thác hải sản tầng đáy (chủ yếu là cá mối, cá đù, cá phèn, cá lượng và tôm, mực) ở biển Việt Nam. Đánh giá tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi cá nổi nhỏ (chủ yếu là các loài cá nục, cá trích, cá cơm, cá bạc má) ở biển Việt Nam. Đánh giá tổng thể hiện trạng và biến động nghề cá thương phẩm ở biển Việt Nam làm cơ sở cho việc quy hoạch, quản lý, khai thác hợp lý nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19206

81106.03-2022 **Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi thủy sản ven biển Việt Nam/** TS. Nguyễn Quang Hùng, ThS. Trần Văn Cường; ThS. Hoàng Đình Chiểu; ThS. Từ Hoàng Nhân; ThS. Trần Văn Hương; ThS. Đinh Thanh Đạt; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Bùi Thanh Hùng; ThS. Đào Thị Liên; ThS. Nguyễn Duy Thành - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2015 - 09/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng và biến động nguồn lợi hải sản ở vùng biển ven bờ; bổ sung cơ sở dữ liệu điều tra cơ

bản về tài nguyên và môi trường biển Việt Nam; phục vụ cho việc đề xuất các giải pháp quản lý khai thác, bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn lợi hải sản góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản.

Số hồ sơ lưu: 19208

81107.03-2022 **Điều tra hiện trạng nguồn lợi thủy sản ven biển Việt Nam/** TS. Nguyễn Quang Hùng, ThS. Trần Văn Cường; ThS. Từ Hoàng Nhân; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Đào Thị Liên; KS. Trần Nhật Anh; ThS. Bùi Thanh Hùng; CN. Hán Trọng Đạt; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Thái Thị Kim Thanh - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2016 - 09/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện nội dung điều tra hiện trạng nguồn lợi hải sản vùng biển ven bờ Việt Nam, bao gồm: thành phần loài, năng suất đánh bắt, phân bố nguồn lợi, trữ lượng và khả năng khai thác nguồn lợi; đặc điểm sinh học cơ bản một số loài kinh tế; phân bố khu vực sinh sản, ương nuôi tập trung; danh mục các loài hải sản kinh tế, các loài có giá trị bảo tồn. Đánh giá hiện trạng một số yếu tố môi trường - hải dương học cơ bản; thành phần loài và phân bố sinh vật phù du ở vùng biển ven bờ Việt Nam. Đánh giá hiện trạng hoạt động khai thác hải sản; công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi và quản lý nghề cá ở vùng biển ven bờ Việt Nam. Có được bộ dữ liệu điều tra hiện trạng nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ; hoạt động khai thác và nghề cá ven bờ; bộ mẫu vật tiêu bản về đa dạng các loài hải sản phục vụ cho công tác

đào tạo, quy hoạch, quản lý và phát triển ngành thủy sản.

Số hồ sơ lưu: 19207

81193.03-2022 **Nghiên cứu nguồn giống cá vùng cửa sông Thu Bồn và lân cận ở vùng biển ven bờ Quảng Nam/** TS. Nguyễn Thị Tường Vi, - Quảng Nam - Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng nguồn giống cá vùng cửa sông Thu Bồn. Nghiên cứu mối liên quan giữa nguồn giống cá vùng cửa sông Thu Bồn và nguồn lợi cá Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm. Đề xuất giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn giống các khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-003

40506. Quản lý và khai thác thủy sản

74065.03-2022 **Nghiên cứu kỹ thuật nuôi thương phẩm và thử nghiệm sản xuất giống cá chạch lấu (Mastacembelus favus) tại Hà Nội/** KS. Hoàng Thị Nhiên, KS. Hoàng Thị Nhiên; ThS. Nguyễn Khắc Lâm; KS. Lã Bảo Trung; KS. Nguyễn Mạnh Dân; KS. Vũ Văn Nguyên; KS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Chu Quang Kiệt; KS. Nguyễn Thị Vân; KS. Chu Đức Chí; ThS. Nguyễn Anh Cường - Hà Nội - Trung tâm Giống thủy sản, 2017 - 04/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kỹ thuật nuôi thương phẩm và thử nghiệm sản xuất giống cá chạch lấu (Mastacembelus favus) tại Hà Nội. Xây dựng được 3 mô hình nuôi thương phẩm các chạch

lấu tại Hà Nội đạt năng suất 5 tấn/ha khi nuôi trong ao, 1 kg/m² khi nuôi trong giai, 2 kg/m² khi nuôi bể, chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-15/ĐK-TTTT&TK

80864.03-2022 **Nghiên cứu biến động và phân bố cường lực khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ Đông Nam Bộ/** ThS. Bùi Văn Tùng, ThS. Trần Quốc Tuyên; TS. Nguyễn Việt Thành; ThS. Đặng Văn Thi; ThS. Đoàn Văn Phú; ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh; ThS. Nguyễn Như Sơn; ThS. Cao Văn Hùng; ThS. Phạm Văn Long; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; KS. Đông Quang Hồng; KS. Nguyễn Xuân Toàn; ThS. Ngô Văn Hữu; KS. Đinh Xuân Hùng; CN. Lương Văn Viễn - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2014 - 01/2011 - 12/2012. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sự biến động, phân bố cường lực và sản lượng khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ Đông Nam Bộ. Qua đó, xác định sản lượng khai thác bền vững tối đa (MSY), cường lực khai thác tối ưu (fMSY) phù hợp với trữ lượng nguồn lợi ở vùng biển xa bờ Đông Nam Bộ và đánh giá hiệu quả kinh tế của các đội tàu. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý cường lực khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ Đông Nam Bộ theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19178

81104.03-2022 **Điều tra liên hợp Việt - Trung đánh giá nguồn lợi hải sản trong vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ, giai đoạn IV (từ năm 2014 đến hết năm 2016)/** TS.

Nguyễn Khắc Bát, TS. Vũ Việt Hà; ThS. Mai Công Nhuận; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Phạm Quốc Huy; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Trần Quốc Tuyển - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021 - 01/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra liên hợp đánh giá hiện trạng và biến động trữ lượng, khả năng khai thác nguồn lợi hải sản. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác của các đội tàu. Nghiên cứu một số yếu tố hải dương học nghề cá có liên quan. Đề xuất điều chỉnh số lượng tàu thuyền cho phép hoạt động ở vùng đánh cá chung vịnh Bắc Bộ. Thực hiện đàm phán với phía Trung Quốc về vùng đánh cá chung vịnh Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19313

81105.03-2022 **Điều tra Liên hợp Việt - Trung đánh giá nguồn lợi hải sản trong vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ, giai đoạn V (từ năm 2017 đến hết năm 2019)/** TS. Nguyễn Khắc Bát, TS. Vũ Việt Hà; ThS. Mai Công Nhuận; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; TS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Nguyễn Công Thành; KS. Trần Nhật Anh; ThS. Võ Trọng Thắng; TS. Phạm Quốc Huy - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra liên hợp đánh giá hiện trạng và biến động trữ lượng, khả năng khai thác nguồn lợi hải sản. Đánh giá hiện trạng khai thác của

các đội tàu. Điều tra, nghiên cứu một số yếu tố hải dương học nghề cá có liên quan. Đề xuất điều chỉnh số lượng tàu thuyền cho phép hoạt động ở vùng đánh cá chung vịnh Bắc Bộ. Thực hiện công tác đàm phán với phía Trung Quốc về nguồn lợi hải sản trong vùng đánh cá chung vịnh Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19314

81205.03-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể cá chép đỏ Thủy Trầm, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ/** ThS. Hoàng Văn Tuyển, Nguyễn Anh Tuấn; Nguyễn Minh Tuấn; Nguyễn Hồng Văn; Hà Ngọc Anh; Nguyễn Thị Hồng Nhung; Cù Xuân Ân; Trần Thị Thu Hương; Trần Văn Sanh; Bùi Văn Chử - Phú Thọ - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Phú Thọ, 2019 - 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập Bản đồ hiện trạng, quy hoạch vùng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trầm và các chính sách liên quan. Tiến hành khảo sát thực trạng sản xuất và thương mại sản phẩm tại vùng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trầm và đánh giá nhu cầu, mong muốn của các hộ sản xuất, kinh doanh cũng như khả năng phát triển của sản phẩm... Từ đó, xây dựng hệ thống quản lý nhãn hiệu tập thể Cá chép đỏ Thủy Trầm và xây dựng hệ thống, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm phát huy giá trị thương hiệu cho sản phẩm "Cá chép đỏ Thủy Trầm"

Số hồ sơ lưu: PTO-002-2021

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

80870.03-2022 **Nghiên cứu công nghệ bảo quản sản phẩm khai thác trên tàu lưới kéo xa bờ/** ThS. Nguyễn Xuân Thi, TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Văn Long; ThS. Phạm Thị Điềm; ThS. Đinh Xuân Hùng; KS. Nguyễn Trí Ái; ThS. Đặng Văn An; KS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Vũ Thị Quyên; KS. Hà Thế Diên - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2017 - 12/2013 - 11/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị hạ nhiệt độ và bảo quản thủy sản quy mô Pilot (80-100 kg/mẻ) và thử nghiệm công nghệ. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị hạ nhiệt độ và cải tạo hầm bảo quản thủy sản trên tàu lưới kéo công suất > 250 CV. Thử nghiệm quy trình công nghệ bảo quản thủy sản trên thiết bị thiết kế chế tạo (trên tàu lưới kéo >250CV). Đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội.

Số hồ sơ lưu: 19190

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

72719.03-2022 **Nghiên cứu sử dụng nguồn gen gà Mía, gà Lương phượng, gà VCNZ-15 tạo gà thịt thương phẩm lai 3 giống có năng suất và chất lượng tốt trên địa bàn Hà Nội/** ThS. Phạm Hải Ninh, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Vũ Ngọc Sơn; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; ThS. Trần Quốc Hùng; ThS. Cao Thị Liên; TS. Đặng Vũ Hòa; ThS. Phạm Đức Hồng; ThS. Bùi Thị Kim Oan; ThS. Nguyễn Thành Trung; KS. Hồ Hữu Thanh; CN. Phạm Thị Tâm;

ThS. Dương Thanh Tùng; KS. Chu Văn Ty; KS. Nguyễn Thị Hương; KS. Phạm Đình Hồng - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2018 - 07/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo giống gà mái nền (con lai 2 giống giữa gà VCNZ-15 với gà Lương Phượng) có năng suất trứng bình quân/mái/năm đạt 180 – 185 quả/mái, TTTA/10 trứng là 2,7kg, tỷ lệ trứng có phôi tối thiểu đạt 94% và tỷ lệ ấp nở/trứng ấp đạt tối thiểu 83%. Tạo giống gà lai 3 giống thương phẩm (giữa gà VCN-Z15, gà Lương Phượng, gà Mía) có khối lượng gà mái đạt 1700g/con, gà trống đạt 2100g/con, TTTA/kg tăng khối lượng cơ thể từ 3,2kg/kgP đến 3,3kg/kgP. Xây dựng quy trình chăn nuôi phù hợp cho gà mái nền (con lai 2 giống) nuôi sinh sản và gà lai 3 giống nuôi thương phẩm lấy thịt.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-42/TTTT&TK

74035.03-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và khai thác nguồn gen bưởi bốn mùa (Citrus grandis L.) tại lưu vực sông Đáy, Hà Nội./** ThS. Nguyễn Thị Xuyên, ThS. Nguyễn Thị Xuyên; KS. Trần Văn Luyện; TS. Nguyễn Thị Tuyết; TS. Nguyễn Thị Lan Hoa; ThS. Vũ Văn Tùng; PGS.TS Lê Khả Tường; ThS. Lê Tuấn Phong; KS. Nguyễn Thị Minh Lý - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2017 - 01/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bảo tồn và khai thác nguồn gen bưởi bốn mùa (Citrus grandis L.) tại lưu vực sông Đáy, Hà Nội. Xây dựng được bộ dữ liệu các

đặc tính nông sinh học cho nguồn gen bưởi Bốn mùa. Xây dựng được vườn giống gốc (15 - 20 cây) để lưu giữ, phục vụ mục tiêu nghiên cứu và sản xuất lâu dài. Nghiên cứu xây dựng được quy trình nhân giống bưởi Bốn mùa. Trồng mới được 500 cây có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt trong các hộ dân ở huyện Chương Mỹ.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-14/ĐK-TTTT&TK

80476.03-2022 **Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu giấy/** KS. Triệu Hoàng Sơn, ThS. Nguyễn Văn Chinh; ThS. Hoàng Ngọc Hải; ThS. Tạ Văn Thảo; KS. Phạm Văn Hưng; KS. Phạm Thị Thúy; KS. Bùi Đức Giang; ThS. Lê Thị Yên - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chăm sóc, quản lý và bảo vệ an toàn diện tích rừng bảo tồn và 5.000 m² vườn cây mẹ các nguồn gen cây nguyên liệu giấy (xây dựng từ năm 2019 trở về trước). Bảo tồn an toàn các mẫu giống của 37 giống bằng kỹ thuật nuôi cấy mô in vitro và lưu giữ an toàn 15 mẫu hạt giống cây nguyên liệu giấy. Kiểm nghiệm, gieo ươm và trồng mới 1,0 ha rừng bảo tồn các nguồn gen từ 15 mẫu hạt giống bảo tồn và 03 mẫu giống bạch đàn mới thu thập.

Số hồ sơ lưu: 19027

80477.03-2022 **Nghiên cứu, tuyển chọn và đề xuất giải pháp bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu giấy/** ThS. Phạm Văn Hải, KS. Phạm Văn Hưng; ThS. Phạm Đức Huy; ThS. Tạ Văn Thảo; ThS. Nguyễn

Văn Chinh - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập nguồn gen một số giống cây nguyên liệu giấy thuộc đối tượng cần thu thập, bảo tồn. Xác định kỹ thuật an toàn cho 40 mẫu giống keo bạch đàn và xây dựng quy trình kỹ thuật bảo tồn invitro 03 giống mới thu thập là bạch đàn UP99; UP54 và DH32-26. Qua đó đánh giá sơ bộ và tư liệu hóa cơ sở dữ liệu cho 03 nguồn gen mới thu thập và chi tiết 40 mẫu giống đã thu thập và bảo tồn.

Số hồ sơ lưu: 19028

81077.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống đậu tương kháng bệnh gỉ sắt (giai đoạn 2)/** TS. Nguyễn Văn Khởi, ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Dương Xuân Tú; TS. Phạm Thiên Thành; ThS. Lê Huy Nghĩa; TS. Nguyễn Thanh Tuấn; KS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Nguyễn Văn Chương; ThS. Vũ Như Cẩm; TS. Nguyễn Huy Chung - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng chỉ thị phân tử chọn lọc các dòng đậu tương mới mang gen kháng bệnh gỉ sắt từ nguồn vật liệu kế thừa. Khảo nghiệm các dòng đậu tương kháng gỉ sắt triển vọng. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống và quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống đậu tương mới chọn tạo. Sản xuất hạt giống cung ứng cho sản xuất thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 19306

49999. Khoa học nông nghiệp khác

81096.03-2022 **Xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ nướng Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái/** ThS. Đỗ Văn Oánh, ThS. Hoàng Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà; CN. Lê Thị Tâm; ThS. Bùi Văn Sỹ; ThS. Kiều Thị Thuyên; ThS. Phạm Thị Quyên; KS. Hằng A Thào - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn, 2021 - 10/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ nướng Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái nhằm quản lý tốt hơn chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thông qua bộ nhận diện nhãn hiệu, nâng cao hiệu quả và giữ gìn, phát huy giá trị của sản phẩm đặc sản địa phương; Xây dựng bộ hồ sơ đủ điều kiện đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ nướng Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ; Xây dựng và vận hành thí điểm hệ thống Quản lý Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ nướng Trạm Tấu”, tỉnh Yên Bái; Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử bằng mã QR code đối với sản phẩm Khoai sọ nướng của huyện Trạm Tấu; Tập huấn nâng cao năng lực cho người hưởng lợi trong vùng Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ nướng Trạm Tấu”.

Số hồ sơ lưu: YBI-019-2021

81749.03-2022 **Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng**

cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc , huyện Sơn Tịnh / KS. Lương Văn Trị, Hoàng Thế Vinh Nguyễn Bá Điền - Quảng Ngãi - UBND xã Tịnh Bắc, 2018 - 08/2015 - 02/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích và đánh giá hiện trạng canh tác và hiệu quả sản xuất lúa và sản trên đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh. Kịch bản toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý và hoạt động dịch vụ sản xuất nông nghiệp của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Bắc. Đào tạo 15 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn, hội nghị tham quan đầu bờ cho 500 lượt người tham dự. Xây dựng: Mô hình canh tác lúa theo hướng giảm chi phí đầu vào sản xuất, hiệu quả kinh tế tăng 15% so với phương thức sản xuất hiện tại; Mô hình chuyển đổi đất 2 vụ lúa (thiếu nước tưới) sang trồng 01 vụ lúa và 01 vụ màu, hiệu quả kinh tế tăng 20% so với phương thức sản xuất hiện tại; Mô hình thâm canh tổng hợp cây sắn, hiệu quả kinh tế tăng 15% so với phương thức sản xuất hiện tại; Mô hình chuyển đổi đất trồng sắn năng suất thấp sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò thịt, hiệu quả kinh tế tăng hơn 20% so với phương thức sản xuất hiện tại.

Số hồ sơ lưu: QNI-011-2020

81754.03-2022 **Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức/** CN. Ngô Văn Thanh, Đoàn Thanh Minh Nguyễn Thị Tường Mai - Quảng Ngãi - UBND huyện Mộ

Đức, 2018 - 12/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá hiện trạng canh tác và hiệu quả sản xuất ngô, lạc và cây mè trên đất sản xuất nông nghiệp ở HTX Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh. củng cố nguồn lực về con người, trang thiết bị của HTX Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh để làm dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đào tạo 15 kỹ thuật viên cơ sở; Tập huấn cho 340 lượt nông dân. Hình thành cơ sở chế biến đậu ăn gắn với phát triển chăn nuôi bò, heo hộ gia đình. Xây dựng các mô hình: Mô hình canh tác cây lạc áp dụng kỹ thuật mới, với quy mô: 50 ha/vụ năng suất 30 tạ/ha. Mô hình canh tác cây ngô áp dụng kỹ thuật mới, với quy mô: 15 ha/vụ năng suất 65 tạ/ha. Mô hình canh tác cây mè áp dụng kỹ thuật mới, với quy mô: 15 ha/vụ năng suất 10 tạ/ha.

Số hồ sơ lưu: QNI-015-2020

81762.03-2022 **Nghiên cứu giải pháp giữ ẩm cho đất khô hạn nhờ vi sinh vật sinh màng nhầy polysaccarit tại tỉnh Hòa Bình/** ThS. Trần Quang Minh, - Hà Nội - Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn 3 chủng vi sinh vật có khả năng sinh màng nhầy polysaccarit cao phục vụ cho sản xuất chế phẩm VSV giữ ẩm tại Hòa Bình. Xây dựng 01 qui trình sản xuất chế phẩm VSV giữ ẩm cho vùng đất khô hạn, không chủ động nước tưới cho tỉnh Hòa Bình. Sản xuất thử nghiệm được 500 kg chế phẩm VSV

phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng trực tiếp ngoài đồng ruộng. Tạo sản phẩm sinh học giữ ẩm cho đất dưới dạng chế phẩm vi sinh, dễ triển khai sản xuất lớn, dễ sử dụng, giá thành rẻ, có khả năng giữ ẩm cao cho đất, phục vụ canh tác bền vững ở những vùng đất đồi núi, khô hạn, khó chủ động nước tưới tại tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-003-2021

81763.03-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Gạo Đà Bắc” dùng cho sản phẩm gạo J02 của huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình/** TS. Vương Thị Thanh Trì, TS. Hoàng Hà; GS.TS Nguyễn Đình Phan; TS. Ngô Hùng Mạnh; KS. Trần Quốc Hoàn; CN. Lê Thiên Lý; CN. Phạm Hương Khê; CN. Nguyễn Anh Tuấn - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia công nghệ Âu Mỹ, 2020 - 11/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ điều kiện (cơ sở khoa học và thực tiễn) đăng ký nhãn hiệu tập thể “Gạo Đà Bắc” cho sản phẩm gạo J02 của huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình được cơ quan có thẩm quyền (Cục Sở hữu trí tuệ) cấp giấy giấy chứng nhận. Xây dựng bộ công cụ quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể. Xây dựng bộ nhận diện nhãn hiệu tập thể. Xây dựng hệ thống quảng bá nhãn hiệu tập thể. Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Gạo Đà Bắc” cho sản phẩm gạo J02 của huyện Đà Bắc, nhằm giữ gìn, phát huy danh tiếng và quản lý chất lượng sản phẩm tốt hơn, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thông qua bộ

nhận diện nhãn hiệu, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HBH-004-2021

5. Khoa học xã hội

81444.03-2022 **Giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ học hòa nhập trong trường tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng/** ThS. Hồ Thị Cẩm Bình, CN. Đặng Nguyễn Hoài Phương; TS. Nguyễn Thị Kim Hoa - Đà Nẵng - Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về giáo dục KNS cho học sinh; Xây dựng bộ công cụ đánh giá thực trạng KNS và giáo dục KNS cho học sinh KTTT; Đánh giá, phân tích thực trạng KNS và giáo dục KNS cho học sinh KTTT học hòa nhập tiểu học tại phố Đà Nẵng; Đề xuất và thực nghiệm một số phương pháp giáo dục KNS cho học sinh KTTT học hòa nhập tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP02

81447.03-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu và các giải pháp truyền thông giáo dục về quần đảo Hoàng Sa cho học sinh các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông ở thành phố Đà Nẵng/** TS. Lê Tiến Công, ThS. Lê Phú Nguyên; ThS. Ngô Ngọc Hoàng Vương; ThS. Đinh Thị Toan; ThS. Đào Thị Trúc Giang; CN. Huỳnh Thị Kim Lập; CN. Nguyễn Thị Lành; CN. Trần Thị Lê Na; CN. Nguyễn Văn Hiệu; CN.

Nguyễn Thị Mỹ Thảo; CN. Võ Thị Thùy Dương - Hoàng Sa - UBND huyện Hoàng Sa, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài nghiên cứu các tư liệu về quần đảo Hoàng Sa, lựa chọn và xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phù hợp với việc truyền thông giáo dục chủ quyền biển đảo cho đối tượng là học sinh THCS, THPT ở thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, nghiên cứu giải pháp nhằm truyền thông giáo dục về quần đảo Hoàng Sa một cách hiệu quả và bền vững.

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP10

81472.03-2022 **Tổng kết, đánh giá thực trạng phát triển văn hóa thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1997-2017 và đề xuất chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030./** ThS. Bùi Văn Tiêng, - Đà Nẵng - Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, 2020 - 12/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài tổng kết, đánh giá thực trạng phát triển văn hóa thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1997-2017, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và khó khăn cản trở của lĩnh vực này, làm cơ sở cho việc đề xuất chiến lược phát triển văn hóa thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: DNG-2020-TP04

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

80468.03-2022 **Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà**

nước chi phối trong lĩnh vực công nghiệp/ ThS. Nguyễn Mạnh Hùng, ThS. Phạm Minh Lộc; ThS. Trịnh Hữu Nam; TS. Vũ Dương Hòa; ThS. Phạm Thanh Hoa; ThS. Trương Quang Cường; ThS. Nguyễn Thế Nghiệp; ThS. Lê Toàn Thắng; ThS. Trần Thị Trung; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Lê Thị Thanh Nga - Hà Nội - Vụ Công nghiệp, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Luận giải cơ sở khoa học về hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp. Phân tích, đánh giá thực trạng về hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp

Số hồ sơ lưu: 19023

80471.03-2022 Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, giải pháp về tiêu chuẩn, chất lượng và năng suất để nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/ ThS. Nguyễn Quỳnh Anh, TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Minh Nga; CN. Nguyễn Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga; ThS. Đoàn Trung Thành; ThS. Nguyễn Thị Bích Phương; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Trần Đức Phước; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định những yêu cầu đặt ra cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) về tiêu chuẩn chất lượng và năng suất khi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có hiệu lực. Tiến hành đánh giá tổng quan chính sách chủ yếu hiện hành đối với DNNVV trong lĩnh vực tiêu chuẩn, chất lượng và năng suất, đồng thời đánh giá tổng quan những khó khăn, vướng mắc của DNNVV trong việc áp dụng tiêu chuẩn, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nói chung, trong bối cảnh tuân thủ Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nói riêng. Qua đó, đề xuất hoàn thiện chính sách, quy định về DNNVV khi áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao năng suất và chất lượng nói chung, đáp ứng yêu cầu mới của Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 19020

80479.03-2022 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa các ngành sản xuất chủ lực tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trong bối cảnh mới/ TS. Phạm Ngọc Hải, ThS. Trương Thị Quỳnh Vân; KS. Đỗ Thị Bích Thủy; KS. Lê Anh Tú; KS. Nguyễn Kiều Ly; KS. Trần Thanh Hằng; CN. Ngô Mai Hương; TS. Đinh Công Hoàng; TS. Trần Thị Bảo Khanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá các ngành sản xuất chủ lực tại Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng

thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa một số ngành sản xuất chủ lực tại Việt Nam. Qua đó đề xuất định hướng phát triển và các giải pháp và chính sách đẩy mạnh quá trình Công nghiệp hoá-Hiện đại hoá các ngành sản xuất chủ lực tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19029

80786.03-2022 **Dự báo xu thế hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2020-2030/** TS. Phạm Anh Tuấn, TS. Nguyễn Thị Thúy ; ThS. Bùi Ngọc Sơn; TS. Lê Thị Ái Lâm ; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; ThS. Vũ Nhật Quang; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Hoàng Lan Hương - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về hội nhập kinh tế quốc tế, tìm hiểu các quan điểm lý thuyết mới của thế giới về xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Tiến hành phân tích các đặc điểm, động thái nổi bật của hội nhập kinh tế quốc tế trong hai thập kỷ đầu thế kỷ 21, đồng thời, tiến hành dự báo những đặc điểm, xu hướng tiến triển của hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn 2020-2030. Từ những kết quả trên rút ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19159

80796.03-2022 **Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển ở Việt Nam/** TS. Đặng Xuân Thanh,

GS.TS. Nguyễn Quang Thuán; TS. Nguyễn Thắng; TS. Nguyễn Cao Đức; TS. Trần Ngô Thị Minh Tâm; TS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; PGS.TS. Trần Minh Tuấn; ThS. Phạm Văn Hải; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; CN. Nguyễn Thị Hải Oanh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021 - 11/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm chuyển đổi số ở trên thế giới nói chung và kinh nghiệm của Singapore nói riêng. Đánh giá những cơ hội và thách thức mà quá trình chuyển đổi số mang lại đối với quản trị Nhà nước và phát triển doanh nghiệp ở Việt Nam. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số của các tổ chức là đơn vị cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tại Việt Nam và các rào cản đối với quá trình này. Qua đó, đề xuất các giải pháp để giúp các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt cơ hội, vượt lên thách thức gắn với quá trình chuyển đổi số trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghệ đang tăng tốc.

Số hồ sơ lưu: 19160

81123.03-2022 **Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình tổng thể cho hoạt động cải tiến năng suất và quản lý chất lượng đối với các doanh nghiệp ngành Dệt may, Nhựa, Cơ khí và Hóa chất/** ThS. Nguyễn Thị Lê Hoa, PGS.TS. Tăng Văn Khiên; CN. Nguyễn Huy Đoàn; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thu Hiền; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Cao Hoàng Long;

ThS. Nguyễn Thanh Hải; CN. Nguyễn Tuyết Trinh; CN. Vũ Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Duy Dũng; CN. Vũ Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; CN. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Lưu Cẩm Tú; CN. Lê Xuân Biên; CN. Hoàng Văn Huy; CN. Trần Thanh Lan; CN. Trần Thị Thanh Nga; TS. Nguyễn Thế Anh; PGS.TS. Phạm Hồng - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2021 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình tổng thể cho hoạt động cải tiến năng suất và quản lý chất lượng cho các doanh nghiệp ngành Dệt may, Nhựa, Cơ khí và Hóa chất. Áp dụng thí điểm tại 09 doanh nghiệp thuộc ngành Dệt may, Nhựa, Cơ khí và Hóa chất làm cơ sở hoàn thiện phương pháp và đề xuất phương án triển khai nhân rộng trong ngành công nghiệp. Phổ biến mô hình, chia sẻ các kết quả và kinh nghiệm thúc đẩy hoạt động cải tiến năng suất, chất lượng cho các doanh nghiệp thuộc 04 ngành Dệt may, Nhựa, Cơ khí và Hóa chất và doanh nghiệp ngành công nghiệp nói chung.

Số hồ sơ lưu: 19320

50202. Kinh doanh và quản lý

81279.03-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể "Chuối khô Trần Hợi" và "Bánh phồng tôm Mũi Cà Mau"**/ KS. Dương Thué Duy, KS. Dương Thué Duy; KS. Quách Văn Rinl; KS. Trần Thanh Hải; KS. Lê Ngọc Lâm - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau, 2019 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 02 NHTT “Chuối khô Trần Hợi” và “Bánh phồng tôm Mũi Cà Mau” được bảo hộ, cấp giấy chứng nhận; - Xây dựng hoàn thiện và ban hành 02 Quy chế quản lý và sử dụng NHTT cho Hội Nông dân; Xây dựng hoàn thiện và thống nhất áp dụng 02 quy trình sản xuất để ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và gia tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm mang nhãn hiệu, đem lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất; Áp dụng thí điểm thành công việc quản lý và sử dụng 02 NHTT tại các tổ chức, cá nhân được chọn lựa.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-011

74259.03-2022 **Các giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội để chủ động tham gia các hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết.**/ TS. Nguyễn Thị Hồng Vân, TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Hoàng Đình Minh; PGS.TS. Đoàn Minh Huân; PGS.TS. Hoàng Văn Hoan; PGS.TS. Trần Anh Tài; PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Lê; PGS.TS. Nguyễn Vũ Hoàng; TS. Trần Hoàng Long; TS. Hoàng Anh Hoàng; ThS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Nguyễn Văn Lâm; ThS. Lê Thị Phụng; ThS. Dương Thị Thúy Hằng; ThS. Trịnh Thị Thu Hiền; ThS. Trịnh Thị Hồng Yến; CN. Lâm Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Đình Chương; ThS. Tống Minh Hương; ThS. Đặng Thị Hồng Hoa. - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2018 - 09/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích cơ sở khoa học về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, các yếu tố tác động và yêu cầu đặt ra khi Việt Nam chủ động thực các Hiệp định thương mại đã ký kết. Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội; những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội thời gian qua so với yêu cầu chủ động thực hiện các Hiệp định thương mại đã ký kết. Đề xuất giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội để các doanh nghiệp có thể chủ động tham gia các FTA đã ký kết.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-40/ĐK-TTTT&TK

75743.03-2022 **Một số giải pháp quản lý đối với các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ qua các trang mạng xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025/** TS. Phạm Văn Tuấn, TS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Trần Thị Phương Lan; PGS TS. Vũ Huy Thông; GS.TS. Trần Minh Đạo; PGS.TS. Trương Đình Chiến; TS. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Bùi Thị Hồng Chinh; ThS. Nguyễn Thái Hà; ThS. Trần Thị Việt Hà; ThS. Dương Thị Hoa; ThS. Phạm Thị Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về việc quản lý kinh doanh qua MXH. Nhận thức, thái độ, hành vi của người tiêu dùng (NTD) trên MXH. Thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ qua MXH trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đồng thời tìm hiểu nhận thức

và thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh này. Thực trạng ứng dụng MXH trong kinh doanh của cá nhân, DN kinh doanh qua MXH. Thực trạng phát triển và xu hướng sử dụng MXH. Phân tích thực trạng công tác QLNN; hạ tầng kỹ thuật và trình độ cán bộ nhân viên trong các cơ quan QLNN. Một số giải pháp quản lý và thúc đẩy hoạt động kinh doanh qua MXH trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI- 2019 -23/ĐK-TTTT&TK

80795.03-2022 **Nghiên cứu áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế trong quản lý tài sản công ở Việt Nam/** PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng, ThS. Hy Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Hồng Chinh; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; ThS. Ngô Thị Thùy Quyên; Nguyễn Quang Hiền; TS. Chu Thị Thủy Chung; ThS. Mai Thị Bích Ngọc; PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng; ThS. Toán Thị Ngoan - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 10/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, nghiên cứu kinh nghiệm về áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế trong quản lý tài sản công ở một số nước trên thế giới. Tìm hiểu thực trạng quản lý và kế toán tài sản công trong đơn vị hành chính sự nghiệp tại Việt Nam, đánh giá sự tương đồng và khác biệt giữa chuẩn mực kế toán công quốc tế và hệ thống kế toán công ở Việt Nam trong quản lý tài sản công. Từ đó, đưa ra các giải pháp áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế

trong quản lý tài sản công ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19154

80856.03-2022 **Mở rộng cơ sở thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới/** ThS. Nguyễn Chiến Thắng, ThS. Lê Thị Phương Thúy; ThS. Hoàng Thị Lan Anh; ThS. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Tiến Kiên; ThS. Đinh Công Hiếu; ThS. Bạch Thu Hiền; ThS. Vũ Thị Mai Anh; CN. Vũ Thúy Quỳnh; CN. Nguyễn Vân Quỳnh - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2021 - 10/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận chung về mở rộng cơ sở thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới. Tìm hiểu, đánh giá thực trạng pháp luật về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới và kinh nghiệm quốc tế, qua đó đưa ra các giải pháp mở rộng cơ sở thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới.

Số hồ sơ lưu: 19177

81765.03-2022 **Giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Hòa Bình/** TS. Hồ Ngọc Ninh, TS. Tô Thế Nguyên; PGS.TS Trần Đình Thao; ThS. Lại Phương Thảo; ThS. Trương Thị Cẩm Anh; ThS. Trần Tuấn Sơn; TS. Trịnh Quang Thoại; ThS. Trần Hương Giang; ThS. Bùi Đức Hình; ThS. Lại Mạnh Tuấn - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 04/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm về giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; Đánh giá thực trạng thực hiện các giải pháp và kết quả thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2017; Phân tích những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Hòa Bình; Đề xuất định hướng và hoàn thiện chính sách, hệ thống giải pháp nhằm tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Hòa Bình trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: HBH-006-2021

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

73918.03-2022 **Nâng cao năng lực làm kinh tế hộ gia đình cho lao động nữ tại các làng nghề truyền thống trên địa bàn Hà Nội./** TS. Lê Thị Ngọc Thúy, TS. Lê Thị Ngọc Thúy; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; GS.TS. Lê Duy Hợp; PGS.TS. Nguyễn Thành Vinh; TS. Cao Thúy Xiêm; TS. Tôn Gia Hóa; TS. Hoàng Gia Trang; TS. Trần Bội Lan; TS. Cao Xuân Liễu; TS. Trương Thị Thúy Hằng; ThS. Phùng Lý Hằng; TS. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh; TS. Đào Thu Vịnh. - Hà Nội - Hội Nữ Trí thức Hà Nội, 2016 - 01/2015 - 06/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực làm kinh tế hộ gia đình của các lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội; Đánh giá thực trạng

năng lực làm kinh tế hộ gia đình của lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội; Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao năng lực làm kinh tế hộ gia đình cho lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-24/QĐ-TTTT&TK

81199.03-2022 **Đo lường thất thoát vốn của nền kinh tế và hàm ý chính sách để nâng cao chất lượng tăng trưởng của Việt Nam/** Bùi Bảo Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Lý Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Hà Linh; ThS. Đinh Thị Hào; ThS. Hạ Thu Thủy - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, 2019 - 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tài liệu nghiên cứu và cơ sở lý luận về thất thoát vốn, phương pháp đo lường thất thoát vốn và mối tương quan giữa thất thoát vốn và tăng trưởng kinh tế. Tình hình thực hiện các chính sách kiểm soát thất thoát vốn của Việt Nam. Lựa chọn phương pháp, ước lượng thất thoát vốn của Việt Nam và phân tích thực trạng thất thoát vốn trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng chống thất thoát vốn của nền kinh tế. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài sẽ đưa ra một số giải pháp, kiến nghị kiểm soát thất thoát vốn nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

Số hồ sơ lưu: HNI 014/2019

81288.03-2022 **Ứng dụng phương pháp phân tích nhân tố**

xây dựng chỉ số Điều kiện tài chính của nền kinh tế phục vụ công tác cảnh báo sớm kinh tế tại Việt Nam hiện nay/ Đinh Thị Hào, ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Lê Tất Phương; ThS. Bùi Bảo Ngọc; ThS. Hoàng Thị Minh Hà; ThS. Đỗ Văn Lâm; CN. Chu Thị Như Quỳnh - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, 2019 - 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về chỉ số Điều kiện tài chính của nền kinh tế (FCI - Financial Conditions Index) và vai trò của nó trong dự báo, cảnh báo sớm kinh tế. Các phương pháp xây dựng chỉ số Điều kiện tài chính và kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng và sử dụng các phương pháp xây dựng chỉ số Điều kiện tài chính. Ứng dụng phương pháp Phân tích nhân tố (FA/PCA) để xây dựng chỉ số FCI cho nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Sử dụng chỉ số FCI xây dựng được để “dẫn báo”, cảnh báo sớm tình trạng của nền kinh tế. Các kết luận và kiến nghị liên quan đến việc ứng dụng phương pháp Phân tích nhân tố trong xây dựng chỉ số FCI và khả năng sử dụng chỉ số FCI trong công tác dự báo, cảnh báo sớm kinh tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HNI 016/2019

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

72718.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng thiết kế một số thí nghiệm ảo trong dạy học môn Sinh học THCS ở Hà nội đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục/** TS. Ngô Văn

Hung, NCV. Nguyễn Tất Thắng; PGS.TS. Dương Tiến Sỹ; ThS. Phạm Hữu Hoan; TS. Vương Huy Thọ; ThS. Nguyễn Thị Quyên; ThS. Đỗ Thành Trung; CN. Trần Tuấn Anh; ThS. Khuất Thị Thắm - Hà Nội - Viện phát triển công nghệ giáo dục, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề xuất được các nguyên tắc, quy trình dạy học sử dụng thí nghiệm ảo trong dạy học môn Sinh học cấp Trung học Cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng học thực hành cho học sinh. Làm rõ mối quan hệ của thí nghiệm ảo trong dạy môn sinh học với phát triển năng lực, nhân cách của học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội. Phân tích thực trạng sử dụng thí nghiệm ảo đang sử dụng tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Xây dựng thiết kế 21 thí nghiệm ảo trong dạy học môn Sinh học từ lớp 6 đến lớp 9 cấp Trung học Cơ sở trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-03/ĐK-TTTT&TK

72735.03-2022 Đánh giá thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên cao đẳng, đại học của Hà Nội/ PGS.TS. Vũ Công Hào, PGS.TS. Bùi Văn Quân; TS. Phạm Ngọc Sơn; TS. Bùi Thị Thanh Hương; TS. Đỗ Ngọc Chung; ThS. Lê Thị Hiền ; ThS. Nguyễn Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Huyền Chang - Hà Nội - Trường Đại học Thủ đô, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận về đời sống tinh thần; khái niệm , khung chuẩn

giá trị niềm tin, hành vi của sinh viên. Tập trung đánh giá thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên, nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên cao đẳng, đại học của Hà Nội. Đề xuất và khảo nghiệm một số giải pháp tại một số trường Cao đẳng, Đại học của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-10/ĐK-TTTT&TK

73624.03-2022 Xây dựng mô hình trường học chất lượng cao của Hà Nội trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục./ TS. Vũ Thúy Anh, TS. Bùi Thị Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Thành Công; GS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; TS. Trần Hữu Hoan; TS. Phạm Văn Thuận; CN. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Phạm Hữu Loan; ThS. Vũ Hồng Loan; CN. Nguyễn Trung Đạo - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2017 - 06/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng và nhu cầu của xã hội về trường chất lượng cao của Hà Nội hiện nay trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Xây dựng mô hình trường học chất lượng cao của Hà Nội và thử nghiệm thực tiễn tại trường trung học cơ sở 01 quận, 1 huyện của Hà Nội. Đề xuất các giải pháp triển khai rộng rãi và hiệu quả mô hình trường chất lượng cao trên địa bàn Hà Nội,

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-07/ĐK-TTTT&TK

73650.03-2022 Các giải pháp thu hút học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa

bàn Hà Nội vào học nghề nhằm góp phần cân đối nguồn nhân lực./ TS. Phạm Xuân Khánh, TS. Phạm Xuân Khánh; ThS. Khuất Văn Thành; ThS. Nguyễn Thị Loan; TS. Trần Xuân Ngọc; TS. Ngô Mạnh Tiến; ThS. Trần Thị Minh Trâm; CN. Phạm Thị Thanh Hà; ThS. Hà Đình Thùy; ThS. Nguyễn Thị Vân; CN. Nguyễn Trọng Tùng. - Hà Nội - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về các giải pháp thu hút học sinh sau THCS, THPT vào học nghề. Đánh giá thực trạng công tác thu hút học sinh THCS, THPT vào học nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Xây dựng và thử nghiệm mô hình đào tạo thí điểm tại trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội. Đề xuất giải pháp thu hút học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội vào học nghề.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-05/ĐK-TTTT&TK

73774.03-2022 Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông Hà Nội theo định hướng phát triển năng lực thực hiện, phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau 2015./ ThS. Dương Thị Thúy Hà, PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Kim Dung; TS. Lê Mỹ Dung; TS. Lục Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Dương Thị Thúy Hà; ThS. Nguyễn Hoàng Đoàn Huy; ThS. Vũ Thị Hồng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Sư phạm, 2017 -

01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng chương trình để bồi dưỡng năng lực chủ nhiệm lớp cho đội ngũ giáo viên cấp THCS và THPT ở Hà Nội theo định hướng phát triển năng lực thực hiện đổi mới giáo dục sau 2015. Tổ chức thực nghiệm và đánh giá kết quả, hoàn thiện nội dung chương trình bồi dưỡng. Đề xuất một số giải pháp ứng dụng, chương trình bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-03/ĐK-TTTT&TK

73929.03-2022 Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng Hà Nội học ở trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (nay là Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)./ PGS.TS. Phạm Quốc Sử, PGS.TS. Phạm Quốc Sử; ThS. Nguyễn Huyền Chang; TS. Trịnh Ngọc Ánh; TS. Phạm Hồng Toàn; PGS.TS. Triệu Thế Việt; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa; TS. Đỗ Hồng Cường; TS. Trần Văn Anh; TS. Lê Thị Thu Hương; PGS.TS. Trần Thúy Anh - Hà Nội - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2017 - 09/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở lý luận của chương trình đào tạo, bồi dưỡng Hà Nội học ở trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (nay là Đại học Thủ đô Hà Nội)

Đánh giá thực trạng của việc giảng dạy Hà Nội học trong hệ thống các trường THCS của Hà Nội. Xây dựng chương trình triển khai và đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện thành công việc đào tạo, bồi dưỡng Hà Nội

học (trình độ cao đẳng) tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-06/ĐK-TTTT&TK

80484.03-2022 **Cơ sở khoa học của quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam/ PGS.TS. Hoàng Minh Sơn, PGS.TS. Hoàng Minh Sơn; GS.TS. Vũ Văn Yên; TS. Nguyễn Danh Nguyên; TS. Đặng Văn Huân; PGS.TS. Thái Thế Hùng; PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hải; PGS.TS. Phạm Văn Quyết; PGS.TS. Nguyễn Phú Khánh; TS. Đào Hiền Chi; TS. Lê Đình Nghị - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu bối cảnh kinh tế, giáo dục, chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới trong mối tương quan với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục GDDH Việt Nam; Nghiên cứu cơ sở thực tiễn trong và ngoài nước cho quy hoạch mạng lưới các CSGDDH Việt Nam; Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và xu hướng quốc tế trong quy hoạch mạng lưới các CSGDDH; Nghiên cứu đánh giá thực trạng mạng lưới các CSGDDH ở Việt Nam hiện nay. Để có cơ sở xây dựng các nhóm giải pháp về cơ chế chính sách để quản lý và thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDDH, cần phải nghiên cứu đánh giá thực trạng mạng lưới các CSGDDH ở nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới. Nghiên cứu, khảo sát hiện trạng, đánh giá năng lực, quy mô, chất lượng đào tạo của hệ thống các trường đại học.; Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu từ 1 đến 4, nhóm sẽ tập trung nghiên

cứu đề xuất bản demo quy hoạch, xây dựng các giải pháp về cơ chế chính sách để quản lý và thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDDH giai đoạn 2021- 2030, định hướng 2035.

Số hồ sơ lưu: 19036

80846.03-2022 **Xây dựng Chương trình đào tạo kỹ thuật Đo trường dòng xoay chiều bậc II cho kiểm tra mỗi hàn phù hợp với yêu cầu của tài liệu số SNT-TC-1A của Hiệp hội kiểm tra không phá hủy Hoa Kỳ/ CN. Lê Đức Thịnh, KS. Võ Thế Lữ; CN. Nguyễn Văn Duy; KS. Vũ Đức Vinh; CN.Ngô Thị Kiều Oanh - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Khảo sát và đánh giá một cách có hệ thống nhu cầu cần đào tạo và chứng nhận trình độ cho các đối tượng sử dụng kỹ thuật đo trường dòng xoay chiều (ACFM) tại một số đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy (NDT), nhất là các công ty hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và năng lượng. Thu thập, hệ thống hóa các tài liệu phục vụ cho xây dựng chương trình đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo, tài liệu đào tạo dưới dạng bài giảng trình chiếu, ngân hàng câu hỏi ôn tập, bài thi đánh giá lý thuyết và thực hành cho trình độ bậc II phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Tiến hành thiết kế, chế tạo 02 mẫu đối chứng theo tiêu chuẩn ASTM E2261/2261M và ASME V Article 15, đồng thời cho áp dụng thử nghiệm chương trình đào tạo ACFM cho các cán bộ Trung

tâm NDE và Trường cao đẳng Dầu khí (PVMTC).

Số hồ sơ lưu: 19175

80855.03-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tiến sỹ thông qua mô hình nhóm nghiên cứu ở Việt Nam/ GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức, TS. Vũ Thị Thùy Anh; GS.TS. Nguyễn Thái Chung; PGS.TS. Trần Quốc Bình; PGS.TS. Đào Thanh Trường; TS. Trần Thị Hoài; PGS.TS. Bạch Long Giang; TS. Trần Quốc Quân; TS. Nguyễn Bá Ngọc; TS. Phạm Hùng Hiệp - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng quan tình hình và các nhân tố chủ yếu tác động đến đào tạo tiến sỹ ở Việt Nam hiện nay. Tìm hiểu các luận cứ khoa học, thực tiễn xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu trong trường đại học. Đồng thời, tìm hiểu thực trạng các nhóm nghiên cứu và nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu trong các trường đại học hiện nay. Tiến hành phân loại và tiêu chí, mô hình hoạt động của các nhóm để từ đó đưa ra các chính sách, giải pháp phát triển các nhóm nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sỹ thông qua các nhóm nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19174

81111.03-2022 **Đề xuất giải pháp phát triển đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp/ TS. Nguyễn Thanh Tùng, ThS. Trần Thị Cẩm Tú; PGS.TS. Cao Hùng Phi; ThS. Trần Anh Tuấn; TS. Phan Anh**

Cang; TS. Lê Hồng Kỳ; ThS. Nguyễn Duy Phúc; ThS. Trần Hồ Đạt; ThS. Đoàn Ngọc Tố; ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng - Vĩnh Long - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định cơ sở lý luận về dạy học trực tuyến theo tiếp cận tương tác. Thiết kế khóa học và tổ chức dạy học trực tuyến, áp dụng các quy chế, quy định đào tạo đối với các học phần của khoa Công nghệ Thông tin, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long và vận dụng cụ thể với học phần “An toàn hệ thống và An ninh mạng”. Tổ chức xây dựng và triển khai đào tạo trực tuyến học phần “An toàn hệ thống và An ninh mạng” tại khoa Công nghệ Thông tin, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long và đánh giá kết quả đạt được.

Số hồ sơ lưu: 19315

81772.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong các trường Đại học và đề xuất cơ chế chính sách./ ThS. Huỳnh Kim Tước, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN, 2020 - 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thông qua nghiên cứu cách thức, chính sách thương mại hóa KQNC của các nước, phân tích và đề xuất mô hình phù hợp cho các đại học. Xem xét cơ sở lý thuyết, khái niệm và tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước; Phân tích kinh nghiệm thương mại hóa KQNC của 4 quốc gia và 4 mô hình tổ chức

thương mại hóa KQNC; Xây dựng bảng hỏi, phỏng vấn và tiến hành khảo sát tại các trường Đại học. Phân tích thực trạng tổ chức thương mại hóa KQNC và phân tích cơ chế vận hành của tổ chức tại các trường ĐH tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất mô hình và chính sách tổ chức thương mại hóa KQNC trong các Trường Đại học.

Số hồ sơ lưu: HCM-028-2021

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

72882.03-2022 **Biện pháp phát triển năng lực giáo dục cho cha mẹ học sinh THCS một số quận nội thành Hà Nội/** TS. Vũ Thị Khánh Linh, PGS.TS. Lê Minh Nguyệt; PGS.TS. Phan Trọng Ngo; PGS.TS. Nguyễn Dục Quang; PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Trương Thị Bích; ThS. Trương Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được khung lí luận về giáo dục con trong gia đình theo khoa học. Đánh giá thực trạng năng lực giáo dục con theo khoa học của cha mẹ học sinh trung học cơ sở cá quận nội thành Hà Nội, thực trạng các biện pháp đã được triển khai và hiệu quả các biện pháp. Đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm phát triển năng lực giáo dục cho cha mẹ học sinh THCS một số quận nội thành Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-01/ĐK-TTTT&TK

74277.03-2022 **Các giải pháp quản lý nhà nước đối với các**

trường phổ thông dân lập, tư thục tại Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục./ PGS.TS.Trương Thị Bích, PGS.TS. Đinh Quang Báo; PGS.TS Phan Trọng Ngo; TS. Phạm Kim Anh; ThS. Hà Thị Lan Phương; ThS. Phạm Quang Huân; ThS. Trần Thị Yến; CN. Vũ Thị Lệ Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Sư phạm, 2018 - 09/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về các trường phổ thông dân lập, tư thục (khái niệm, mô hình quản lý của các trường, về quản lý nhà nước đối với các trường dân lập, tư thục. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với một số trường phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp quản lý nhà nước đối với các trường phổ thông dân lập, tư thục tại Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-52/ĐK-TTTT&TK

81339.03-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình dạy thí nghiệm thực hành nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi môn Sinh học cấp Trung học Phổ thông tỉnh Phú Thọ./** ThS. Cù Huy Quảng, TS. Triệu Anh Trung; TS. Đỗ Đức Quế; ThS. Lê Thị Việt An; ThS. Nguyễn Thu Hằng; CN. Nguyễn Duy Khánh; CN. Phùng Kiên Cường; ThS. Vũ Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Thu Nga; ThS. Trần Minh Khoa - Phú Thọ - Trường Trung học Phổ thông Chuyên Hùng Vương, 2019 - 05/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát tại các trường trung học phổ thông của 06 huyện,

thành, thị đại diện cho vùng miền của tỉnh Phú Thọ. Từ đó, tổng hợp và phân tích số liệu, tư liệu điều tra, tiến hành xây dựng quy trình dạy thí nghiệm thực hành môn Sinh học cấp trung học phổ thông nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên bộ môn Sinh học cấp trung học phổ thông Phú Thọ. Nghiên cứu xây dựng các chuyên đề thí nghiệm thực hành môn Sinh học cấp trung học phổ thông tỉnh Phú Thọ và tổ chức thực nghiệm tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: PTO-004-2021

50401. Xã hội học nói chung

74247.03-2022 **Giải pháp thu hút, sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Hà Nội.**/ TS. Nguyễn Duy Phong, TS. Nguyễn Duy Phong; TS. Trần Xuân Việt; TS. Nguyễn Minh Phong; TS. Nguyễn Văn Hoạt; TS. Võ Thị Vân Khánh; PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng; TS. Nguyễn Duy Đăng; TS. Nguyễn Phú Thế; ThS. Lê Thiết Cương; ThS. Phạm Văn Châm; ThS. Nguyễn Hữu Hoàng; CN. Nguyễn Thu Hà; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; CN. Vũ Như Hoa; CN. Đỗ Diệu Linh. - Hà Nội - Sở Tài chính Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề cơ bản về thu hút, sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới. Thực trạng thu hút, sử dụng nguồn nhân lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2016. Bối cảnh, quan điểm và các

giải pháp thu hút và sử dụng nguồn nhân lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn đến năm 2025 và định hướng 2030. Đề xuất một số giải pháp với Trung ương, Thành phố, các huyện, thị xã, các xã.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-19/ĐK-TTTT&TK

80816.03-2022 **Vấn đề hiệu ứng đám đông trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay**/ PGS.TS. Nguyễn Mạnh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Lược; PGS.TS. Trịnh Thị Linh; GS.TS. Trần Thị Minh Đức; PGS.TS. Lã Thị Thu Thủy; PGS.TS. Lê Hữu Anh; PGS.TS. Đào Thanh Trường; PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh; PGS.TS. Lưu Trang - Hà Nội - Viện Chính sách và Quản lý, 2021 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề hiệu ứng đám đông trong quản lý phát triển xã hội (QLPTXH). Phân tích và đánh giá thực trạng, tác động của hiệu ứng đám đông trong QLPTXH ở nước ta hiện nay, đồng thời phân tích đánh giá các thiết chế quản lý đám đông, hiệu ứng đám đông trong QLPTXH. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý đám đông biểu tình, hiệu ứng đám đông ở một số quốc gia trên thế giới. Dự báo xu hướng của đám đông, hiệu ứng đám đông trong QLPTXH, từ đó đề xuất giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý phát triển xã hội dưới tác động của hiệu ứng đám đông vì sự ổn định và phát triển bền vững đất nước đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19153

80844.03-2022 **Sinh kế của cộng đồng cư dân ven biển dưới tác động của tái định cư khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi/** TS. Đinh Như Hoài, TS. Lê Xuân Thông; TS. Mai Thanh Sơn; TS. Phan Thị Hoàn; TS. Ngô Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Hoàng Yên; TS. Trung Thị Thu Thủy; TS. Phạm Văn Hồ; TS. Vũ Đức Quảng; TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Võ Thị Kiều Trang; TS. Chu Quang Cường - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng và các yếu tố tác động của tái định cư ở khu kinh tế Dung Quất đến các cộng đồng cư dân sinh sống ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời tìm hiểu những thay đổi về sinh kế của một số cộng đồng cư dân ven biển như là một thách thức trong ứng phó với môi trường cộng sinh mới - không gian tái định cư. Từ đó, đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm phát triển sinh kế bền vững đối với cộng đồng cư dân ven biển khi tái định cư khu kinh tế Dung Quất trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19176

50402. Nhân khẩu học

81200.03-2022 **Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Nam/** TS. Tạ Thị Hoàng Vân, - Quảng Nam - Viện kiến trúc quốc gia, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhận diện đặc điểm cấu trúc và sự chuyển biến cấu trúc làng miền

núi tỉnh Quảng Nam. Đánh giá thực trạng việc triển khai các quy hoạch trong chương trình nông thôn mới và bước đầu thực hiện dự án sắp xếp dân cư ở các tỉnh miền núi tỉnh Quảng Nam. Đề xuất bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị truyền thống bản địa đối với các điểm dân cư truyền thống nhằm phát huy hiệu quả của mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới. Đề xuất mô hình quy hoạch và khai thác phát huy giá trị văn hóa đặc trưng đối với điểm sắp xếp cư dân tập trung mới các tỉnh miền núi ở Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-005

50404. Dân tộc học

80353.03-2022 **Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững ở dân tộc Chăm hiện nay/** TS. Phú Văn Hãn, TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; PGS.TS. Thành Phần; PGS.TS. Trần Hồng Liên; PGS.TS. Bùi Đức Hùng; TS. Nguyễn Quốc Tuấn; TS. Võ Công Nguyên; PGS.TS. Huỳnh Ngọc Thu; TS. Trần Hữu Hợp; PGS.TS. Lâm Nhân; PGS.TS. Hoàng Quốc; TS. Phan Văn Dốp; TS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Trương Quang Đạt; ThS. Hán Thị Thanh Lan; CN. Nguyễn Thị Nguyệt - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2021 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách phát triển kinh tế - xã hội đến các mặt cơ bản và những thách thức đặt ra trong đời sống xã hội đối với cộng đồng dân tộc Chăm từ năm 1986 đến nay.

Nghiên cứu làm rõ những vấn đề cơ bản của cộng đồng dân tộc Chăm hiện nay - làm rõ những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, dự báo những vấn đề đặt ra, những vấn đề nảy sinh, các động thái mới ở dân tộc Chăm trong phát triển. Từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách để bảo đảm sự phát triển bền vững ở dân tộc Chăm ở Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19017

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

73918.03-2022 **Nâng cao năng lực làm kinh tế hộ gia đình cho lao động nữ tại các làng nghề truyền thống trên địa bàn Hà Nội.**/ TS. Lê Thị Ngọc Thúy, TS. Lê Thị Ngọc Thúy; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; GS.TS. Lê Duy Hợp; PGS.TS. Nguyễn Thành Vinh; TS. Cao Thúy Xiêm; TS. Tôn Gia Hóa; TS. Hoàng Gia Trang; TS. Trần Bội Lan; TS. Cao Xuân Liễu; TS. Trương Thị Thúy Hằng; ThS. Phùng Lý Hằng; TS. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh; TS. Đào Thu Vịnh. - Hà Nội - Hội Nữ Trí thức Hà Nội, 2016 - 01/2015 - 06/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực làm kinh tế hộ gia đình của các lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội; Đánh giá thực trạng năng lực làm kinh tế hộ gia đình của lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội; Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng

cao năng lực làm kinh tế hộ gia đình cho lao động nữ làm nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-24/QĐ-TTTT&TK

80465.03-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung/** ThS. Đỗ Thị Hằng, ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Trịnh Thị Hải Hà; ThS. Phạm Thị Tuyết; ThS. Trần Nguyễn Thiện; ThS. Bạch Quốc Nam; ThS. Phạm Kim Long; ThS. Đỗ Văn Thành; ThS. Nguyễn Bích Ngọc - Hà Nội - Cục Quản lý công sản, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Phân tích, đánh giá thực trạng quy định và thực hiện quy định quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung ở Việt Nam trong thời gian qua, rút ra những thành công, những hạn chế và nguyên nhân. Qua đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trong hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Số hồ sơ lưu: 19024

80470.03-2022 **Lao động trẻ em ở Nam Phi và Nigeria và gợi ý cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Hằng, ThS. Hoàng Thị Phương; TS. Đỗ Đức Hiệp; TS. Nguyễn Hải Hữu; TS. Trần Mai Trang; Lương Thị Hòa; ThS. Bùi Ngọc Tú; ThS. Vũ Thị

Thanh; ThS. Lê Bích Ngọc; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý liên quan đến lao động trẻ em. Khái quát và đánh giá về luật pháp, chính sách và tình hình lao động trẻ em tại Nam Phi và Nigeria. Tiến hành nghiên cứu về thực trạng cũng như nguyên nhân, hậu quả lao động trẻ em tại Việt Nam và đưa ra những chính sách, luật pháp và một số mô hình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19021

80486.03-2022 **Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa/** PGS.TS. Đào Thị Ái Thi, TS. Chu Thị Khánh Ly; ThS. Dương Thanh Phong; PGS.TS. Hoàng Văn Chức; PGS.TS. Lê Xuân Quế; ThS. Nguyễn Xuân Quỳnh; ThS. Lê Thanh Hà; TS. Nguyễn Thị La; TS. Nguyễn Tiến Đạo; CN. Dương Thanh Phúc; ThS. Đào Thị Hương Trà; TS. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; ThS. Võ Mạnh Hà; TS. Phạm Việt Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Hải - Hà Nội - Viện Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, 2020 - 11/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận, khung lý thuyết của việc đánh giá năng lực cán bộ vùng dân tộc thiểu số (DTTS); Đánh giá thực trạng, nhận diện vấn đề năng lực đội ngũ cán bộ vùng DTTS trong bối cảnh hội nhập

quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa và rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn ở một số quốc gia trên thế giới; Làm rõ yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với việc nâng cao năng lực cán bộ vùng DTTS; Xây dựng bộ khung năng lực cán bộ vùng DTTS theo vị trí việc làm; Kiến nghị hệ thống giải pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ vùng DTTS.

Số hồ sơ lưu: 19034

80517.03-2022 **Ứng xử của người Việt Nam hiện nay trong các không gian công cộng/** PGS.TS. Trịnh Văn Tùng, TS. Bùi Văn Tuấn; TS. Mai Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa; PGS.TS. Bùi Hoài Sơn; PGS.TS. Hoàng Thu Hương; TS. Đặng Kim Khánh Ly; PGS.TS. Lê Văn Lợi; PGS.TS. Nguyễn Đức Vinh; PGS.TS. Phạm Hương Trà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu về ứng xử của con người Việt Nam trong không gian công cộng (KGCC), bao gồm việc thao tác hóa các khái niệm công cụ chính, lựa chọn các cách tiếp cận lý thuyết và xây dựng lược đồ phân tích để thực hiện đề tài. Mô tả, đánh giá và phân tích nhận thức của con người Việt Nam về KGCC, thực trạng ứng xử của họ trong KGCC và chỉ ra vai trò của các không gian này trong đời sống xã hội hiện nay. Lý giải các nguyên nhân dẫn đến những ứng xử chưa chuẩn mực của con người Việt Nam hiện nay trong

KGCC. Đánh giá và phân tích mức độ kỳ vọng của người dân về vai trò của KGCC và mức độ đáp ứng những kỳ vọng ấy của KGCC hiện nay. Từ các kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cơ bản (trong đó có dự thảo bộ quy tắc ứng xử) để phát huy những ứng xử phù hợp và điều chỉnh những ứng xử chưa phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, làm cho văn hóa trở thành mục tiêu và động lực, góp phần sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 19049

80845.03-2022 **Nghiên cứu mô hình của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật hiện nay/** ThS. Nguyễn Tuấn Dũng, ThS. Trần Thị Thu Ngân; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Đặng Văn Nhân; TS. Võ Khánh Linh; CN. Đặng Bá Cường; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Đàm Khắc Cừ; ThS. Bùi Đình Cầu; ThS. Đặng Quang Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tái hòa nhập cộng đồng cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu, đánh giá thực tiễn mô hình tái hòa nhập cộng đồng cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho các mô hình tái hòa nhập cộng đồng cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: 19168

80882.03-2022 **Điều tra đánh giá tác động xã hội của một số chính sách phát triển thanh niên đề xuất trong Luật Thanh niên (sửa đổi)/** TS. Đỗ Thị Thu Hằng, ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; ThS. Đặng Văn Nhân; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Đỗ Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Bùi Diễm Hương; ThS. Lưu Thị Thuận; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về đánh giá tác động xã hội về chính sách phát triển thanh niên. Đánh giá tác động xã hội về một số chính sách phát triển thanh niên trong Luật thanh niên sửa đổi. Đề xuất, khuyến nghị chính sách phát triển thanh niên trong Luật Thanh niên sửa đổi.

Số hồ sơ lưu: 19198

81076.03-2022 **Những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi/** PGS.TS. Trần Đức Hiệp, PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Khánh; PGS.TS. Trần Trung; PGS.TS. Bùi Văn Đạo; TS. Phí Hùng Cường; TS. Nguyễn Thế Kiên; TS. Hoàng Khắc Lịch; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Hà Quang Khuê; ThS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Phạm Quang Minh; ThS. Tạ Văn Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai của vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu chính sách giải quyết đất đai của một số nước trong khu vực và trên thế giới từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá hiệu quả và tác động của luật pháp, chính sách đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1986 đến nay. Nhận diện những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay, từ đó dự báo xu hướng của những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian tới. Đề xuất giải pháp hoàn thiện luật pháp, chính sách về đất đai nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách về đất đai vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19302

81081.03-2022 **Nghiên cứu các yếu tố đảm bảo thực hiện chính sách đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp/** ThS. Vũ Thị Bích Thảo, TS. Phan Thanh Nguyệt; CN. Vũ Long Khánh; ThS. Trần Thị Thu Ngân; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; TS. Bùi Phương Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Vũ Thị Thu Hằng; CN. Đỗ Tiến Dũng; ThS. Vũ Thị Thúy Vân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng các yếu tố đảm bảo việc thực hiện chính sách đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên làm

việc tại các khu công nghiệp, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp đảm bảo thực hiện chính sách đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19300

81227.03-2022 **Nghiên cứu tình hình xâm hại tình dục ở trẻ em và những yếu tố liên quan tại tỉnh Quảng Nam năm 2013-2017/** Trần Dương Thuận, - Quảng Nam - Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát tình hình xâm hại tình dục ở trẻ em tại tỉnh Quảng Nam trong thời gian từ 2013 đến 2017. Đánh giá nguyên nhân và các yếu tố liên quan đến xâm hại tình dục ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Đề xuất giải pháp nhằm phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em tại tỉnh Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-009

81753.03-2022 **Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/** Bùi Đức Thọ, - Quảng Ngãi - Sở LĐ-TB&XH Quảng Ngãi, 2018 - 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; Xây dựng cơ sở dữ liệu về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: QNI-014-2020

50499. Xã hội học khác

72744.03-2022 **Giải pháp thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2016- 2020, định hướng 2030/** TS. Trần Xuân Ngọc; TS. Trần Xuân Ngọc; TS. Phạm Xuân Khánh; TS. Ngô Mạnh Tiến; TS. Khổng Hữu Lực; TS. Trần Thị Minh Tâm; ThS. Phạm Thị Thanh Hà; ThS. Lê Thế Hưng; ThS. Dương Đăng Khánh; CN Nguyễn Hồng Nhung; CN. Nguyễn Trọng Tùng; CN. Đào Bích Ngọc; ThS. Trương Thị Phương - Hà Nội - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về các giải pháp triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đánh giá thực trạng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030. Thử nghiệm một số giải pháp thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo chất lượng cao tại trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-07/ĐK-TTTT&TK

72792.03-2022 **Phân tích tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp đến sinh kế và phúc lợi của**

các hộ gia đình ở Hà Nội/ PGS.TS. Giang Thanh Long, PGS.TS. Nguyễn Văn Công; TS. Nguyễn Việt Hưng; PGS.TS. Hồ Đình Bảo; TS. Lê Tố Hoa; ThS. Vũ Thị Thanh Huyền; ThS. Đinh Mai Hương; ThS. Phạm Thị Ngọc Quỳnh; ThS. Trần Thị Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Ngọc Đính; ThS. Phạm Minh Thăng; TS. Trần Quang Tuyền; TS. Vũ Văn Hưởng; ThS. Phạm Ngọc Toàn. - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2018 - 07/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ khung lý thuyết về tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp đến sinh kế và phúc lợi của các hộ gia đình; Phân tích, đánh giá tình hình thu hồi đất nông nghiệp ở Hà Nội trong những năm qua; đánh giá tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ đến sinh kế và phúc lợi của các hộ gia đình trên địa bàn Hà Nội. Đề xuất các chính sách, giải pháp, kiến nghị nhằm hạn chế tác động tiêu cực và phát huy tác động tích cực t thu hồi đất nông nghiệp để đảm bảo sinh kế và phúc lợi bền vững cho các hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-21/ĐK-TTTT&TK

74240.03-2022 **Giải pháp thúc đẩy tiến trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Thanh Oai, Hà Nội./** TS. Phùng Thị Hồng Hà, TS. Phùng Thị Hồng Hà; Nguyễn Văn Bông; Lê Thị Hà; Bùi Văn An; Nguyễn Trọng Khiển; Đoàn Việt Tuấn; Phạm Hữu Thủy; Dương Bá Mẫn; Nguyễn Thu Sơn; Bùi Văn Sáng; Lê Văn Ân; Đoàn Việt Dũng;

Tô Thị Thu Hà Dương Bá Mẫn - Hà Nội - Huyện ủy Thanh Oai, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Thanh Oai hiện nay. Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Thanh Oai.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-16/ĐK-TTTT&TK

75834.03-2022 **Hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận cung ứng dịch vụ xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội - thực trạng và giải pháp./** PGS.TS. Đoàn Minh Huân, PGS.TS. Đoàn Minh Huân; PGS.TS. Vũ Văn Hà; TS. Nguyễn Hữu Độ; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; TS. Nguyễn Thị Thúy Anh; TS. Hoàng Đình Minh; TS. Nguyễn Trí Thức; TS. Lê Hải; TS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Kim Anh; ThS. Đặng Thị Hương; ThS. Nguyễn Hoa Mai; ThS. Vũ Đức Phúc; ThS. Trịnh Thị Hồng Yên; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Dương Thị Thúy Hằng; ThS. Đỗ Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2019 - 08/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan lý luận và khung phân tích về tổ chức phi lợi nhuận cung ứng dịch vụ xã hội. Đặc điểm dịch vụ xã hội ở Hà Nội và thực trạng thể chế quản lý phát triển dịch vụ xã hội hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận trên địa bàn thủ đô qua hơn 30

năm đổi mới. Thực trạng hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận cung ứng dịch vụ xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. Dự báo xu hướng, quan điểm, phương hướng, giải pháp phát triển và quản lý phát triển và quản lý phát triển các tổ chức phi lợi nhuận cung ứng dịch vụ xã hội trên địa bàn thủ đô đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-34/ĐK-TTTT&TK

50501. Luật học

72744.03-2022 **Giải pháp thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2016- 2020, định hướng 2030/** TS. Trần Xuân Ngọc, TS. Trần Xuân Ngọc; TS. Phạm Xuân Khánh; TS. Ngô Mạnh Tiến; TS. Khổng Hữu Lực; TS. Trần Thị Minh Tâm; ThS. Phạm Thị Thanh Hà; ThS. Lê Thế Hưng; ThS. Dương Đăng Khánh; CN Nguyễn Hồng Nhung; CN. Nguyễn Trọng Tùng; CN. Đào Bích Ngọc; ThS. Trương Thị Phương - Hà Nội - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về các giải pháp triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đánh giá thực trạng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030. Thử nghiệm một số giải pháp thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo chất lượng cao tại trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-07/ĐK-TTTT&TK

80469.03-2022 **Báo cáo thường niên: Tiếp cận công lý trong tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Thu Thủy, ThS. Cao Thị Lê Thương; PGS.TS. Phạm Hữu Nghị; TS. Dương Quỳnh Hoa; TS. Trần Văn Biên; ThS. Nguyễn Thị Hường; TS. Đặng Thị Thơm; ThS. Nguyễn Lê Dân; CN. Phạm Xô Việt; ThS. Lê Phương Hoa - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về lý luận về tiếp cận công lý trong tố tụng dân sự. Đánh giá thực trạng kết quả nhận thức lý luận và thực tiễn tiếp cận công lý trong tố tụng dân sự ở Việt Nam trong thời gian qua, đặc biệt là từ thời điểm ban hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 với vai trò là Bộ luật then chốt trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam. Chỉ ra các thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của các thành tựu và hạn chế đó. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và xác định những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra với việc đảm bảo tiếp cận công lý trong tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19016

80472.03-2022 **Giảm thiểu rủi ro trong tham gia tố tụng hành chính của cơ quan Hải quan/** ThS. Nguyễn Hùng Anh, ThS. Phạm Văn

Bằng; ThS. Tống Thị Hoa Quỳnh; CN. Phạm Thị Thu Thủy; ThS. Phạm Văn Cường; ThS. Nguyễn Thị Hà My; ThS. Ngô Thanh Bình; CN. Nguyễn Hữu Sinh; ThS. Nguyễn Phương Mai; CN. Nguyễn Hồng Linh - Hà Nội - Cục Điều tra chống buôn lậu, Tổng cục Hải quan, 2020 - 09/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về các rủi ro pháp lý cho cơ quan hải quan trong các vụ kiện hành chính tại Tòa án liên quan đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan. Nghiên cứu thực trạng tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án liên quan đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan. Nghiên cứu các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro pháp lý cho cơ quan hải quan trong các vụ kiện hành chính tại Tòa án.

Số hồ sơ lưu: 19031

80797.03-2022 **Nhận diện các rào cản pháp lý đối với hoạt động khởi nghiệp và các giải pháp khắc phục/** TS. Hồ Quang Huy, CN. Ngô Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Ngân; PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu; PGS.TS. Doãn Hồng Nhung; TS. Lưu Hương Ly; TS. Trần Thị Quang Hồng; TS. Trần Văn Biên; CN. Hà Trọng Bắc; CN. Trần Thị Lan Phương; TS. Vũ Hoài Nam; TS. Bùi Tiến Đạt; ThS. Phan Đình Tuấn Anh; ThS. Cao Hồng Hưng; CN. Nguyễn Thị Hoài Phương; ThS. Nguyễn Thế Đức Tâm; ThS. Đỗ Thị Huệ; ThS. Lê Thu Thảo; ThS. Ngô

Thanh Xuyên; CN. Đinh Quỳnh Như; ThS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Nguyễn Hữu Quảng; ThS. Trịnh Xuân Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Đảng, Nhà nước ta về khuyến khích, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp. Chỉ ra nhu cầu thực tế và những thách thức cơ bản ở khía cạnh pháp lý cần phải giải quyết trong giai đoạn khởi nghiệp. Nhận diện đầy đủ, rõ ràng các rào cản pháp lý đối với hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra các nguyên nhân, bản chất và những tác động tiêu cực của các rào cản pháp lý đối với hoạt động khởi nghiệp, cũng như đối với nền kinh tế của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, xác định phương hướng, mục tiêu và các giải pháp trước mắt, lâu dài có tính khả thi, toàn diện để tháo gỡ các rào cản pháp lý đối với hoạt động khởi nghiệp, từ đó đề xuất các cơ chế cần thiết để bảo đảm thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật đối với hoạt động khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19162

80798.03-2022 **Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế: giá trị pháp lý của các điều ước quốc tế, thực tiễn nội luật hoá và áp dụng tại các quốc gia thành viên/** ThS. Cao Xuân Phong, CN. Trần Thị Lan Phương; CN. Lê Thị Thuỳ Dương; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Lê Mạnh Hùng; ThS. Vũ Thị Hương; ThS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Phạm Hồ Hương; CN. Nguyễn Thị Hoa; TS. Nguyễn Linh Giang; TS. Nguyễn Hoàng Hạnh; CN. Nguyễn Hữu

Thắng; CN. Bùi Phương Anh; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; TS. Nguyễn Thị Hồng Yến - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2019 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cách tiếp cận về giá trị pháp lý của các điều ước quốc tế nói chung và các công ước của Hội nghị La Hay nói riêng so với pháp luật nội địa. Tìm hiểu cách thức thực hiện nội luật hóa một số điều ước quốc tế của Hội nghị La Hay tại một số quốc gia để rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc định hình giá trị pháp lý của một số công ước của Hội nghị La Hay và cách thức nội luật hóa. Đồng thời, tiến hành áp dụng các điều ước đó trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19155

80815.03-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện cơ chế bảo hiến theo tinh thần Hiến pháp năm 2013/** TS. Nguyễn Văn Cương, ThS. Dương Bạch Long; GS.TS. Trần Ngọc Đường; PGS.TS. Trần Văn Độ; PGS.TS. Đặng Minh Tuấn; TS. Dương Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Phước Thọ; CN. Trương Hồng Quang; ThS. Lê Thị Thiều Hoa; ThS. Hòa Thị Thủy; CN. Tống Thị Thanh Tú - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2017 - 03/2016 - 03/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về bảo hiến, cơ chế bảo hiến và kinh nghiệm bảo hiến trên thế giới. Tiến hành đánh giá thực trạng cơ chế bảo hiến và nhu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo hiến ở Việt Nam theo Hiến pháp

năm 2013. Qua đó, đưa ra các giải pháp có tính khả thi về việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế bảo hiến phù hợp với điều kiện Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19163

80818.03-2022 **Thực trạng công tác thi hành án hành chính và định hướng hoàn thiện pháp luật về thi hành án hành chính ở Việt Nam/** ThS. Mai Lương Khôi, ThS. Nguyễn Thị Hoàng Giang; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Vũ Thị Nhung; TS. Trần Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thị Kim Quy; ThS. Nguyễn Thị Ngân; TS. Trần Kim Liễu; CN. Nguyễn Thị Mai Loan; ThS. Nguyễn Thanh Nam; CN. Trần Mai Phương; ThS. Đinh Thị Nguyệt Thương; CN. Nguyễn Thị Ngọc; ThS. Lưu Thị Nhuận; TS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Văn Nông; ThS. Tô Thị Kim Nhung; TS. Nguyễn Ngọc Vũ - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học, cơ sở lý luận về thi hành án hành chính, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thi hành án hành chính như: Khái niệm về thi hành án; khái niệm về thi hành án hành chính; bản chất của thi hành án hành chính; đặc điểm và vai trò của công tác thi hành án hành chính ở Việt Nam...vv. Tìm hiểu, đánh giá về thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về thi hành án hành chính. Đề từ đó đưa ra hệ thống giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hành chính ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19165

80851.03-2022 **Hoàn thiện thể chế nhằm thực hiện đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân/** TS. Nguyễn Thanh Tú, TS. Chu Thị Thủy Chung; ThS. Vũ Lê Giang; GS.TS. Lê Hồng Hạnh; CN. Đinh Thị Phương Hảo; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; PGS.TS. Phan Huy Hồng; TS. Bùi Minh Hồng; ThS. Trần Thị Phương Liên; ThS. Nguyễn Tuấn Linh; TS. Lưu Hương Ly; ThS. Lê Thị Thúy Nga; PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa; ThS. Lưu Bảo Phượng; CN. Bùi Thị Quỳnh; ThS. Lê Thị Hoàng Thanh; ThS. Nguyễn Quang Hương Trà; CN. Hồ Thị Huyền Trang; ThS. Ngô Thu Trang; ThS. Bùi Huy Toàn; PGS.TS. Nguyễn Văn Vân; ThS. Trần Hải Yên - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích toàn diện, giải thích (giải mã) các nguyên tắc hiến định của Hiến pháp năm 2013 về quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân và yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thực thi quyền sở hữu tài sản trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Đánh giá những bất cập, hạn chế trong việc tiếp cận nguyên lý, lý luận, xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật về quyền sở hữu tài sản, đặc biệt là các loại tài sản mới, phi truyền thống hình thành trong môi trường số và các quyền đối với tài sản trong bối cảnh Việt Nam; từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện nhằm bảo đảm ranh giới của

quyền đối với tài sản được xác định rõ hơn, đảm bảo quyền đối với tài sản được thực thi một cách hữu hiệu, an toàn và minh bạch hơn với chi phí tuân thủ thấp trong bối cảnh thế giới ngày càng “phẳng” và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Số hồ sơ lưu: 19181

80852.03-2022 **Định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Trần Thị Quang Hồng, PGS. TS. Vũ Công Giao; TS. Nguyễn Thanh Tú; TS. Nguyễn Văn Cương; ThS. Phan Đức Hiếu; TS. Bạch Tân Sinh; ThS. Trần Anh Huy; TS. Lê Toàn; ThS. Nguyễn Huy Hoàng Nam; TS. Bùi Hải Thiêm; TS. Phạm Trọng Nghĩa; CN. Nguyễn Mạnh Đức, ThS. Trần Ngọc Hiệp, ThS. Đặng Quang Huy, CN. Nguyễn Thị Yên, CN. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, CN. Nguyễn Thị Thu, CN. Bé Hoài Anh, CN. Nguyễn Ngọc Anh, CN. Đinh Công Tuấn, TS. Trương Hồng Quang, ThS. Ngô Thanh Xuyên, ThS. Hòa Thị Thủy, ThS. Nguyễn Thị Hằng Như, CN. Ngô Xuân Kỳ, ThS. Lê Thị Thúy Nga, CN. Lưu Thị Phấn, CN. Hoàng Thị Kim Nhung, CN. Lê Hồng Thái, CN. Trần Thị Luyến, CN. Lê Thị Thắm, ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Về mặt lý luận đã hình thành hệ lý luận về hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2030. Những nghiên cứu này không chỉ cung cấp quan điểm lý luận mà còn là xuất phát điểm để tiếp tục các nghiên cứu về xây dựng

và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam gắn với yêu cầu của CMCN 4.0. Đưa ra gợi ý về cách tiếp cận nghiên cứu về yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh CMCN 4.0; Ở góc độ thực tiễn, các nghiên cứu ban đầu ở trong nước cung cấp các gợi ý nhất định về cách nhìn nhận các vấn đề phát sinh và khả năng xử lý về mặt pháp luật trong bối cảnh CMCN 4.0; Các nghiên cứu quốc tế cung cấp những thông tin tham khảo đáng học tập để có thể vận dụng trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19182

80868.03-2022 **Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Nguyễn Minh Khuê, ThS. Kiều Thị Hào; TS. Nguyễn Văn Cương; ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc; ThS. Đỗ Hồng Giang; TS. Trần Văn Biên; PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu; CN. Phạm Anh Tuyết; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Doãn Nhật Linh; CN. Nguyễn Hoàng Chi Mai - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về rửa tiền sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam (bản chất, đặc điểm của các sản phẩm công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0; đánh giá tác động và khả năng sử dụng các công nghệ mới trong hoạt động rửa tiền; phương thức, thủ đoạn rửa tiền sử dụng công nghệ cao; các loại tiền ảo dựa trên cơ sở công nghệ chuỗi khối (Blockchain) có nên được công nhận là hàng hóa, công cụ thanh toán, hay

các công cụ tài chính khác không?; mức độ công nhận của Nhà nước và các giải pháp tương ứng để ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có rửa tiền?...). Làm rõ thực trạng pháp luật hiện hành về phòng, chống rửa tiền trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 (khung pháp luật trong phòng, chống rửa tiền sử dụng công nghệ cao; mức độ phù hợp và tương thích của các văn bản pháp luật phòng, chống rửa tiền sử dụng công nghệ cao so với các tiêu chuẩn quốc tế...). Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật phòng, chống rửa tiền trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 (sửa đổi Luật phòng, chống rửa tiền năm 2012; BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015, các văn bản pháp luật xử lý vi phạm hành chính và những văn bản có liên quan đến phòng, chống rửa tiền...).

Số hồ sơ lưu: 19186

81030.03-2022 Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Thanh Sơn” cho sản phẩm quả chuối phấn vàng của huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ/ KS. Nguyễn Thị Thúy, ThS. Triệu Tiến Dũng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Trâm; ThS. Hán Thị Hồng Ngân; KS. Đỗ Hải Long; ThS. Đỗ Thế Việt; Quách Hải Lý; Nguyễn Quang Sỹ - Phú Thọ - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Rau hoa quả, 2019 - 04/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng, xác lập tiêu chí của nhãn hiệu chứng nhận “Thanh Sơn” cho sản phẩm quả chuối phấn vàng của huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Đồng thời, xây dựng hệ thống văn

bản quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận: Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Thanh Sơn” cho sản phẩm quả chuối phấn vàng huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Quy trình cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên sản phẩm; Hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, trồng thâm canh giống chuối phấn vàng. Tiến hành đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất, tập huấn vận hành quy trình quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, chuyển giao kỹ thuật thâm canh giống chuối phấn vàng cho cán bộ và người dân địa phương. Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thâm canh chuối Phấn vàng quy mô 2,5ha và vận hành quy trình quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận và xây dựng hệ thống quảng bá thương hiệu cho nhãn hiệu chứng nhận “Thanh Sơn” và triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: PTO-010-2021

50599. Các vấn đề pháp luật khác

80865.03-2022 Lựa chọn luật áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế mà một bên là thương nhân Việt Nam/ ThS. Cao Xuân Phong, PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng; TS. Bùi Thị Thu; PGS.TS. Nguyễn Tiến Vinh; CN. Lý Văn Anh; ThS. Vũ Thị Hương; TS. Nguyễn Hoàng Hạnh; ThS. Ngô Thu Trang; CN. Đào Bá Minh; TS. Nguyễn Chí Công; CN. Bùi Thị Phương Anh; CN. Nguyễn Hữu Thắng; ThS. Lê Xuân Tùng - Hà Nội

- Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về lựa chọn luật áp dụng trong các hợp đồng thương mại quốc tế. Tìm hiểu thực tiễn lựa chọn luật áp dụng trong các hợp đồng thương mại quốc tế tại một số nước và tại Việt Nam để nhận diện những khó khăn vướng mắc cả về lý luận và thực tiễn lựa chọn luật áp dụng trong các hợp đồng thương mại quốc tế. Đưa ra các kiến nghị về hoàn thiện pháp luật cũng như về thực tiễn tốt trong lựa chọn luật áp dụng trong các hợp đồng thương mại quốc tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19187

80867.03-2022 **Phân định thẩm quyền giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương theo tinh thần Hiến pháp năm 2013/** ThS. Lê Thị Thiệu Hoa, TS. Trương Hồng Quang; PGS.TS. Võ Kim Sơn; PGS.TS. Nguyễn Minh Phương; PGS.TS. Tô Văn Hòa; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Hoàng Thị Ngân; TS. Phan Hải Hồ; TS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Hòa Thị Thủy; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về phân định thẩm quyền giữa CQTW với CQĐP trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Đánh giá đúng thực trạng phân định thẩm quyền giữa CQTW với CQĐP theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 ở Việt Nam hiện nay; Đề xuất được những

giải pháp tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền giữa CQTW với CQĐP ở Việt Nam trong thời gian tới theo tinh thần Hiến pháp năm 2013.

Số hồ sơ lưu: 19185

50601. Khoa học chính trị

81079.03-2022 **Cải cách kinh tế ở Trung Quốc sau Đại hội XIX và hàm ý chính sách đối với Việt Nam/** TS. Bùi Thị Thanh Hương, TS. Bùi Thị Thanh Hương; PGS.TS. Đinh Công Tuấn; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Đặng Thị Thúy Hà; ThS. Nguyễn Thanh Giang; ThS. Nguyễn Thị Hà Phương; ThS. Lê Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hạ; Nguyễn Thị Ánh Thuận - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các chủ trương và giải pháp mới về phát triển kinh tế của Trung Quốc sau đại hội XIX. Phân tích đánh giá thực trạng cải cách kinh tế của Trung Quốc sau đại hội XIX và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19301

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

72753.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện xã hội hóa một số hoạt động tư pháp trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn hiện nay./** ThS. Trần Đông Tùng, TS. Trần Nho Thìn; ThS. Tô Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Hồng Tuyền; TS. Trần Mạnh Đạt; ThS. Phạm Thị Hoài Bắc; TS. Trần Văn Biên; CN. Tạ Mai Vũ; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; ThS. Bùi Phương Lê. - Hà Nội -

Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2018 - 07/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của xã hội hoá giám định tư pháp và trợ giúp pháp lý ở Việt Nam; đánh giá nhu cầu và thực trạng xã hội hóa trong hai lĩnh vực giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý trên địa bàn Hà Nội. Đề xuất giải pháp, quy trình, lộ trình thực hiện xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp và trợ giúp pháp lý của thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-31/ĐK-TTTT&TK

74277.03-2022 **Các giải pháp quản lý nhà nước đối với các trường phổ thông dân lập, tư thục tại Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục.**/ PGS.TS. Trương Thị Bích, PGS.TS. Đinh Quang Báo; PGS.TS. Phan Trọng Ngo; TS. Phạm Kim Anh; ThS. Hà Thị Lan Phương; ThS. Phạm Quang Huân; ThS. Trần Thị Yến; CN. Vũ Thị Lệ Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Sư phạm, 2018 - 09/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về các trường phổ thông dân lập, tư thục (khái niệm, mô hình quản lý của các trường, về quản lý nhà nước đối với các trường dân lập, tư thục. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với một số trường phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp quản lý nhà nước đối với các trường phổ thông dân lập, tư thục tại Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-52/ĐK-TTTT&TK

74280.03-2022 **Hoàn thiện mô hình, cơ chế cung cấp dịch vụ công một cửa của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội.**/ ThS. Lưu Kiếm Anh, CN. Bùi Thành Đạt; CN. Phạm Vũ; ThS. Nguyễn Lê Đức Huy; CN. Vũ Thùy Dương; CN. Lê Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Lê Hằng; CN. Trần Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Xuân Lương; ThS. Đào Thị Nga; CN. Trương Thị Tuyết Nga; ThS. Nguyễn Thị Thủy Ngân; ThS. Trần thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Thị Diễm; TS. Đoàn Văn Dũng; ThS. Lê Thị Hương; ThS. Phạm Tiến Luật; ThS. Bùi Thị Lợi; ThS. Vũ Tố Như; ThS. Nguyễn Thanh Nga; CN. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Vũ Văn Tùng; TS. Hoàng Thanh Tùng - Hà Nội - Sở Nội vụ Hà Nội, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về việc áp dụng cơ chế “một cửa” trong cung cấp DVC; Phân tích, đánh giá thực trạng việc áp dụng cơ chế “một cửa” trong cung cấp dịch vụ công của các ĐVSNCL thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 đến nay; Đề xuất mô hình thực hiện cơ chế “một cửa” trong cung cấp DVC tại các ĐVSNCL thuộc thành phố Hà Nội, có ứng dụng công nghệ thông tin; Đề xuất các giải pháp phù hợp áp dụng cơ chế “một cửa” trong cung cấp DVC của các ĐVSNCL thuộc thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-54/ĐK-TTTT&TK

75924.03-2022 **Đánh giá công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015-2020) và định hướng, giải pháp xây dựng " chính quyền điện tử", "thành phố thông minh", xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, quản trị hiện đại đến năm 2025, tầm nhìn 2030.**/ TS. Trần Huy Sáng; TS. Trần Huy Sáng; ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Lê Anh Tuấn; PGS.TS. Hoàng Văn Hải; PGS.TS. Bế Trung Anh; TS. Trần Minh; TS. Nguyễn Tiến Tùng; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Trần Đức Phương; TS. Nguyễn Quỳnh Nga; TS. Đặng Thị Hồng Hạnh; TS. Vũ Thị Minh Ngọc; TS. Đỗ Tất Cường; ThS. Đặng vũ Tuấn; ThS. Thân Đình Vinh; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Triệu Thị Ngọc; ThS. Đào Thị Nga; ThS. Lưu Kiên Anh; ThS. Phạm Xuân Sơn; PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa; TS. Bùi Huy Tùng; ThS. Lê Trung Kiên; thS. Trần Thanh Long; ThS. Nguyễn Xuân Lương; ThS. Mai Xuân Trường; ThS. Bùi Đình Thái; ThS. Vũ Huy Bình; ThS. Chu Thị Thắm; ThS. Trần Thị Minh Phương; ThS. Phan Thu Hà; ThS. Nguyễn Thu Hằng; - Hà Nội - Sở Nội vụ Hà Nội, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về xây dựng chính quyền, Cải cách hành chính (CCHC) và xây dựng “chính quyền điện tử”, “thành phố thông minh”; xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, quản trị hiện đại. Đánh giá thực trạng về công tác xây dựng chính quyền, CCHC, xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh và phương án thí điểm

xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, quản trị hiện đại giai đoạn 2015 – 2020 tại thành phố Hà Nội. Xây dựng định hướng, quan điểm, mục tiêu, giải pháp đẩy mạnh CCHC, xây dựng “chính quyền điện tử”, “thành phố thông minh”, góp phần xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, quản trị hiện đại của Thủ đô đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-57/ĐK-TTTT&TK

76415.03-2022 **Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp Hà Nội theo hướng phát triển bền vững**/ TS. Tạ Thị Đoàn, PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Thanh; TS. Tạ Thị Đoàn; TS. Trương Bảo Thanh; PGS.TS. Hoàng Văn Hoan; PGS.TS. Nguyễn Cúc; TS. Đỗ Đức QUÂN; TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; TS. Nguyễn Đức Chính; TS. Hoàng Đình Minh; TS. Hồ Sĩ Ngọc; TS. Đỗ Hữu Hải; TS. Hồ Văn Nga; TS. Trần Gia Long; TS. Nguyễn Văn Chử; ThS. Đinh Công Sơn - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2019 - 07/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở khoa học và về hiệu quả đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp. Lý luận chung về đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp. Mối quan hệ giữa đầu tư công, dịch vụ công với phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp. Đánh giá thực trạng hiệu quả đầu tư công và dịch vụ công ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội. Tổng quan ngành nông

nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 – 2015. Thực trạng đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội. Đánh giá hiệu quả đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp ở thành phố Hà Nội. Tiềm năng, lợi thế, cơ hội và thách thức trong phát triển nông nghiệp Hà Nội theo hướng bền vững. Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công, dịch vụ công ngành nông nghiệp Hà Nội theo hướng phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-24/ĐK-TTTT&TK

80485.03-2022 **Đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước/** TS. Đinh Văn Minh, TS. Nguyễn Văn Thanh; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Nguyễn Đình Quyên; TS. Trần Văn Ngợi; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Tạ Văn Sỹ; ThS.Chu Thành Quang; ThS. Phạm Đức Tiến; TS. Trần Văn Long - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận về đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước (khái niệm, đặc điểm, chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp, những yếu tố tác động đến hoạt động giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước; bản chất của cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước; mô hình và cơ chế vận hành giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước; sự cần thiết và yêu cầu đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan

hành chính nhà nước. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước và rút ra những bài học tham khảo đối với Việt Nam.Đánh giá thực trạng, làm rõ bất cập, hạn chế, nguyên nhân của những bất cập, hạn chế trong cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm đảm bảo giám sát hiệu quả việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 19035

80817.03-2022 **Trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng và thi hành pháp luật - Thực trạng và giải pháp/** ThS. Dương Bạch Long, ThS. Trần Thu Trang; GS.TS. Trần Ngọc Đường; TS. Phạm Hồng Quang; ThS. Nguyễn Quỳnh Liên; ThS. Cao Xuân Phong; TS. Trần Bích Ngọc; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Đàm Quang Ngọc; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Dương Thu Hương; ThS. Quế Thị Trâm Ngọc; CN. Lê Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nói chung và thi hành pháp luật nói riêng. Tham khảo kinh nghiệm về trách nhiệm giải trình ở một số nước trên thế giới có nền hành chính tương đối hiệu quả, năng động như: Hoa Kỳ, một số

nước châu Âu, Australia, Singapore, Nhật Bản hoặc có những điểm tương đồng với Việt Nam như Trung Quốc và rút ra bài học cho Việt Nam. Tiến hành đánh giá đúng thực trạng trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng và thi hành pháp luật ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm đổi mới, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19166

80866.03-2022 **Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành Tư pháp đáp ứng yêu cầu đặt ra từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Đoàn Trung Kiên, TS. Lê Thị Thúy Nga; ThS. Trần Minh Tiến; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng; GS.TS. Lê Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Nguyễn Quang Thái; TS. Tôn Quang Cường; TS. Nguyễn Minh Oanh; TS. Nguyễn Xuân Thu; TS. Trương Thế Côn; PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng; TS. Lê Mai Anh; TS. Nguyễn Thanh Phú; TS. Đồng Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thanh Nam; ThS. Nguyễn Tuấn Hưng - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành Tư pháp trước yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; Đánh giá thực trạng công tác

đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành Tư pháp so với yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; Nghiên cứu các giải pháp có tính khả thi để phát triển hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành Tư pháp thích ứng với yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: 19188

80886.03-2022 **Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo/** ThS. Nguyễn Thị Lê Hoa, ThS. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hà Thu; TS. Tăng Văn Khiên; CN. Đặng Thị Mai Phương; CN. Lê Xuân Biên; ThS. Hoàng Minh Hằng; Vũ Tú Quyên; Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thanh Hải; CN. Bùi Thu Hoài; CN. Nguyễn Mạnh Dân, ThS. Lê Thị Phương Thúy, CN. Nguyễn Thị Thúy Hà - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm của các quốc gia để nâng cao năng suất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; Xác định các yếu tố then chốt tác động tới nâng cao năng suất lao động ở bình diện quốc gia; Xác định các nội dung về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, mối liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp nội địa, và vai trò của hệ thống giáo dục và đào tạo nghề, đào tạo đại học làm trụ cột quan trọng góp phần nâng cao năng suất của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn sắp tới; Xác định các nội dung hoạt động khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo làm nền tảng cho tăng năng suất trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn sắp tới; Xác định và đề xuất được các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp, lộ trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm... để đạt được các mục tiêu tăng trưởng năng suất ở bình diện quốc gia đã được Đảng và Chính phủ đề ra; Đề ra các giải pháp tổng thể nâng cao năng suất quốc gia dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Số hồ sơ lưu: 19197

81004.03-2022 **Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước của Thủ trưởng đơn vị trong giai đoạn hiện nay tại địa bàn Quảng Bình/** ThS. Phạm Hồng Tam, Phạm Hồng Tam; Hồ Đại Thắng; Trần Đại Sơn; Phạm Tiến Bình; Lương Thị Quỳnh Nga; Nguyễn Văn Hào - Kho bạc tỉnh Quảng Bình - Kho bạc tỉnh Quảng Bình, 2021 - 07/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng NSNN của các đơn vị sử dụng ngân sách, từ đó đánh giá những rủi ro và nguyên nhân phát sinh. Bên cạnh đó, đề tài đi sâu xác định vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý và sử dụng NSNN. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng NSNN của Thủ trưởng đơn vị.

Số hồ sơ lưu: 08/2021-QLKHCN

81073.03-2022 **Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần**

thiết để xây dựng cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo./ TS. Nguyễn Huy Cường, TS. Nguyễn Đào Tùng ThS. Trần Thị Vân Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài; ThS. Lưu Hữu Đức; TS. Ngô Thanh Hoàng; TS. Phạm Thị Minh Hiền; ThS. Trần Thị Tuyết; TS. Nguyễn Mạnh Thiệu; TS. Diêm Thị Thanh Hải; KS. Nguyễn Trung Kiên; KS. Tống Văn Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hải Yên; PGS.TS. Vũ Văn Ninh; PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hòa; PGS.TS. Lý Phương Duyên; TS. Phạm Ngọc Hải; TS. Nguyễn Đình Chiến; TS. Lương Thu Thủy - Hà Nội - Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2021 - 07/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu về cơ chế thuế, cơ chế tài chính đối với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Lý luận và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng cơ chế thuế, cơ chế tài chính đối với nghiệp đổi mới sáng tạo. Thực trạng cơ chế thuế, cơ chế tài chính đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay. Kiến nghị và đề xuất hoàn thiện cơ chế thuế, cơ chế tài chính đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19305

81771.03-2022 **Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình/** Nguyễn Văn Trường, ThS. Phạm Tiến Dũng; KS. Lê Huy Hoàng; CN. Hồ Tiến Hải; CN. Lê Kim Hùng; KS. Nguyễn Thị Tuyết Lan; KS. Bùi Minh Nhật; CN. Nguyễn Thế Nam; CN. Nguyễn Việt Tâm; ThS. Dương Thị Mai - Hòa Bình - Thanh tra tỉnh Hòa Bình, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin của cán bộ , công chức đang công tác tại các sở , ngành, Lãnh đạo các doanh nghiệp , chủ các hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; cán bộ, công chức công tác tại 02 huyện Lương Sơn và Tân Lạc ; cán bộ , công chức cấp xã trên địa bàn huyện Kim Bôi để xem xét mức độ tiếp cận của những người được điều tra đối với Luật Thanh tra , Luật Luật Tố cáo , Luật Phòng , chống tham nhũng ; số lần cán bộ , công chức đã làm việc với cơ quan thanh tra; số lần cán bộ , công chức được trung tập tham gia đoàn thanh tra và mức độ ảnh hưởng của kết quả hoạt động thanh tra đối với công tác quản lý. Quá trình điều tra thu thập số liệu về các biểu hiện tham nhũng trong hoạt động thanh tra; tác động của các nguyên nhân dẫn đến tham nhũng trong hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; mức độ cần thiết phải thực hiện các giải pháp về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra.

Số hồ sơ lưu: HBH-008-2021

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

72755.03-2022 **Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp Hà Nội trong giai đoạn hiện nay./** TS. Nguyễn Việt Xô, TS. Nguyễn Việt Xô; TS. Nguyễn Đức Hương; ThS. Tạ Văn Được; ThS. Nguyễn Văn Mạch; CN. Kiều Quốc TS. Nguyễn Việt Xô; TS. Nguyễn Đức Hương; ThS. Tạ Văn Được; ThS. Nguyễn Văn Mạch; CN. Kiều Quốc Uy; CN. Nguyễn Trung Kiên; CN. Tạ Thị Tuyết Minh; ThS. Nguyễn Huy Hải; Đỗ Kim Oanh; CN. Hoàng Thanh Dũng; CN. Nguyễn Tiên Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Trần Hoàng Hà; Vũ Kiều Oanh; CN. Hồ Phương Hải; ThS. Chu Minh Tiến; ThS. Ngô Kim Anh; TS. tạ Trung Thành; PGS.TS. Trần Quang Nhiếp; PGS.TS. Đỗ Ngọc Ninh; PGS.TS. Nguyễn Đức Bách; PGS.TS. Lương Quỳnh Khuê; ThS. Lê Tân Phương; TS. Nguyễn Văn Phong; TS. Nguyễn Đình Dương. - Hà Nội - Đảng ủy Khối doanh nghiệp Hà Nội, 2018 - 06/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở doanh nghiệp. Đánh giá đúng thực trạng, phương hướng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở Đảng bộ Khối doanh nghiệp Hà Nội, chỉ rõ những vấn đề cần giải quyết. Đề xuất các quan điểm, phương hướng, giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của

các tổ chức cơ sở Đảng thuộc Đảng bộ khối doanh nghiệp Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-32/ĐK-TTTT&TK

72887.03-2022 **Đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng các tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội trong tình hình mới/** ThS. Vũ Đức Bảo, ThS. Vũ Đức Bảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; KS. Nguyễn Duy Huệ; CN. Phan Chu Đức; CN. Lê Thị Minh Nguyệt; ThS. Trần Đình Cảnh; ThS. Triệu Thị Ngọc; CN. Hoàng Thúy Minh; ThS. Đường Hoài Nam; ThS. Nguyễn Minh Long; ThS. Tường Thị Hồng Vân; TS Nguyễn Văn Phong; TS. Trần Quang Cảnh; ThS. Trịnh Huy Thành; TS. Nguyễn Việt Xô; PGS.TS. Trần Thị Minh Ngọc; TS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Phạm Mạnh Khởi; ThS. Nguyễn Phi Long; TS. Hoàng Giang; PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Nguyễn Thị Tuyền; TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Nguyễn Hồng Sơn; TS. Nguyễn Phi Thường. - Hà Nội - Ban tổ chức Thành ủy Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 04/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu luận giải góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận về mô hình tổ chức, nội dung, phương thức lãnh đạo của các Đảng bộ cấp trên cơ sở và tổ chức cơ sở Đảng trong các tổng công ty. Đánh giá thực trạng về mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng (Đảng bộ cấp trên cơ sở, Đảng bộ cơ sở) trong các tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội hiện nay. Đề xuất các giải pháp đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-16/ĐK-TTTT&TK

74258.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ Hà Nội trong giai đoạn hiện nay./** ThS. Trần Thị Phương Hoa, ThS. Trần Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Lê Kim Anh; ThS. Lê Thị Thiên Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Phương Ly; ThS. Trần Thị Lan; CN. Nguyễn Thị Ngọc thanh; TS. Dương Kim Anh; TS. Nhạc Phan Linh; NCS. Nguyễn Hoàng Anh. - Hà Nội - Hội liên hiệp Phụ nữ Hà Nội, 2018 - 11/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng hoạt động của tổ chức Hội LHPN, đề tài tập trung đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động của Hội LHPN Hà Nội, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ TP Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-39/ĐK-TTTT&TK

75832.03-2022 **Nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay./** ThS. Lê Thị Thu Hằng, ThS. Lê Thị Thu Hằng; CN. Phùng Khải Lợi; ThS. Phạm Thị Thu Giang; CN. Nguyễn Chí Trung; CN. Đàm Quốc Lịch; CN. Phạm Thị Nguyên Hạnh; CN. Lương Thị thu Hiền; CN. Vũ Kim Thơ; CN. Nguyễn Mạnh Kha; CN. Hoàng Minh Thông; ThS. Nguyễn

Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Minh Long.
- Hà Nội - Đảng ủy Khối các cơ quan thành phố Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan tài liệu liên quan đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý của Đảng nói chung, Hà Nội nói riêng. Nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt quả Đảng bộ Khối. Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội hiện nay – Thực trạng và những vấn đề đặt ra. Phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-32/ĐK-TTTT&TK

75923.03-2022 Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố (2015-2020); phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030./ ThS.Ngô Thị Thanh Hằng, Ngô Thị Thanh Hằng; TS. Nguyễn Hồng Sơn; PGS.TS. Nguyễn Thành Công; PGS.TS. Bùi Tất Thắng; ThS. Nguyễn Văn Tứ; ThS. Phạm Quý Tiên; ThS. Nguyễn Quang Huy; TS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Trần Đình Cảnh; TS. Trần Huy Sáng; TS. Lê Ngọc Anh; ThS. Chu Phú Mỹ; ThS. Lê Văn Dục; ThS. Tô Văn Động; TS. Trần Ngọc Nam; ThS. Nguyễn Thúy Chinh; TS. Võ Hải Long; ThS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Trần Hồng Quang; TS. Bùi Văn Nam; CN. Trần Thị Lê Hằng; TS. Vũ Thúy Anh; TS.

Trịnh Kim Liên; TS. Nguyễn Thị Diễm Hằng; ThS. Trần Phương Thảo; TS. Đặng Đức Anh; ThS. Lê Tất Phương; TS. Lê Văn Hùng; TS. Nguyễn Đình Chúc; TS. Cao Ngọc Lân; TS. Trần Anh Tuấn; TS. Đàm Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thu Hằng - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn về việc đánh giá tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố (2015-2020). Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố (2015-2020)- Thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra. Đánh giá bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn 2015 - 2020 khi thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố (2015-2020); Thành tựu (kết quả) đạt được và hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực. Đánh giá nguyên nhân (kết quả, hạn chế, yếu kém) trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô trong giai đoạn 2020 - 2025. Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Đảng bộ Thành phố giai đoạn 2020 - 2025. Nghiên cứu đề xuất các kiến nghị với Trung ương và Thành phố để thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-55/ĐK-TTTT&TK

76418.03-2022 **Đánh giá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng hệ thống chính trị nhiệm kỳ Đại hội XVI 9 2015-2020) và định hướng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.**/ ThS. Vũ Đức Bảo, ThS. Vũ Đức Bảo; ThS. Trần Đình Cảnh; CN. Nguyễn Thái Nhân; TS. Nguyễn Thị tuyền; CN. Đào Xuân Dũng; ThS. Đào Ngọc Triệu; CN. Lê Đức Thịnh; ThS. Nguyễn Thế Toàn; TS. Trần Anh Tuấn; PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn; TS. Cao Khoa Bằng; CN. Bùi Anh Tuấn; ThS. Lê Kim Anh; ThS. Dương Thị Hằng; CN. Phùng Đình thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Việt - Hà Nội - Ban tổ chức Thành ủy Hà Nội, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội. Đánh giá thực trạng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015 - 2020). Dự báo tình hình, định hướng quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-43/ĐK-TTTT&TK

81229.03-2022 **Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở Đảng bộ tỉnh Quảng Nam/ ThS.**

Trần Xuân Vinh, - Quảng Nam - Ủy ban Kiểm tra, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, công tác kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Thực trạng công tác kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở Đảng bộ tỉnh Quảng Nam từ năm 2005 đến nay. Định hướng và những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở Đảng bộ tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-011

81773.03-2022 **Đánh giá thực trạng, nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII tại các tổ chức cơ sở Đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Hòa Bình/ Đoàn Văn Thu, ThS. Nguyễn Hùng Cường; PGS.TS. Thân Minh Quế; PGS.TS. Đoàn Xuân Thủy; Đỗ Lệnh Vượng; Phạm Xuân Triển; Bùi Việt Dũng; Nguyễn Quốc Hùng; Nguyễn Minh Thành; ThS. Bùi Đức Dũng; Đặng Thùy Dung - Hòa Bình - Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Hòa Bình, 2020 - 09/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Trình bày những vấn đề lý luận chung về vấn đề tự phê bình và phê bình trong Đảng. Nêu thực trạng công tác tự phê bình và phê bình ở các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng

bộ Khối các cơ quan tỉnh giai đoạn 2015-2019. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình ở các tổ chức cơ sở Đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh trong những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: HBH-010-2021

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

72733.03-2022 Nghiên cứu mức độ sẵn sàng chi trả của người dân thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025/ NCS. Đoàn Minh Ngà, NCS. Đoàn Minh Ngà; ThS. Nghiêm hị Hoàng Anh; CN. Đường Minh Vũ; NCS. Nguyễn Đức Huy; ThS. Vương Tuấn Anh; ThS. Tô Đức Giang; ThS. Trịnh Thị Hương; ThS. Trần Mạnh dũng; PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh; CN. Phạm Thu Trang - hà nội - Viện Nghiên cứu phát triển KT- XH Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị. Đánh giá thực trạng mức chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị trong giai đoạn 2010 – 2017. Xác định mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025. Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng phục vụ phù hợp với mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-43/ĐK-TTTT&TK

72747.03-2022 Nghiên cứu hình thái, cấu trúc đô thị sinh thái để xây dựng tiêu chí và nguyên tắc quản lý đô thị sinh thái theo quy hoạch chung và định hướng phát triển bền vững/ TS. Đỗ Hậu, GS.TS. Đỗ Hậu; ThS.KTS. Vũ Hoài Đức; ThS. Trần Thanh Ý; GS.TS. Lê Hồng Ké; TS.KTS. Đào Ngọc Nghiêm; ThS. Phan Thanh Mai; PGS.TS. Lương Tú Quyên; TS. Lương Văn Quảng; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dung; TS. Vũ Thúy Hằng; TS. Đỗ Trần Tín; TS. Ngô Việt Hùng. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Quy hoạch và Phát triển đô thị, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí, hình thái, cấu trúc đối với 3 đô thị sinh thái (Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn) theo quy hoạch; Đề xuất mô hình và giải pháp ứng dụng quy hoạch phát triển các thị trấn sinh thái theo hình thức hợp nhất giữa quy hoạch xây dựng với kế hoạch phát triển và công tác quản lý; - Đề xuất nguyên tắc quản lý 3 đô thị sinh thái theo định hướng phát triển bền vững ở Thủ đô Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-02/TTTT-TK

72791.03-2022 Nghiên cứu giải pháp thiết kế lớp vỏ công trình văn phòng cao tầng phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới và tiết kiệm năng lượng tại Hà Nội/ PGS.TS. Lê Quân, TS.KTS. Ngô Thị Kim Dung; TS.KTS. Lê Chiến Thắng; TS.KTS. Nguyễn Trọng

Phượng; TS.KTS. Khuất Tân Hưng; TS.KTS. Đặng Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn Sơn Lâm; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS.KTS. Trần Hương Trà. - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở khoa học thiết kế vỏ công trình phù hợp điều kiện khí hậu nhiệt đới và tiết kiệm năng lượng. Giải pháp thiết kế lớp vỏ công trình cho công trình văn phòng cao tầng (từ 9 đến 40 tầng) trên địa bàn thành phố Hà Nội. Lựa chọn 01 địa điểm ứng dụng thực nghiệm nhằm khẳng định giải pháp đặt ra phù hợp về lý thuyết và cả trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-24-ĐK-TTTT&TK

74241.03-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quan trắc liên tục sự dịch chuyển và biến dạng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội.**/ GS.TS. Phạm Công Khải, PGS.TS. Phạm Công Khải; ThS. Lê Văn Cảnh; TS. Lê Đức Tình; ThS. Nguyễn Gia Trọng; ThS. Phạm Văn Chung; ThS. Nguyễn Việt Nghĩa; ThS. Nguyễn Quốc Long; ThS. Võ Ngọc Dũng; TS. Nguyễn Việt Hà; PGS.TS. Trần Khánh; ThS. Hoàng Lê Minh; ThS. Nguyễn Quang Thắng; ThS. Nguyễn Thế Hiệp; ThS. Vũ Trung Ruy; TS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Phạm Ngọc Quang; TS. Bùi Thị Hồng Thắm; KS. Nguyễn Trần Trung. - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất., 2019 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích và luận giải được cơ sở khoa học và thực tiễn của việc ứng dụng công nghệ GNSS/ CORS và điều kiện ứng dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Lựa chọn được thiết bị, công nghệ và xây dựng được bản vẽ thiết kế lắp đặt một trạm CORS. Đề xuất xây dựng được sơ đồ mạng lưới trạm CORS và quy trình đo để phục vụ quan trắc liên tục dịch chuyển biến dạng một số công trình trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNi-2019-17/ĐK-TTTT&TK

74246.03-2022 **Nghiên cứu giải pháp quy hoạch và giải pháp quản lý không gian ngầm đô thị tại Thủ Đô Hà Nội.**/ ThS.Lưu Quang Huy, ThS. Lê Chính Trực ThS. Lưu Quang Huy; ThS. Lê Chính Trực; Ths Trần Hoàng Kim; ThS. Đồng Phước An; ThS. Hoàng Cao Thắng; PGS.TS. Nguyễn Đình Hóa; PGS.TS. Trần Mạnh Liễu; KS. Nguyễn Quốc Huy; KS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Đào Minh Tâm; KTS. Lưu Hồng Kiên; KTS. Nguyễn Hà Kiên; ThS. Hoàng Long; TS. Phan Thế Hùng; ThS. Vũ Tuyết Mai; ThS. Trịnh Quang Dũng; KS. Vũ Thanh Mai; ThS. Nguyễn Ngọc Quang; KTS. Lưu Hồng Quang; KS. Nguyễn Thị Vân Hằng; KS. Bùi Hữu Minh; KTS. Nguyễn Trung Tuấn - Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội, 2018 - 06/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các bất cập hiện nay trong công tác lập Quy hoạch không gian ngầm đô thị từ đó đưa ra các giải pháp, yêu cầu quy trình lập và thẩm định hồ sơ quy hoạch không gian ngầm và xây dựng sử dụng công

trình ngầm. Đề xuất giải pháp định hướng nguyên tắc quy hoạch chung không gian ngầm theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở để thực hiện quy hoạch phân khu đô thị và quy hoạch chi tiết. Đề xuất mô hình quản lý và các quy định của Thành phố đối với hệ thống không gian ngầm đô thị tại khu vực nội đô theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-50/ĐK-TTTT&TK

74278.03-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý và khai thác cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị trong phạm vi chỉ giới đường đỏ phù hợp với điều kiện của Hà Nội./ PGS.TS. Lưu Đức Hải, PGS.TS. Lưu Đức Hải; TS. Lê Thị Bích Thuận; KS. Phạm Công Bình; ThS. Phan Thanh Mai; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; KTS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Lê Thúy Hà; ThS. Đinh Quốc Thái; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Lê Đại Thắng - Viện Nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề xuất các quy định kỹ thuật thiết kế và các giải pháp quản lý xây dựng đồng bộ hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đề xuất các giải pháp quản lý và khai thác đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị trong phạm vi chỉ giới đường đỏ phù hợp với điều kiện của Hà Nội. Đề xuất mô hình quản lý và cơ chế phối hợp của các cơ quan quản lý, sử dụng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Dự thảo quy chế quản lý

và khai thác đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-53/ĐK-TTTT&TK

74283.03-2022 Nghiên cứu các mô hình phát triển nhà ở xã hội cho thuê thành phố Hà Nội/ TS. Lê Thị Bích Thuận, TS. Lê Thị Bích Thuận; TS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Nguyễn Văn Nam; KTS. Phạm Thị Bích Phương; KTS. Nguyễn Xuân Hải; ThS. Lê Việt Trường; KTS. Phạm Thị Liên Phương; ThS. Lê Thị Thúy Hà; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; KTS. Nguyễn Ngọc Tú - Viện Nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng, 2018 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá làm rõ các nguyên nhân và hạn chế trong phát triển nhà ở xã hội cho thuê thành phố Hà Nội giai đoạn vừa qua; Đề xuất các mô hình phát triển nhà ở xã hội cho thuê tại Hà Nội, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội thành phố.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-56/ĐK-TTTT&TK

80900.03-2022 Giải pháp xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Bắc Kạn/ PGS.TS. Trần Việt Khanh, PGS. TS. Trần Việt Khanh; PGS.TS. Đàm Thị Uyên; ThS. Trần Thanh Thương; PGS.TS. Đỗ Anh Tài; ThS. Phạm Xuân Thiều; TS. Hà Xuân Linh; TS. Đinh Hồng Linh; TS. Phạm Quốc Tuấn; ThS.NCS. Lê Minh Hải; CN. Ngô Quang Tú. - Đại học Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bằng cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở phân tích, điều tra, nghiên cứu thực tế, đề tài đưa ra 2 nhóm giải pháp (nhóm giải pháp chung và nhóm các giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực) để xây dựng nếp sống VHVM đô thị trên địa bàn TP Bắc Kạn. Các giải pháp này cần được triển khai đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức một cách hợp lý, đặc biệt là sự kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Ngoài ra giải pháp xây dựng văn hóa quản lý cũng hết sức quan trọng, cần được triển khai với đối tượng là các cơ quan quản lý, chính quyền các cấp và đến cán bộ làm các công tác quản lý ở TP Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 03/2020 Quyển số 01-STD-QLCNCN

50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải

80793.03-2022 Nghiên cứu xây dựng phương án tổ chức chạy tàu cho mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội/ TS. Nguyễn Tiến Quý, PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Vương Thị Hương Thu; ThS. Bùi Thị Hương; TS. Lê Công Thành; ThS. Bùi Xuân Học; ThS. Bùi Văn Mạnh; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; KS. Đỗ Anh Tuấn; KS. Nguyễn Xuân Trường - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề chung về tổ chức chạy tàu đường sắt đô thị như về cơ sở hạ tầng, biểu đồ chạy tàu và các phương pháp đóng đường

trong tổ chức chạy tàu đường sắt đô thị. Khảo sát, phân tích, đánh giá hiện trạng về quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội. Đồng thời nghiên cứu phương pháp và xây dựng phần mềm lập biểu đồ chạy tàu cho mạng lưới đường sắt đô thị. Xây dựng phương án thử nghiệm tổ chức chạy tàu cho các tuyến hiện có trong mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 19156

50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác

75856.03-2022 Đánh giá tác động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội/ TS. Cao Thị Thanh, TS. Lê Thùy Hương; TS. Vũ Đình Khoa; TS. Trần Quang Thắng; TS. Lê Đức Thủy; TS. Đỗ Hải Hưng; ThS. Trần Phương Thảo; ThS. Nguyễn Duy Chúc; ThS. Nguyễn Thị Phương Anh; ThS. Bùi Thị Quyên; ThS. Trần Thanh Tùng; ThS Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Phùng Thị Kim Phượng; ThS. Nguyễn Tiến Lợi; TS. Trịnh Mai Vân; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; PGS.TS. Lê Hà Thanh; ThS. Hà Thị Thanh Thủy; TS. Trần Thế Nữ; ThS. Đỗ Thành Nam - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về tác động của KCN, CCN, KCX đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá tác động của các KCN, CCN tới phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

Phân tích thực trạng tác động kinh tế của KCN, CCN, KCX trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phân tích thực trạng tác động xã hội và môi trường của KCN, CCN, KCX trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đánh giá chung về tác động kinh tế, xã hội của KCN, CCN, KCX trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề xuất các giải pháp khả thi để phát huy những mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các KCN, CCN, KCX đến phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-49/ĐK-TTTT&TK

75922.03-2022 **Đánh giá kinh tế - xã hội Thủ đô nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015-2020) và định hướng phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030/** TS. Nguyễn Mạnh Quyền, TS. Nguyễn Mạnh Quyền; ThS. Nguyễn Hữu Lợi; TS. Trần Ngọc Nam; TS. Nguyễn Thái Đông; ThS. Bùi Việt Nga; CN. Đỗ Hoài Giang; ThS. Nguyễn Hồng Minh; TS. Trần Đức Phương; TS. Hoàng Văn Giang; ThS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Bùi Việt Hưng; TS. Lê Hồng Thăng; ThS. Trần Đức Hải; ThS. Hà Minh Hải; TS. Nguyễn Hải Bắc; TS. Lê Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thúy Chinh; ThS. Chu Phú Mỹ; CN. Nguyễn Tiên Nam; ThS. Lê Vinh; ThS. Lê Văn Dục; TS. Nguyễn Ngọc Kỳ; GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn; ThS. Nguyễn Hoàng Hà; CN. Nguyễn Trường Linh; TS. Nguyễn Hữu Khánh; KS. Nguyễn Văn Quyết; TS. Trần anh Tuấn; ThS. Đinh Thị Ninh Giang; PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Tiên Huy; ThS. Phạm Minh Hiền;

ThS. Lê Thị Thùy Linh; ThS. Hoàng Thọ Vương; ThS. Đỗ Thu Trang; ThS. Đoàn Thị Thu Hà; ThS. Trần Hoàng Ngân; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Hà Thị Quỳnh Hương; ThS. Trịnh Quang Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Khải; ThS. Ngô Xuân Hùng; KS. Nguyễn Doãn Thành; CN. Bùi Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Thảo Ninh; ThS. Lê Văn Bằng; ThS. Nguyễn Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Tô Đức Giang; ThS. Vũ Thùy Dương; CN. Phạm Thùy Linh; CN. Phan Huy Cường; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Phạm Quang Anh; ThS. Lê Trần Phong; ThS. Lê Mỹ Hạnh - Hà Nội - Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Tổng quan về hiện đại hóa; vai trò của chính quyền trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội trong và ngoài nước. Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI (2015 – 2020). Nghiên cứu dự báo bối cảnh, những nhân tố tác động tới phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghiên cứu đề xuất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghiên cứu dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-52/ĐK-TTTT&TK

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

74282.03-2022 **Thực trạng và giải pháp đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về chính sách và pháp luật của người dân Thủ đô./** PGS.TS. Phạm Hữu Tiến, PGS.TS. Phạm Hữu Tiến; TS. Lê Xuân Thìn; TS. Phùng Thảo; TS. Văn Đình Ứng; ThS. Trần Văn Hưng; CN. Phùng Văn Đức; CN. Đinh Thu Hương; KS. Mai Thị Hòa; CN. Phạm Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Bích Thảo; ThS. Nguyễn Phi Long; PGS.TS. Lê Văn Toàn; TS Nguyễn Huy Thám; TS. Cao Đức Thái; ThS. Nguyễn Phương Nam; Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Ngô Quỳnh Hoa; ThS. Lê Thị Hà - Hà Nội - Viện Chính sách pháp luật và quản lý, 2018 - 07/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở lý luận về quyền tiếp cận thông tin và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, nghiên cứu, đánh giá thực trạng tiếp cận thông tin chính sách và pháp luật của người dân Thủ đô; đề xuất giải pháp đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về chính sách và pháp luật ở Thủ đô trong tình hình mới, khi Luật tiếp cận thông tin đã được Quốc hội ban hành tháng 4 năm 2016, có hiệu lực từ 01/7/2018.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-55/ĐK-TTTT&TK

59999. Khoa học xã hội khác

72733.03-2022 **Nghiên cứu mức độ sẵn sàng chi trả của người dân thành phố Hà Nội trong việc sử**

dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025/ NCS. Đoàn Minh Ngà, Đoàn Minh Ngà; ThS. Nghiêm Thị Hoàng Anh; CN. Đường Minh Vũ; Nguyễn Đức Huy; ThS. Vương Tuấn Anh; ThS. Tô Đức Giang; ThS. Trịnh Thị Hương; ThS. Trần Mạnh Dũng; PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh; CN. Phạm Thu Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị. Đánh giá thực trạng mức chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị trong giai đoạn 2010 – 2017. Xác định mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025. Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng phục vụ phù hợp với mức độ sẵn sàng chi trả của người dân Thành phố Hà Nội trong việc sử dụng các dịch vụ đô thị chủ yếu đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-43/ĐK-TTTT&TK

72753.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện xã hội hóa một số hoạt động tư pháp trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn hiện nay./** ThS. Trần Đông Tùng, TS. Trần Nho Thìn; ThS. Tô Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Hồng Tuyền; TS. Trần Mạnh Đạt; ThS. Phạm Thị Hoài Bắc; TS. Trần Văn Biên; CN. Tạ Mai Vũ; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; ThS. Bùi Phương Lê. - Hà Nội -

Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2018 - 07/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc nghiên cứu Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của xã hội hoá giám định tư pháp và trợ giúp pháp lý ở Việt Nam; đánh giá nhu cầu và thực trạng xã hội hóa trong hai lĩnh vực giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý trên địa bàn Hà Nội. Đề xuất giải pháp, quy trình, lộ trình thực hiện xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp và trợ giúp pháp lý của thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-31/ĐK-TTTT&TK

80829.03-2022 **Xây dựng khung đánh giá chất lượng hoạt động của Đại biểu dân cử không chuyên trách tỉnh Lào Cai./** ThS. Giàng Thị Bình, ThS. Lưu Thị Hiền ThS. Giàng Thị Bình; ThS. Lưu Thị Hiền; CN. Trần Xuân Thảo; CN. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Đinh Thị Kim Thu; CN. Nguyễn Hữu Vinh; CN. Đào Lê Huy; CN. Sùng Thị Păng; CN. Nguyễn Thanh Bình; CN. Lưu Thị Quyên - Lào Cai - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai., 2020 - 05/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND một số tỉnh, thành phố. Đánh giá thực trạng về chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đại biểu dân cử không chuyên trách. Nghiên cứu bổ sung

nhánh ứng dụng công tác quản lý Đại biểu HĐND và đánh giá chất lượng hoạt động của Đại biểu HĐND không chuyên trách vào phần mềm hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND. Biên soạn sổ tay đại biểu dân cử (tài liệu sách in và sách điện tử).

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-011

81482.03-2022 **Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025/** ThS. Nguyễn Văn Trúc, ThS. Nguyễn Văn Trúc; ThS. Phạm Ngọc Vũ; CN. Nguyễn Văn Quang; TS. Nguyễn Hữu Xuyên - Bà Rịa - Vũng Tàu - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH&CN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2020 - 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa các yếu tố cấu thành, nội dung phát triển thị trường KH&CN và đưa ra các yếu tố ảnh hưởng, cũng như các tiêu chí phản ánh sự phát triển của thị trường KH&CN. Đưa ra các bài học tham khảo cho tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm về mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của một số quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan) và kinh nghiệm về xây dựng chương trình phát triển thị trường KH&CN của một số tỉnh/thành Việt Nam như Hải Phòng, Thái Nguyên, Nghệ An. Khảo sát, phân tích, đánh giá phân tích thực trạng các chính sách của Việt Nam, của tỉnh Bà Rịa - Vũng trong việc phát triển thị trường

KH&CN. Đưa ra được quan điểm, phương hướng, mục tiêu của Chương phát triển thị trường KH&CN của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu . Các nội dung nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng để xây dựng Chương trình thị trường KH&CN tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: BTU-2021-001

60103. Khảo cổ học và tiền sử

81520.03-2022 **Kiến trúc thời Lý qua tư liệu khảo cổ học/** TS. Phạm Văn Triệu, Tổng Trung Tín; Phạm Lê Huy; Nguyễn Văn Mạnh; Quách Thị Sớm; Lê Thị Xuân - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích từ đó rút ra các đặc điểm của kiến trúc thời Lý trên các vấn đề về quy hoạch kiến trúc, mặt bằng kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng. Nhận diện, phân định các đặc điểm về loại hình, bố cục kiến trúc, và các đặc điểm riêng của kiến trúc thời Lý các khu vực, các giai đoạn phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của nhà Lý thông qua việc nhận diện về niên đại, vật liệu xây dựng. Tiến hành đánh giá sơ bộ những đóng góp của kiến trúc thời Lý trong tiến trình phát triển của kiến trúc cổ ở các triều đại phong kiến Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19157

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

73646.03-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện chuẩn mực văn hóa ứng xử của thanh niên Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế./**

PGS.TS. Hoa Hữu Lân, - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về chuẩn mực văn hóa ứng xử và thực hiện chuẩn mực văn hóa ứng xử của thanh niên. Đánh giá đúng thực trạng việc thực hiện văn hóa ứng xử của thanh niên Hà Nội, chỉ rõ những vấn đề đặt ra. Những nhân tố tác động đến việc thực hiện văn hóa ứng xử của thanh niên Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong thời gian tới. Đề xuất giải pháp, quy tắc, quy trình thực hiện văn hóa ứng xử của thanh niên Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-17/ĐK-TTTT&TK

76417.03-2022 **Đánh giá sự phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh, đảm bảo an sinh xã hội nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015-2020) và định hướng phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2030/** ThS. Tô Văn Động, Tô Văn Động; Ngô Văn Nam; Khuất Văn Thành; Chử Xuân Dũng; Nguyễn Ngọc Kỳ; Lê Ngọc Anh; Nguyễn Khắc Hiền; Trần Đức Hải; Bà. Bùi Thị Thu Hiền; Võ Hải Long; Hồ Quang Lợi; Lê Hồng Lý; Nguyễn Sỹ Toàn; Phạm Thị Lan Anh; Nguyễn Văn Hoàng; Nguyễn Văn Trục; Đinh Văn Luyến; Lê Xuân Kiêu; Doãn Văn; Bà. Nguyễn Thị Việt Hà; Nguyễn Trung Hiếu - Hà Nội - Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, đảm bảo an sinh xã hội của Thủ đô giai đoạn 2015 – 2020. Nghiên cứu đề xuất định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, đảm bảo an sinh xã hội đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Nghiên cứu đề xuất kiến nghị với Trung ương và Thành phố để thực hiện tốt các giải pháp phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh, đảm bảo an sinh xã hội đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HNI 2019-41/ĐK-TTTT&TK

60299. Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa khác

72735.03-2022 **Đánh giá thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên cao đẳng, đại học của Hà Nội/ PGS.TS. Vũ Công Hào, PGS.TS. Bùi Văn Quân; TS. Phạm Ngọc Sơn; TS. Bùi Thị Thanh Hương; TS. Đỗ Ngọc Chung; ThS. Lê Thị Hiền ; ThS. Nguyễn Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Huyền Chang - Hà Nội - Trường Đại học Thủ đô, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Làm rõ cơ sở lý luận về đời sống tinh thần; khái niệm, khung chuẩn giá trị niềm tin, hành vi của sinh viên. Tập trung đánh giá thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên, nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của sinh viên cao đẳng, đại học của Hà Nội. Đề xuất và khảo nghiệm

một số giải pháp tại một số trường Cao đẳng, Đại học của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-10/ĐK-TTTT&TK

81761.03-2022 **Biên soạn Từ điển song ngữ đối chiếu Việt-Mường, Mường Việt/ GS.TS Nguyễn Văn Khang, Bùi Nội; CN. Bùi Thị Niềm; PGS.TS Trần Thị Hồng Hạnh; ThS. Bùi Thị Kim Phúc; TS. Phạm Thị Hà; TS. Phạm Văn Lam - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng công cụ tra cứu thiết thực trong việc sử dụng tiếng Mường: toàn bộ vốn từ vựng tiếng Mường được lưu giữ trong bộ từ điển này, theo đó; người sử dụng có thể tra cứu khi cần dùng, cần tìm hiểu. Quảng bá, đưa bộ chữ Mường vào trong đời sống dân tộc Mường và khẳng định bộ chữ Mường là chữ viết chính thức của dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình; Góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HBH-001-2021

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

81158.03-2022 **Chiến lược thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan - Kinh nghiệm và gợi ý cho Việt Nam/ TS. Võ Hải Thanh, TS. Phí Hồng Minh; TS. Phan Cao Nhật Anh; Võ Hải Minh; TS. Hoàng Minh Hằng; ThS. Phan Thị Diễm Huyền; ThS. Nguyễn Ngọc Long - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Khái quát làm rõ các lý thuyết, lý luận liên quan đến cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chiến lược thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan nói riêng. Phân tích làm rõ các nội hàm hay các nội dung chủ yếu của chiến lược thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Tổng kết một số bài học kinh nghiệm từ việc hoạch định và thực thi chiến lược thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và gợi ý cho Việt Nam trong việc hoạch định và thực thi chiến lược thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 19328

81266.03-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đăng ký mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ và phát triển vùng trồng sâm theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam/ TS.** Lương Đức Toàn, - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên vùng quy hoạch phát triển cây sâm Ngọc Linh. Điều tra, khảo sát thu thập mẫu đất, phân tích đất, đánh giá chất lượng đất vùng quy hoạch phát triển cây sâm Ngọc Linh. Đánh giá khả năng thích hợp đất đai của cây sâm Ngọc Linh và đề xuất các vùng ưu tiên phát triển sâm Ngọc Linh trên các dạng lập địa. Xác định đặc thù về tính chất, chất lượng của sâm Ngọc Linh tại các vùng dự kiến đăng ký mở rộng phạm vi chỉ dẫn địa lý. Xây dựng hồ sơ đăng ký mở

rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ.

Số hồ sơ lưu: QNM-2021-015

69999. Khoa học nhân văn khác

81311.03-2022 **Nghiên cứu, đánh giá khả năng khởi nghiệp thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/ TS.** Trần Tự Lực, Trần Tự Lực; Trần Ngọc Thùy Dung; Lê Khắc Hoài Thanh; Nguyễn Thị Diệu Thanh; Nguyễn Thị Kim Phụng; Phan Thị Quỳnh Trang - Trường Đại học Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2021 - 07/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá khả năng thành công của các DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thành công và không thành công; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự thành công của các DNKN. Nghiên cứu, phân tích và đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn về khởi nghiệp, khởi nghiệp thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp; Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thành công và không thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp; Phân tích, đánh giá thực trạng thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Xây dựng quy trình hình thành các mô hình khởi nghiệp thành công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự thành công của các DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 11/2021-QLKHCN

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*